



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TP.HCM

THỊ TRƯỜNG NEPAL

Thành phố Hồ Chí Minh 2022

MỤC LỤC

Chương 1: Kinh doanh ở Nepal 3

Chương 2: Điều kiện tự nhiên, môi trường kinh tế và chính trị 13

Chương 3: Quy định thương mại, hải quan và các tiêu chuẩn 311

Chương 4: Môi trường đầu tư..... 466

Chương 5: Văn hóa trong kinh doanh và những điều lưu ý..... 7878

Chương 6: Một số liên hệ cần thiết. 855



Chương 1: Kinh doanh ở Nepal

Tổng quan thị trường

Nepal đã rơi vào tình trạng hỗn loạn chính trị từ năm 1996 - 2017, gây ra do một cuộc binh biến cho đến năm 2006, tiếp theo là một quá trình hòa bình kéo dài một thập kỷ với đỉnh điểm là việc ban hành Hiến pháp mới vào năm 2015. Các cuộc bầu cử theo Hiến pháp mới đã được tổ chức vào năm 2017 và một chính phủ chiếm đa số ghế đã tiếp quản nhà nước vào năm 2018. Tăng trưởng kinh tế của Nepal tụt hậu so với hầu hết các nước láng giềng do nhiều năm bất ổn chính trị, trung bình 4% từ 2007-17, so với Ấn Độ (7,4%), Bangladesh (6,2%) và Sri Lanka (5,9%).

Khi chính trị Nepal bắt đầu ‘trạng thái bình thường’ vào năm 2018, tăng trưởng kinh tế phục hồi trở lại, đạt trung bình 7,3% trong ba năm 2017-19 trước khi xảy ra đại dịch COVID. Tuy nhiên, đại dịch và các đợt đóng cửa đã dẫn đến sự suy giảm kinh tế xuống - 1,9% trong năm tài chính (FY) 2019/20. Nền kinh tế Nepal dường như đang phục hồi sau đợt suy thoái này vào mùa xuân năm 2021, với Ngân hàng Thế giới đưa ra dự báo vào tháng 4 là tăng trưởng 2,7% trong năm tài chính 2020/21. Với làn sóng COVID thứ hai bắt đầu vào cuối tháng 4 năm 2021, sự phục hồi như vậy hiện trông có vẻ lạc quan.

Thủ tướng Sher Bahadur Deuba của Đảng Quốc hội Nepal đã giành chiến thắng trong cuộc bỏ phiếu tín nhiệm vào ngày 18 tháng 7. Điều này có nghĩa là chính phủ của ông có thể tại vị cho đến khi các đợt bầu cử quốc hội diễn ra thường xuyên vào tháng 11 năm 2022. Tuy nhiên, bên cạnh đại dịch, các sự mâu thuẫn và bất ổn chính trị có khả năng sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế và môi trường kinh doanh nếu vẫn còn tiếp diễn.

Về mặt cấu trúc, nền kinh tế Nepal phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp, nhưng lĩnh vực dịch vụ vẫn là ngành đóng góp lớn nhất vào GDP quốc gia. Nông nghiệp chiếm 27,5% GDP và 65,7% việc làm. Khu vực công nghiệp – với phân ngành lớn nhất bao gồm sản xuất và xây dựng - đóng góp 15,1% GDP. Ngành dịch vụ - với phân ngành lớn nhất bao gồm bất động sản, thương mại, vận tải, thông tin liên lạc và giáo dục - đóng góp 57,4% GDP.

Cơ cấu nền kinh tế Nepal đang dần chuyển dịch khỏi nông nghiệp cùng với sự di dân đáng kể từ nông thôn ra thành thị và nước ngoài. Ước tính có khoảng 4-6 triệu người

Nepal làm việc ở nước ngoài, chủ yếu ở các nước vùng Vịnh, Malaysia và Ấn Độ. Nepal đã nhận được 7,52 tỷ USD kiều hối trong năm tài chính 2019/20, tương đương 22,3% GDP. Như vậy, một phần đáng kể của cải của Nepal được tạo ra ở nước ngoài thông qua xuất khẩu lao động (trái ngược với xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ ở nội bộ Nepal). Mặc dù lượng kiều hối dự kiến sẽ giảm đáng kể vào năm 2019/20 do đại dịch, nhưng chúng chỉ giảm 3,3% trên danh nghĩa. Một lần nữa, lượng kiều hối được chứng tỏ là một cứu cánh cho nền kinh tế Nepal, ngay cả trong thời điểm khủng hoảng.

Bất ổn chính trị, tham nhũng rộng, vị trí sâu trong đất liền, địa hình khó khăn, cơ sở hạ tầng chưa phát triển, lực lượng lao động chưa được đào tạo và giáo dục chuyên nghiệp, chính sách và môi trường quản lý yếu là một số cản trở chính đối với tăng trưởng kinh tế. Sự ổn định chính trị tương đối vào năm 2018, một bước ngoặt lớn, đã mang lại những cải thiện cho một số hạn chế ở trên, nhưng đại dịch và mâu thuẫn chính trị, kể từ tháng 7 năm 2021, đã ảnh hưởng đến mọi tiến trình xoay chuyển kinh tế tiềm năng. Thông điệp của chính phủ là ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng, tạo cơ hội việc làm tại nhà và hoàn thiện luật kinh doanh, nhưng tác động trên thực tế là rất khiêm tốn. Chính phủ tuyên bố sẽ tập trung thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào Nepal và đã tổ chức Hội nghị thượng đỉnh đầu tư quốc tế vào tháng 3 năm 2019, nhưng vẫn chưa hoàn thành các cải cách cần thiết để thu hút đầu tư quy mô lớn cũng như giải quyết hiệu quả các thách thức mà các công ty quốc tế đã và đang đối mặt. Khả năng của chính phủ trong việc quản lý hiệu quả đại dịch COVID và phục hồi kinh tế suôn sẻ vẫn là một câu hỏi bỏ ngỏ.

Ấn Độ chiếm 62% (6,9 tỷ USD) trong tổng thương mại của Nepal trong năm tài chính 2019/20, Trung Quốc chiếm 14% (1,57 tỷ USD) và phần còn lại của thế giới chiếm 24% (2,63 tỷ USD). So với 7 năm trước (năm tài chính 2012/13) khi các số liệu bắt đầu cụ thể hóa, thì thị phần của Trung Quốc trong tổng thương mại với Nepal đã tăng từ 10 lên 14%. Tuy nhiên, do tác động từ đại dịch, 2019/20 là một năm bất thường khiến cho tổng thương mại của Nepal giảm xuống 15%. Nepal nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu. Tỷ lệ xuất nhập khẩu trong năm tài chính 2019/20 là 12,2 (giảm so với 14,6 của năm trước), tức là Nepal nhập khẩu 12,2 USD cho mỗi 1 USD xuất khẩu. Tuy vậy, do mô hình thương mại bất thường trong năm qua (do đại dịch), nhập khẩu của Nepal giảm -15,6%, trong khi xuất khẩu tăng nhẹ 0,6%, theo dữ liệu mới nhất của Ngân hàng Rastra (Trung ương) Nepal (NRB). Việc này dẫn đến cán cân thương mại bị thâm hụt 9,1 tỷ USD (so

với 11,4 tỷ USD của năm trước), tương đương 27% GDP (cải thiện nhiều so với mức đáng kinh ngạc 37% của năm trước). Năm 2019, Nepal đã xuất khẩu 931,5 triệu USD hàng hóa, chủ yếu là dầu cọ và dầu đậu nành, thảm len, sợi polyester, nước trái cây, trà và gia vị (bạch đậu khấu), hàng dệt, hàng da, hàng may sẵn và các mặt hàng may mặc khác. Nhập khẩu hàng năm của Nepal là khoảng 11,9 tỷ USD, chủ yếu từ Ấn Độ, Trung Quốc và Indonesia vào năm 2019. Các mặt hàng nhập khẩu chính là các sản phẩm dầu mỏ (diesel, xăng, LPG), các mặt hàng sử dụng công nghiệp (chủ yếu là phôi thép), vàng, thiết bị xây dựng và clinker xi măng, gạo và thiết bị viễn thông.

Cho đến gần đây, thâm hụt thương mại lâu năm của Nepal đã được cân bằng nhờ lượng kiều hối của người lao động (chủ yếu từ vùng Vịnh, Ấn Độ và Malaysia) đủ để tài khoản vãng lai được thặng dư hoặc cân bằng. Sự gia tăng thâm hụt thương mại đã vượt xa dòng tiền gửi về kể từ năm tài chính 2016/17, khi tài khoản vãng lai chỉ thâm hụt 95,4 triệu USD. Đến năm tài chính 2018/19, thâm hụt tài khoản vãng lai đã tăng lên 2,3 tỷ USD. Chính phủ Nepal cho rằng việc nhập khẩu hàng hóa trung gian, nhằm mục đích cung cấp cho các ngành đang phát triển nhưng lại bất hoạt trong quá trình chuyển đổi chính trị, là nguyên nhân một phần dẫn đến thâm hụt thương mại tăng; và khi các khoản đầu tư này tạo ra lợi nhuận trong những năm tới, thâm hụt sẽ từ từ được tái cân bằng. Chính phủ cũng bày tỏ tin tưởng rằng số lượng nhà máy thủy điện đi vào hoạt động trong vài năm tới sẽ làm giảm nhập khẩu điện và nhiên liệu từ Ấn Độ, giảm thâm hụt thương mại. Trong năm 2019/20, NRB đã cố gắng duy trì dự trữ ngoại hối bằng cách hạn chế nhập khẩu các mặt hàng xa xỉ bằng cách tăng thuế và áp đặt lệnh cấm nhập hoàn toàn trong một số trường hợp.

Sự giảm mạnh trong thương mại, đặc biệt là nhập khẩu, trong năm qua do đại dịch và lượng kiều hối dồi dào tất cả đã cải thiện cán cân thương mại của Nepal; thâm hụt tài khoản vãng lai của nước này giảm xuống còn 289 triệu USD. Do đó, dự trữ ngoại hối của Nepal đã tăng lên 10,6 tỷ USD trong năm tài chính 2019/20 (đủ để duy trì 12,3 tháng nhập khẩu) so với 8,6 tỷ USD (7,6 tháng nhập khẩu) trong năm 2018/19. Trong khi tình hình thanh toán bên ngoài và dự trữ ngoại hối của Nepal hiện có vẻ ổn định, các doanh nghiệp quan tâm đến Nepal nên theo dõi các chỉ số này như một rủi ro kinh tế vĩ mô tiềm ẩn.

Đồng rupee của Nepal được định giá theo tiền tệ của Ấn Độ (1 INR = 1,6 NPR); vậy, tiền tệ của Nepal sẽ dao động với USD theo tỷ lệ với INR.

Về mặt lịch sử, Nepal thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ít hơn so với các nước tương đương. Theo dữ liệu của Ngân hàng Thế giới, FDI tính theo phần trăm GDP từ năm 2014 - 18 của Nepal là 0,4%, trong khi của Nam Á là 1,6% và của các nước có thu nhập thấp (LIC) trên toàn thế giới là 3,5%. Dòng vốn FDI hàng năm vào Nepal, tăng từ 125 triệu USD trong năm tài chính 2016/17 lên 168 triệu USD trong năm tài chính 2017/18, giảm xuống còn 116 triệu USD trong năm 2018/19 và tăng trở lại lên 167,7 triệu USD trong năm 2019/20, theo NRB. Mặc dù ngày càng có nhiều sự quan tâm từ các nhà đầu tư nước ngoài (đặc biệt là Trung Quốc) đối với Nepal, nhưng đại dịch có thể làm chậm nguồn vốn FDI vào Nepal trong thời gian tới. Một báo cáo của NRB cho thấy tổng vốn FDI vào Nepal tính đến tháng 7 năm 2019 là 1,62 tỷ USD, trong đó thị phần của Mỹ là 2,4% (39,7 triệu USD).

Cấp bậc của Nepal trong bảng xếp hạng ‘Mức độ dễ dàng kinh doanh’ của Ngân hàng Thế giới đã cải thiện từ 110 vào năm 2018 lên 94 vào năm 2020, nâng nước này từ xếp hạng thứ tư lên hạng thứ ba ở Nam Á. Ngân hàng Thế giới ghi nhận những cải tiến trong quá trình cấp giấy phép kinh doanh ở Nepal, bao gồm những cải tiến trong huy động tín dụng, thương mại quốc tế và hình thành hợp đồng. Theo chỉ số này của Ngân hàng Thế giới, Nepal là nơi dễ kinh doanh hơn so với các nước láng giềng Pakistan và Bangladesh, nhưng lại khó hơn so với Ấn Độ và Bhutan.

Thách thức trên thị trường

Nepal là một quốc gia không giáp biển, nên việc tiếp cận thị trường này là khá khó khăn. Vận chuyển đất liền ra và vào Nepal có thể gặp trắc trở. Tuyến đường ngắn nhất từ Ấn Độ đến Thung lũng Kathmandu có chiều dài hơn 135 km và mất tối thiểu năm tiếng để hoàn tất. Tuy nhiên, hầu hết các xe tải chở hàng lại phải đi qua một tuyến đường dài hơn 281 km (tương đương bảy tiếng) vào Thung lũng Kathmandu. Cảng biển chính để nhập hàng hóa đến Nepal (và xuất khẩu) là Kolkata, Ấn Độ, cách biên giới Nepal-Ấn Độ khoảng 740 km. Với việc chỉ có một sân bay quốc tế trong cả nước, những thách thức trong lĩnh vực vận tải hàng không cũng rất gay gắt. Tuy là vậy, thách thức về tiếp cận thị trường này đang giảm dần. Gần đây nhất vào năm 2016, bất ổn chính trị và các cuộc tổng đình công thường xuyên đã làm gián đoạn việc vận chuyển hàng hóa trong và ngoài Nepal, đôi khi kéo dài hàng tháng tại một thời điểm. Những gián đoạn như vậy đã giảm đi đáng kể khi môi trường chính trị được cải thiện. Hai sân bay quốc tế bổ sung đang được xây dựng ở Bhairahawa và Pokhara, dự kiến sẽ đi vào

hoạt động trong một năm tới. Một sân bay quốc tế lớn hơn đang được xem xét ở Nijgadh, ngay phía nam Kathmandu. Tất cả những điều này sẽ làm giảm áp lực đối với sân bay quốc tế duy nhất hiện có ở Kathmandu, vốn đang được nâng cấp. Việc tiếp cận đường biển đã được cải thiện bằng cách: bổ sung tuyến đường tiếp nối Cảng Vishakhapatnam (Vizag) ở Ấn Độ; khai mở một trạm kiểm soát liên hợp ở Birgunj và khởi động một đường ống dẫn dầu (nhờ đó giải phóng tới 40% lưu lượng giao thông tại Birgunj). Ngoài ra, việc mở rộng sử dụng cảng nội địa tại Birgunj kết hợp với việc triển khai thí điểm hệ thống theo dõi container tần số vô tuyến giữa Vizag và Birgunj đã giảm đi đáng kể thời gian vận chuyển, cải thiện dần khả năng tiếp cận thị trường Nepal. Vào tháng 4 năm 2019, chính phủ Nepal đàm phán thành công và ký kết một Nghị định thư về Thương mại và Quá cảnh với nước láng giềng phía Bắc là Trung Quốc, cho phép Nepal tiếp cận 3 cảng biển và 4 cảng cạn của Trung Quốc. Mặc dù các tuyến của Trung Quốc vẫn chưa đi vào hoạt động, nhưng sự tồn tại của chúng như những lựa chọn thay thế và đồng thời là đối thủ cạnh tranh tiềm năng của Ấn Độ đã khiến cho các dịch vụ tại Cảng Kolkata sôi động hơn.

Bất ổn chính trị - bao gồm 26 lần thay đổi chính phủ trong 30 năm qua - đã tạo ra một môi trường không chắc chắn cho đầu tư nước ngoài và tư nhân. Với việc kết thúc thành công các cuộc bầu cử địa phương và quốc hội năm 2017 và sự thành lập chính phủ Đảng Cộng sản Nepal (NCP) chiếm đa số ghế từ đầu năm 2018, môi trường đầu tư ở Nepal đã được cải thiện. Tuy nhiên, một cuộc mâu thuẫn nội bộ trong đảng NCP đã khiến Thủ tướng K.P. Sharma Oli phải giải tán Quốc hội vào tháng 5 năm 2021. Quốc hội sau đó được Tòa án tối cao phục hồi vào tháng 7 năm 2021 cùng với việc bổ nhiệm một chính phủ mới dưới quyền Thủ tướng Deuba thuộc Đảng Đại hội Nepal (Nepal Congress), có nhiệm vụ tổ chức các cuộc bầu cử quốc hội theo lịch trình thường xuyên vào tháng 11 năm 2022. Hiến pháp mới năm 2015 quy định Nepal theo chủ nghĩa liên bang với chính quyền trung ương đặt tại Kathmandu, bảy chính quyền cấp tỉnh và 753 đơn vị chính quyền địa phương. Sự phân chia quyền lực và trách nhiệm giữa ba cấp chính quyền này đang được xây dựng và thực hiện một cách chậm rãi. Điều này đã tạo ra thêm các rào cản hành chính - quan liêu và sự chậm trễ có thể sẽ tiếp tục trong vài năm tới.

Chính phủ Nepal tuyên bố sẵn sàng đón nhận FDI, nhưng việc thực thi chính sách thường bị cản trở bởi sự chậm trễ, kém hiệu quả và không chắc chắn của bộ máy hành chính. Các nhà đầu tư nước ngoài thường phàn nàn về các thủ tục phức tạp và không

rõ ràng của chính phủ cũng như sự thiếu hợp tác trong thái độ lao động trong khu vực tư nhân. Sự vắng mặt phối hợp liên ngành lại là một trở ngại khác. Dù chính phủ Nepal đã thông qua Đạo luật Đầu tư Nước ngoài & Chuyển giao Công nghệ (FITTA) mới vào tháng 3 năm 2019 để biến Nepal trở thành một điểm đến đầu tư hấp dẫn; nhưng sau đó vào tháng 5 năm 2019, cũng chính phủ này đã tăng ngưỡng FDI tối thiểu lên gần 500.000 USD, khiến cho nhiều nhà đầu tư nước ngoài vừa và nhỏ không thể tham gia vào thị trường Nepal. Các quy tắc, quy định và chỉ thị mới đôi lúc tương phản với các mục tiêu chiến lược lớn hơn của nước này.

Các nhà đầu tư nước ngoài phải đối mặt với hệ thống pháp luật không minh bạch, trong đó các thủ tục pháp lý cơ bản thường diễn ra chậm và không thường xuyên. Bộ máy hành chính thường miễn cưỡng áp dụng tiền lệ pháp, và các doanh nghiệp thường phải kiên tụng lại các vấn đề đã được quyết định trước đó. Luật pháp hạn chế các khoản đầu tư nước ngoài vào các dịch vụ tài chính, pháp lý và kế toán, hạn chế mức tăng hiệu suất tiềm năng và tạo điều kiện duy trì thói quan liêu.

Pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đang được xây dựng. Luật SHTT đã được dự thảo kể từ khi chính sách SHTT được tạo ra vào tháng 3 năm 2017. Với những bất ổn chính trị như hiện nay, vẫn chưa rõ khi nào Luật SHTT này sẽ được trình lên Nghị viện xem xét và phê chuẩn.

Các nhà đầu tư nước ngoài đã xác định tham nhũng là một trở ngại đối với việc duy trì và mở rộng đầu tư trực tiếp ở Nepal. Các quan chức chính phủ Nepal thường xuyên bị cáo buộc tham nhũng trong việc cấp giấy phép, giấy chứng nhận; trong mua sắm hàng hóa - dịch vụ; và trong trao thầu. Xếp hạng của Nepal về Chỉ số Nhận thức Tham nhũng (CPI) của Tổ chức Minh bạch Quốc tế đã giảm từ 113 vào năm 2019 xuống 117 vào năm 2020, trong tổng bảng 180 quốc gia.

Không có đủ lao động có trình độ. Nepal chuyên sản xuất nhân lực kỹ thuật, nhưng cơ hội kinh tế ít ỏi và mức lương thấp đã buộc hàng triệu công nhân nước này phải tìm việc ở nước ngoài. Các doanh nghiệp thường phàn nàn về việc liên tục tuyển dụng và đào tạo lại đội ngũ nhân viên mới. Luật lao động cứng nhắc gây khó cho việc chấm dứt hợp đồng lao động. Các công đoàn dân quân thường hay bỏ ngang các thỏa thuận để đưa thêm các yêu cầu mới đối với lao động, khiến cho việc tập hợp và giữ chân nhân viên tài năng trở thành thách thức. Tuy nhiên, các vấn đề lao động phát sinh từ

chủ nghĩa công đoàn đã giảm bớt sau sự cải thiện của môi trường chính trị. Luật Lao động mới được ban hành vào tháng 8 năm 2017 thay cho bộ luật năm 1998 với mục đích làm cho mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động trở nên có hệ thống và giúp giảm bớt một số khó khăn, trong đó có việc các doanh nghiệp sa thải người lao động theo nhu cầu của thị trường. Đạo luật mới đã cải thiện sự rõ ràng trong các điều khoản liên quan đến sức khỏe và an toàn lao động, thương lượng tập thể, giải quyết tranh chấp và giảm lương trong các cuộc đình công. Song, luật này cũng thêm vào các chi phí kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) đang gặp khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu của Quỹ An sinh xã hội mới ra mắt vào năm 2018.

Thuế hải quan cao áp dụng cho hầu hết các sản phẩm sản xuất đã làm cho các sản phẩm của nước ngoài tại Nepal tăng giá. Hàng tiêu dùng giá rẻ nhập khẩu từ các nước láng giềng cũng đặt ra thách thức thị trường đối với hàng nhập của nước ngoài vào Nepal.

Cơ hội thị trường

Nepal nằm ở vị trí chiến lược giữa hai nền kinh tế khổng lồ đang phát triển của thế giới là Ấn Độ và Trung Quốc. Xét về tiềm năng của các thị trường đang phát triển này, triển vọng kinh doanh ở Nepal là rất lớn. Ngoài ra, Nepal đã lên tiếng đề nghị trở thành một quốc gia trung chuyển giữa hai nước trên. Nepal là thành viên của WTO, Sáng kiến Vịnh Bengal về Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật Đa ngành (BIMSTEC) và là thành viên sáng lập của Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á (SAARC) trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại Tự do Nam Á (SAFTA). Điều này sẽ tạo thêm cơ hội cho các nhà đầu tư ở Nepal.

Nông nghiệp và chế biến nông sản, du lịch, thủy điện và phát triển cơ sở hạ tầng chính là những lĩnh vực ưu tiên phát triển ở Nepal. Các cơ hội mới cũng có thể nảy sinh trong các dịch vụ liên quan đến CNTT, đa dạng sinh học, phát triển nguồn nhân lực, giáo dục, y tế và dược phẩm. Trữ lượng dồi dào đá vôi và một số khoáng sản ở nhiều vùng khác nhau của đất nước cũng mang lại triển vọng cho ngành xi măng và các ngành công nghiệp dựa trên khoáng sản. Kinh doanh xây dựng đang bùng nổ và có cơ hội rất lớn trong tất cả các ngành liên quan đến xây dựng ở Nepal.

Nepal rất cần phát triển cơ sở hạ tầng. Nhận thức được nhu cầu này, chính phủ Nepal đang đề ra các chính sách, chương trình và ngân sách để ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng. Do đại dịch, một phần lớn ngân sách hiện sẽ được chuyển sang phát triển cơ sở

hạ tầng y tế: xây dựng các bệnh viện mới và trang bị lại các bệnh viện hiện có. Tuy nhiên, các khoản tiền lớn tiếp tục được chi cho phát triển năng lượng, chủ yếu là thủy điện, hàng không và cơ sở hạ tầng giao thông. Mục tiêu dài hạn của chính phủ này là sản xuất ra 15.000 megawatt (MW) thủy điện trong 10 năm tới. Là nguồn thủy điện lớn thứ hai trên thế giới, Nepal có tiềm năng sản xuất 83.000 MW thủy điện. Đây là một vùng đất có hơn 6.000 con sông và suối với tổng chiều dài hơn 45.000 km. Nepal hiện có nhiều dự án thủy điện, nhiều dự án trong số đó có lợi nhuận kinh tế. Điều này cũng cho các nhà đầu tư biết rằng đã đến lúc đầu tư vào Nepal trong lĩnh vực thủy điện để đảm bảo cung cấp năng lượng bền vững cho thị trường nội địa cũng như xuất khẩu sang nước láng giềng Ấn Độ.

Ngoài việc nâng cấp sân bay quốc tế hiện tại, ba sân bay quốc tế mới đang được lên kế hoạch với hai trong số đó dự kiến hoàn thành vào năm 2022, sau nhiều lần hoãn. Trong khi các tuyên bố về ngân sách ở Nepal nhìn chung cao hơn thực tế, các cơ hội trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng (thủy điện, năng lượng tái tạo, giao thông, đô thị và cơ sở hạ tầng y tế) sẽ tăng lên trong những năm tới. Các ngân hàng phát triển đa phương tài trợ cho nhiều dự án cơ sở hạ tầng. Các công ty nếu có quan tâm nên theo dõi trang web của các tổ chức này để biết về cơ hội đấu thầu cũng như trang web của Ban Đầu tư Nepal (<https://ibn.gov.np/>), nơi phê duyệt và tạo điều kiện cho các dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn.

Trong số những lĩnh vực khác, Nepal đã cam kết mở cửa các lĩnh vực như dịch vụ pháp lý, kỹ thuật, kiến trúc, nghiên cứu và phát triển, quảng cáo, nghiên cứu thị trường, chuyển phát nhanh, viễn thông, sản phẩm âm nhạc, giáo dục đại học, dịch vụ tài chính, khách sạn và nhà hàng. Đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực nêu trên là an toàn, bảo mật và có lợi nhất ở Nepal. Du lịch và khách sạn là những lĩnh vực có cơ hội tiềm năng. Để thể hiện sự quan tâm đến lĩnh vực du lịch của Nepal, một số thương hiệu khách sạn quốc tế, bao gồm Marriott và Aloft, đã mở cửa tại Kathmandu và các khách sạn như Sheraton và Le Meridien cũng đang được xây dựng. Tuy nhiên, đại dịch COVID đã ảnh hưởng mạnh đến lĩnh vực du lịch của Nepal và có khả năng sẽ mất vài năm để phục hồi.

Tóm lại, sau đây là các lĩnh vực khả thi nhất cho đầu tư nước ngoài ở Nepal:

- Nông nghiệp và công nghiệp nông nghiệp
- Ngành công nghiệp du lịch

- Ngành công nghiệp năng lượng
- Ngành sản xuất
- Ngành công nghiệp xây dựng
- Công nghiệp dịch vụ
- Tài nguyên khoáng sản và công nghiệp dựa trên khoáng sản
- Ngành dệt may

Nhìn chung, Nepal có nhiều yếu tố để trở thành một nền kinh tế phát triển mạnh. Đây là nền kinh tế hậu xung đột và gần như được phục hồi sau trận động đất lớn vào năm 2015. Dân số trẻ và tầng lớp trung lưu gia tăng đồng nghĩa với thị trường mới và đầy cơ hội cho các sản phẩm, dịch vụ mới. Nằm giữa Ấn Độ và Trung Quốc, Nepal là một điểm đến thú vị để khám phá các cơ hội kinh doanh, không chỉ ở Nepal mà còn ở các thị trường lớn hơn ở phía bắc và phía nam. Tuy nhiên, cuộc mâu thuẫn nội bộ giữa các đảng phái chính trị đã cản trở sự thi hành chính sách quan trọng. Với kết quả điều hành đất nước trong mười tám tháng qua, khả năng của chính phủ Nepal ‘chèo lái’ nền kinh tế Nepal thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng COVID vẫn còn là dấu hỏi.

Chiến lược thâm nhập thị trường

Các yếu tố sau đây cần được xem xét khi xây dựng chiến lược thâm nhập thị trường:

Xây dựng mối quan hệ ở Nepal là điều cần thiết để tiến hành kinh doanh. Các nhà đầu tư hoặc nhà cung cấp nên đến thăm và khảo sát các dự án kinh doanh quy mô lớn.

Để tiếp cận thị trường địa phương, sẽ có ích khi các công ty nước ngoài biết cách sử dụng các đại diện hoặc đại lý tại địa phương. Hỗ trợ cho các dự án của chính phủ sẽ mang lại cơ hội bán hàng khối lượng lớn nhưng các công ty nước ngoài cũng cần nhận biết rằng nên có đại diện hoặc đại lý được ủy quyền tại địa phương.

Quan hệ Việt Nam – Nepal

Việt Nam và Nepal thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 15/5/1975 và duy trì mối quan hệ ngày càng tốt đẹp trên nhiều lĩnh vực. Hai bên thường xuyên duy trì và tăng cường trao đổi đoàn các cấp, trên nhiều lĩnh vực, từ chính trị cho đến thương mại.

Bên cạnh tăng cường trao đổi các phái đoàn chính trị, hai bên thường xuyên trao đổi các đoàn doanh nghiệp, ký kết các thỏa thuận hợp tác, biên bản ghi nhớ giữa hiệp hội thương mại hai nước.

Các hoạt động này góp phần thúc đẩy và gắn kết hơn nữa quan hệ kinh tế thương mại Nepal-Việt Nam. Điều này tạo ra cơ hội và tiền đề vững vàng để cộng đồng doanh nghiệp hai bên triển khai các hoạt động thương mại và kinh doanh, thiết lập thêm nhiều mối quan hệ giữa doanh nghiệp hai nước.

Qua 44 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, tình hữu nghị truyền thống tốt đẹp giữa hai nước ngày càng phát triển tốt đẹp. Việt Nam đã viện trợ cho Nepal 50.000 USD để khắc phục hậu quả vụ động đất năm 2015.

Nepal cũng tích cực giúp đỡ Việt Nam trong công tác bảo hộ cứu trợ công dân. Hai bên đang thúc đẩy ký Hiệp định miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và công vụ; đồng thời lập cơ chế tham vấn song phương giữa hai Bộ Ngoại giao.

Hội Hữu nghị Việt Nam-Nepal được thành lập tháng 9/2014. Lãnh sự danh sự Việt Nam tại Kathmandu được lập tháng 10/2016.

Trong lĩnh vực hợp tác khu vực và quốc tế, hai nước ủng hộ nhau, phối hợp tốt tại các diễn đàn đa phương và quốc tế. Nepal đã ủng hộ Việt Nam có nền kinh tế thị trường (tháng 10/2014), ứng cử vào Hội đồng nhân quyền (tháng 11/2013), Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2016-2018 và Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021.

Việt Nam ủng hộ Nepal vào Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2018-2020. Nepal cũng là nước tham gia thành lập Ngân hàng Đầu tư hạ tầng cơ sở (AIIB).

Chương 2: Điều kiện tự nhiên, môi trường kinh tế và chính trị

Điều kiện tự nhiên

Nepal là một quốc gia không giáp biển nằm ở Nam Á, giáp với Trung Quốc ở phía bắc và Ấn Độ ở phía nam, đông và tây. Quốc gia này nằm giữa tọa độ khoảng 28°N - 84°E. Nepal nằm trong vùng ôn đới phía trên của chí tuyến Bắc. Nepal có hệ thống nước rộng lớn chảy về phía nam vào Ấn Độ. Đất nước này có thể được chia thành ba vùng địa lý chính: vùng Himalaya, vùng đồi giữa và vùng Tarai. Điểm cao nhất của Nepal là đỉnh Everest (8.848 m) trong khi điểm thấp nhất là ở đồng bằng Tarai của làng Kechana Kalan, huyện Jhapa (60 m).

Vùng Tarai có chiều rộng từ 26 km đến 32 km và độ cao dao động từ 60 m đến 305 m. Vùng này chiếm khoảng 17% tổng diện tích đất của cả nước. Xa hơn về phía bắc, vùng Siwalik (700 - 1.500 m) và dãy Mahabharat (1.500m - 2.700m) gắn liền với các Duns (thung lũng) như Trijuga, Sindhuli, Chitwan, Dang và Surkhet. Miền trung Nepal (600 - 3.500 m), phía bắc của dãy Mahabharat là nơi tọa lạc của hai thung lũng mang tên Kathmandu và Pokhara.

Độ cao của vùng núi Nepal sẽ được tính từ mốc 3.000 m. Lên trên nữa sẽ có những đồng cỏ núi cao và rừng ôn đới, tiếp tới là hàng cây ở độ cao 4.000 m và miền tuyết phủ ở 5.000 m. Tám trong số những đỉnh núi cao nhất thế giới (14 đỉnh) có độ cao trên 8.000 m có vị trí nằm ở Nepal: Đỉnh Everest (8.848 m), Kanchenjunga (8.586 m), Lhotse (8.516 m), Makalu (8.463 m), Cho Oyu (8.201m) , Dhaulagiri (8.167 m), Manaslu (8.163 m) và Annapurna (8.091 m). Thung lũng bên trong Himalaya (trên 3.600 m) như Mustang và Dolpo là những sa mạc lạnh có chung đặc điểm địa hình với cao nguyên Tây Tạng. Nepal được mệnh danh là “tháp nước của Nam Á” với 6.000 con sông hình thành do lớp băng tan hoặc nước mưa. Các con sông lâu năm bao gồm sông Mahakali, Karnali, Narayani và Koshi bắt nguồn từ dãy Himalaya. Các con sông cỡ trung bình như Babai, West Rapti, Bagmati, Kamla, Kankai và Mechi bắt nguồn từ miền Trung Nepal và dãy Mahabharat.

Trong số 163 vùng đất ngập nước của thế giới, những địa điểm sau đây của Nepal đã được công nhận: Khu bảo tồn động vật hoang dã Koshi Tappu, Beeshazarital

(Chitwan), Hồ chứa Jagdishpur (Kapilvastu), Ghodaghodi Tal (Kailali) ở Tarai, Gokyo (Solukhumbu), Phoksundo (Dolpa), Rara (Mugu) và Mai Pokhari (Ilam) ở miền núi.

Khoảng cách từ đông sang tây của Nepal là khoảng 800 km trong khi từ bắc xuống nam chỉ từ 150 đến 250 km. Trong đó diện tích đất liền chiếm 143.351 km², diện tích mặt nước chiếm 3.830 km². Trong đó đất nông nghiệp: 28,8% (đất canh tác: 15,1%, đất trồng cây lâu năm: 1,2%, đồng cỏ lâu năm: 12,5%), rừng: 25,4%, đô thị: 45,8% (ước năm 2018).

Tài nguyên thiên nhiên: thạch anh, nước, gỗ, thủy điện, danh lam thắng cảnh, mỏ than non, đồng, coban, quặng sắt.

Khí hậu: thay đổi từ mùa hè mát mẻ và mùa đông khắc nghiệt ở phía bắc đến mùa hè cận nhiệt đới và mùa đông ôn hòa ở phía nam.

Đất thủy lợi 13.320 km² (2012).

Thiên tai: giông bão; lũ lụt; sạt lở đất; hạn hán và đói kém tùy thuộc vào thời gian, cường độ và thời gian của các đợt gió mùa hè.

Dân số Nepal: 30.666.598 người (ước năm 2022), so với thế giới: hạng 49.

Dân tộc: Chhettri 16,6%, Brahman-Hill 12,2%, Magar 7,1%, Tharu 6,6%, Tamang 5,8%, Newar 5%, Kami 4,8%, Muslim 4,4%, Yadav 4%, Rai 2,3%, Gurung 2%, Damai/Dholii 1,8 %, Thakuri 1,6%, Limbu 1,5%, Sarki 1,4%, Teli 1,4%, Chamar/Harijan/Ram 1,3%, Koiri/Kushwaha 1,2%, 19% dân tộc khác (ước năm 2011).

Ngôn ngữ: tiếng Nepal (chính thức) 44,6%, tiếng Maithali 11,7%, tiếng Bhojpuri 6%, tiếng Tharu 5,8%, tiếng Tamang 5,1%, tiếng Newar 3,2%, tiếng Bajjika 3%, tiếng Magar 3%, tiếng Doteli 3%, tiếng Urdu 2,6%, tiếng Avadhi 1,9%, tiếng Limbu 1,3%, tiếng Gurung 1,2%, tiếng Baitadeli 1%, tiếng khác 6,4%, không xác định 0,2%; lưu ý: 123 ngôn ngữ được báo cáo là tiếng mẹ đẻ trong cuộc điều tra dân số Nepal năm 2011; nhiều người trong chính phủ và doanh nghiệp Nepal cũng có thể nói tiếng Anh (ước năm 2011).

Ví dụ cho ngôn ngữ chính thức: विश्व तथ्य पुस्तक, आधारभूत जानकारीको लागि अपरिहार्य स्रोत (tiếng Nepal), dịch lại từ câu “The World Factbook, the indispensable source for basic information” (tiếng Anh).

Tôn giáo: Ấn Độ giáo 81,3%, Phật giáo 9%, Hồi giáo 4,4%, Đạo Kirat Mundhum 3,1%, Cơ đốc giáo 1,4%, tôn giáo khác 0,5%, không xác định 0,2% (ước năm 2011).

Cấu trúc tuổi: (ước năm 2020)

- + 0-14 tuổi: 28,36% (nam 4.526.786/nữ 4.073.642)
- + 15-24 tuổi: 20,93% (nam 3.276.431/nữ 3.070.843)
- + 25-54 tuổi: 38,38% (nam 5.251.553/nữ 6.387.365)
- + 55-64 tuổi: 6,64% (nam 954.836/nữ 1.059.360)
- + Trên 65 tuổi: 5,69% (nam 852.969/nữ 874.092).

Độ tuổi trung bình (ước năm 2020):

- + Tổng: 25,3 tuổi
- + Nam: 23,9 tuổi
- + Nữ: 26,9 tuổi
- + Xếp hạng so với thế giới: 161.

Tỷ lệ tăng dân số (ước năm 2022): 0,78%, xếp hạng so với thế giới: 119.

Tỷ lệ sinh (ước năm 2022): 17,53 ca sinh/1.000 dân, xếp hạng so với thế giới: 87.

Tỷ lệ tử (ước năm 2022): 5,58 ca tử/1.000 dân, xếp hạng so với thế giới: 180.

Tỷ suất di cư (năm 2022): -4,21 (s) người di cư/1.000 dân, xếp hạng so với thế giới: 194.

Đô thị hóa:

- + Dân số thành thị: 21,5% tổng dân số (2022)
- + Tỷ lệ đô thị hóa: 3,09% tỷ lệ thay đổi hàng năm (ước tính 2020-25).

Dân số tại khu đô thị lớn (2022): 1,521 triệu người tại Kathmandu.

Chi tiêu cho y tế (2019): 4,5% GDP.

Mật độ bác sĩ (2020): 0,85 bác sĩ/1.000 dân.

Chi tiêu cho giáo dục (ước năm 2018): 4,4% GDP, xếp hạng so với thế giới: 88

Phần lớn dân số được phân chia gần như đồng đều giữa khu vực dân cư đông đúc ở vùng đồng bằng cực nam của Tarai và vùng đồi núi trung tâm; nhìn chung, mật độ tổng thể khá thấp.

Chính phủ và tình hình chính trị



Tên chính thức: Nepal.

Về lịch sử hình thành tên gọi: người Newar ở Thung lũng Kathmandu và các khu vực lân cận đã đặt tên cho đất nước họ là Nepal; các thuật ngữ "Nepal", "Newar", "Nepar" và "Newal" là các dạng ngữ âm khác nhau của cùng một từ.

Thủ đô: Kathmandu (bắt nguồn từ tên của ngôi đền Kasthamandap ở Quảng trường Durbar, Nepal).

Ngày độc lập: 1768; đây là một năm đặc biệt vì là năm mà Vương quốc Nepal (tiền thân của Nepal ngày nay) được thống nhất bởi Vua Prithvi Narayan Shah.

Lễ Quốc khánh: Ngày Hiến pháp, 20 tháng 9 (2015); ngày này đánh dấu việc ban hành hiến pháp của Nepal vào năm 2015 và thay thế cho Ngày Cộng hòa 28 tháng 5 trước đó vốn là ngày quốc khánh cũ ở Nepal; ngày Tây lịch có thể dao động dựa trên lịch Hindu của người Nepal.

Vào tháng 4 năm 2008, chính phủ Nepal đã tổ chức cuộc bầu cử cho một hội đồng cử tri gồm khoảng 600 thành viên. Một tháng sau đó, chế độ quân chủ đã bị giải thể và Nepal tuyên bố là một nước cộng hòa. Đất nước tiếp tục hoạt động trong vài năm theo hiến pháp lâm thời. Dưới quy định của hiến pháp lâm thời này, chính phủ Nepal sẽ thành lập ra cơ quan lập pháp đơn viện và Hội đồng Bộ trưởng, với phần lớn quyền lực được trao cho thủ tướng. Vào năm 2015, các cuộc tranh luận kéo dài cuối cùng đã đi tới một hiến pháp vĩnh viễn mới, được cơ quan lập pháp Nepal thông qua và ban hành vào ngày 20 tháng 9. Văn kiện này tuyên bố thành lập một nước cộng hòa kiểu liên bang thể tục bao gồm bảy khu vực hành chính và một cơ quan lập pháp lưỡng viện. Tổng thống sẽ đóng vai trò nguyên thủ quốc gia, trong khi Hội đồng Bộ trưởng, do thủ tướng lãnh đạo, sẽ tiếp tục với tư cách là người đứng đầu chính phủ.

Khi muốn sửa đổi hiến pháp, một trong hai viện của Quốc hội Liên bang Nepal sẽ đề xuất một dự luật. Các dự luật ảnh hưởng đến biên giới tiểu bang hoặc quyền hạn của một tiểu bang phải được đệ trình lên quốc hội tiểu bang bị ảnh hưởng. Việc thông qua

các dự luật này đòi hỏi phải có đa số phiếu thành viên quốc hội đó; các dự luật không yêu cầu sự đồng ý của Quốc hội tiểu bang phải yêu cầu ít nhất hai phần ba đa số phiếu của các thành viên từ cả hai viện của Quốc hội Liên bang. Những điều khoản của Hiến pháp về chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, độc lập và chủ quyền thuộc về nhân dân Nepal là không được phép sửa đổi.

Mục tiêu cơ bản trong chính sách đối ngoại của Nepal là nâng cao phẩm cách quốc gia bằng cách bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, độc lập và thúc đẩy nền kinh tế và sự thịnh vượng của Nepal; đồng thời, đóng góp vào hòa bình, hòa hợp và an ninh chung của toàn cầu.

Chính sách đối ngoại của Nepal được hướng dẫn bởi các nguyên tắc cơ bản sau:

- Tôn trọng lẫn nhau đối với toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của nhau;
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau;
- Tôn trọng sự bình đẳng lẫn nhau;
- Không xâm lược và giải quyết hòa bình các tranh chấp;
- Hợp tác cùng có lợi;
- Tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc;
- Giá trị của hòa bình thế giới.

Các quy định của Hiến pháp Nepal về lợi ích quốc gia và chính sách đối ngoại đã được quy định cụ thể ở Điều 5.1 (Lợi ích quốc gia), Điều 50.4 (Các nguyên tắc chỉ đạo) và Điều 51 (Chính sách của Nhà nước).

Là một đất nước không giáp biển, Nepal bị kẹp giữa hai nước láng giềng khổng lồ - Trung Quốc và Ấn Độ. Về phía bắc, dãy Himalaya tạo thành một biên giới tự nhiên và hầu như không thể vượt qua, còn xa hơn nữa là biên giới với Trung Quốc. Nepal nằm trong đất liền tiếp giáp với Ấn Độ ở cả ba mặt và Khu tự trị Tây Tạng của Trung Quốc ở phía bắc. Hành lang Siliguri, một dải đất hẹp của Tây Bengal, ngăn cách Nepal với Bangladesh. Về phía đông là Ấn Độ và Bhutan. Nepal phụ thuộc vào Ấn Độ về các phương tiện vận chuyển hàng hóa và tiếp cận đường biển, ngay cả khi hầu hết hàng hóa nhập khẩu đều là từ Trung Quốc.

Trong thời kỳ Raj thuộc Anh (1858-1947), Nepal đã tìm cách cô lập quốc gia về mặt địa chiến lược. Chủ nghĩa biệt lập truyền thống này một phần là bởi tinh thần tự do tương đối mà đất nước được hưởng từ sự can thiệp và thống trị từ bên ngoài. Từ giữa thế kỷ XIX, khi Anh bắt đầu cai trị Ấn Độ và nhà Thanh (1644-1911) ở Trung Quốc dần suy tàn, Nepal đã tạo điều kiện tốt nhất có thể cho Anh. Không từ bỏ quyền tự chủ về các vấn đề nội bộ, Nepal nhận được sự bảo vệ từ Anh chống lại sự xâm lược và can thiệp từ bên ngoài. London cũng coi việc tuyên mộ thường xuyên lính Gurkha từ Nepal là yếu tố quan trọng để hỗ trợ an ninh cho Anh ở Ấn Độ và các lãnh thổ thuộc địa khác của nước này.

Trong những năm 1950, Nepal bắt đầu mở cửa dần dần và cam kết thực hiện chính sách trung lập và không liên kết. Tại hội nghị thượng đỉnh năm 1973 của Phong trào Không định danh ở Algiers, Vua Birendra của Nepal đã tuyên bố rằng: “Nepal, nằm giữa hai trong số các quốc gia đông dân nhất thế giới, mong muốn các biên giới của nước này trở thành khu vực hòa bình”. Trong bài diễn văn đăng quang năm 1975 của Vua Birendra, ông chính thức yêu cầu các quốc gia khác tán thành đề xuất của mình. Kể từ đó, khái niệm về Nepal như một khu vực hòa bình đã trở thành chủ đề chính trong chính sách đối ngoại của Kathmandu.

Tính đến giữa năm 1991, Nepal đã được hơn 110 quốc gia công nhận là khu vực hòa bình. Nhiều quốc gia trong số này cũng đề nghị giải pháp tiếp cận hòa bình cho khu vực như mục tiêu tối hậu. Tuy nhiên, nếu không có sự chứng thực của Ấn Độ và Liên Xô cũ, giải pháp này sẽ khó được nhiều nước chấp nhận hơn.

Đầu những năm 1990, Nepal đã thiết lập quan hệ ngoại giao với khoảng 100 quốc gia. Nepal là thành viên tích cực và đã tham gia vào một số cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc (LHQ). Nepal cũng là thành viên sáng lập của Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á (SAARC) và đàm phán thành công một số chương trình hỗ trợ về kinh tế, văn hóa và kỹ thuật song phương và đa phương. Do vị trí địa lý gần gũi và mối liên hệ lịch sử với Trung Quốc và Ấn Độ, chính sách đối ngoại của Nepal chủ yếu là tập trung duy trì mối quan hệ thân thiện với hai quốc gia này cũng như bảo vệ an ninh và độc lập quốc gia mình. Các mối quan hệ của Nepal với Hoa Kỳ, châu Âu và Liên Xô cho thấy quan hệ ngoại giao Nepal đã đi lên tầm cao mới vào năm 1991.

Cộng hòa Dân chủ Liên bang Nepal từ trước đến nay vẫn duy trì chính sách không liên kết và có quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng. Là một quốc gia nhỏ, không giáp biển, nằm giữa hai cường quốc lớn hơn và mạnh hơn, Nepal duy trì mối quan hệ tốt đẹp với cả Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Ấn Độ.

Về mặt hiến pháp, chính sách đối ngoại của Nepal được quy định bởi “nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, phi liên kết, Panchsheel [năm nguyên tắc chung sống hòa bình], luật pháp quốc tế và giá trị hòa bình thế giới.” Trên thực tế, chính sách đối ngoại không hướng tới việc tạo ra ảnh hưởng trên trường quốc tế mà hướng tới việc duy trì quyền tự chủ và giải quyết các vấn đề kinh tế và an ninh trong nước.

Các mối quan hệ quốc tế thực chất nhất của Nepal bao gồm mối quan hệ với các tổ chức kinh tế quốc tế như: Ngân hàng Phát triển Châu Á, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới và Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á (một hiệp hội phát triển kinh tế đa phương). Nepal cũng có quan hệ song phương mạnh mẽ với các nhà cung cấp viện trợ kinh tế và quân sự lớn như Pháp, Đức, Nhật Bản, Malaysia, Thụy Sĩ, Hoa Kỳ và đặc biệt là Vương quốc Anh, vốn đã có quan hệ quân sự với Nepal từ thế kỷ XIX. Các quan hệ đối ngoại của đất nước chủ yếu do Bộ Ngoại giao Nepal thực hiện.

Quyền công dân:

- Quốc tịch theo ngày sinh: có
- Quốc tịch theo dòng dõi: có
- Công nhận hai quốc tịch: không
- Yêu cầu cư trú để nhập quốc tịch: 15 năm.

Quyền bỏ phiếu: 18 tuổi; phổ cập.

Nhánh hành pháp:

- Nguyên thủ quốc gia: Tổng thống Bidhya Devi Bhandari (từ ngày 29 tháng 10 năm 2015); Phó Tổng thống Nanda Bahadar Pun (từ ngày 31 tháng 10 năm 2015).
- Người đứng đầu chính phủ: Thủ tướng Sher Bahadur Deuba (từ ngày 13 tháng 7 năm 2021); Phó Thủ tướng Ishwar Pokhrel, Upendra Yadav (từ ngày 1 tháng 6 năm 2018).
- Nội các: Hội đồng Bộ trưởng do thủ tướng bổ nhiệm; nội các do Đảng Cộng sản Nepal điều hành.

- Bầu cử/bổ nhiệm: Tổng thống sẽ do một cử tri đoàn của Quốc hội Liên bang cùng một cử tri đoàn của các hội đồng tiểu bang bầu ra với nhiệm kỳ 5 năm (đủ điều kiện cho nhiệm kỳ thứ hai); cuộc bầu cử được tổ chức lần cuối vào ngày 13 tháng 3 năm 2018 (tiếp theo là vào năm 2023); thủ tướng sẽ do Quốc hội Liên bang bầu chọn.

Nhánh lập pháp

- Mô tả: lưỡng viện Quốc hội Liên bang bao gồm:

Quốc hội (59 ghế; 56 thành viên, trong đó có ít nhất 3 phụ nữ, 1 người Dalit, 1 thành viên khuyết tật hoặc 1 thành viên dân tộc thiểu số được bầu cử gián tiếp bởi một cử tri đoàn gồm các nhà lãnh đạo chính quyền bang và thành phố; và 3 thành viên, trong đó có 1 phụ nữ, được đề cử bởi Tổng thống Nepal theo đề nghị của chính phủ; các thành viên phục vụ nhiệm kỳ 5 năm với việc gia hạn nhiệm kỳ 1/3 số thành viên sau mỗi 2 năm).

Hạ viện (275 ghế theo luật định, nhưng hiện tại chỉ có 271 ghế với 4 ghế trống; 165 thành viên được bầu trực tiếp tại các khu vực bầu cử một ghế theo hình thức đa số phiếu đơn giản và 110 thành viên được bầu trực tiếp tại một khu vực bầu cử duy nhất trên toàn quốc theo hình thức tỷ lệ đại diện và bầu kín, với ngưỡng 3% tổng số phiếu bầu hợp lệ để được phân bổ một ghế; các thành viên phục vụ nhiệm kỳ 5 năm); lưu ý: Hạ viện Nepal đã bị giải tán vào ngày 22 tháng 5 năm 2021, nhưng vào ngày 13 tháng 7, Tòa án tối cao đã chỉ đạo phục hồi trở lại.

- Bầu cử:

Quốc hội - tổ chức lần cuối vào ngày 26 tháng 1 năm 2022 (tiếp theo là vào năm 2024). Cuộc bầu cử đầu tiên cho Hạ viện được tổ chức vào ngày 26 tháng 11 và ngày 7 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo là vào tháng 11 năm 2022).

Nhánh tư pháp

- Tòa án cao nhất: Tòa án tối cao (bao gồm chánh án và tối đa 20 thẩm phán).
- Lựa chọn thẩm phán và nhiệm kỳ: Chánh án Tòa án tối cao do tổng thống bổ nhiệm theo đề nghị của Hội đồng Hiến pháp, một cơ quan tư vấn cấp cao gồm 5 thành viên do thủ tướng đứng đầu; các thẩm phán khác do tổng thống bổ nhiệm theo đề nghị của Hội đồng tư pháp, một cơ quan tư vấn gồm 5 thành viên do chánh án đứng đầu; chánh án phục vụ nhiệm kỳ 6 năm; thẩm phán phục vụ đến 65 tuổi.

- Các tòa cấp dưới: Tòa án cấp cao; tòa án quận.

Các tổ chức quốc tế đã tham gia: ADB, BIMSTEC, CD, CP, FAO, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC (NGOs), ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCs, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC (NGOs), MIGA, MINURSO, MINUSMA, MINUSTAH, MONUSCO, NAM, OPCW, SAARC, SACEP, UN, UNAMID, UNCTAD, UNDOF, UNESCO, UNHRC, UNIDO, UNIFIL, UNISFA, UNMIL, UNMISS, UNOCI, UNSOM, UNTSO, UNWTO, UPU, WCO, WFTU (NGOs), WHO, WIPO, WMO, WTO.

Kinh tế

Nepal là quốc gia đang phát triển, với khoảng 1/4 dân số sống dưới mức nghèo. Nepal phụ thuộc nhiều vào lượng kiều hối, chiếm tới 30% GDP. Nông nghiệp là trụ cột của nền kinh tế, mang lại sinh kế cho gần 2/3 dân số nhưng chỉ chiếm chưa đến 1/3 GDP. Hoạt động công nghiệp chủ yếu liên quan đến chế biến các sản phẩm nông nghiệp, bao gồm hạt đậu, đay, mía, thuốc lá và ngũ cốc.

Vào đầu năm 2015, các trận động đất lớn ở Nepal làm hư hại hoặc phá hủy các cơ sở hạ tầng và nhà cửa, đồng thời cản trở sự phát triển nền kinh tế. Mặc dù bế tắc chính trị và thiếu năng lực đã cản trở quá trình phục hồi sau động đất, các nỗ lực tái thiết của chính phủ lãnh đạo Nepal đã diễn nhanh hơn, dù rằng nhiều khu vực vẫn bị ảnh hưởng nặng nề cần được hỗ trợ.

Theo World Bank, việc hạn chế di chuyển cùng với việc đóng cửa gần như hoàn toàn hoạt động du lịch trong đại dịch Covid-19 đã dẫn đến sự suy thoái kinh tế đầu tiên của Nepal trong 30 năm qua trong năm tài chính 2020 (-2,4%). Việc tung ra vắc-xin dứt khoát và việc mở lại biên giới đã hỗ trợ sự phục hồi của nền kinh tế, với mức tăng trưởng ước tính tăng 5,8% trong năm tài chính 2022. Nhu cầu tiêu dùng và đầu tư trong nước tăng trưởng mạnh là động lực chính thúc đẩy sự phục hồi.

Do nhiều hạn chế về cơ cấu, sản xuất hàng tiêu dùng và tư liệu sản xuất trong Nepal bị hạn chế, nghĩa là nước này chủ yếu dựa vào nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu trong nước. Kết quả là, sự phục hồi do nhu cầu sau Covid-19 đi song song với sự gia tăng nhập khẩu. Mức tăng này đạt đỉnh vào cuối năm 2021, sau đó đã được điều tiết lại. Trái ngược với nhập khẩu, kiều hối, nguồn thu ngoại tệ truyền thống của Nepal, đã không tăng trưởng đáng kể trong thời kỳ đại dịch do những hạn chế đối với việc đi lại quốc tế

và chỉ bắt đầu tăng tốc kể từ tháng 3 năm 2022. Thu nhập từ xuất khẩu dịch vụ cũng tăng chậm hơn khi quốc gia này mở cửa lại cho du lịch; mặt khác, mức thu được bị kém hơn so với trước đại dịch do nhiều du khách Trung Quốc vẫn chưa quay lại.

Vào đầu đại dịch, Nepal đã tích được một nguồn dự trữ ngoại hối đáng kể, do cả hai lượng nhập khẩu và giải ngân vốn vay ưu đãi mới bị giảm. Khi nhập khẩu vượt qua thu nhập ngoại tệ trong giai đoạn phục hồi, Nepal đã sử dụng nguồn dự trữ của nước này để tài trợ nhập khẩu, cắt lượng dự trữ cho đến khi trở lại mức trước đại dịch. Hiện, lượng kiều hối và xuất khẩu dịch vụ đang tăng lên và nhập khẩu đang giảm đi, trong khi nguồn dự trữ bắt đầu ổn định và bù đắp lại cho 6,9 tháng nhập khẩu theo dữ liệu gần đây nhất. Đây là mức cao hơn mức tối ưu 5,5 tháng do IMF khuyến nghị, và gần với mức sàn do chính sách của ngân hàng trung ương đưa ra là 7 tháng.

Với mục tiêu hỗ trợ các hộ gia đình và doanh nghiệp, Ngân hàng Rastra Nepal (NRB), ngân hàng trung ương của đất nước, đã theo đuổi chính sách thích ứng với hầu hết các trường hợp đại dịch. Ngoài lãi suất chính sách thấp, NRB còn duy trì một cơ sở tái cấp vốn cho vay rộng rãi dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cơ sở hoàn trả khoản vay và các tiêu chuẩn cho vay được nới lỏng. Những biện pháp này góp phần làm giảm lãi suất cho vay sớm trong đại dịch và thúc đẩy sự bùng nổ tín dụng sau đó.

Cuộc nội chiến tác động đến Nepal thông qua việc tăng giá hàng hóa toàn cầu. Điều này dẫn đến hai việc. Thứ nhất, do độ co giãn của lượng cầu ngắn hạn thấp, nên giá trị nhập khẩu nhiên liệu và hàng hóa tăng lên. Tổng nhập khẩu nhiên liệu và dầu nhờn trong giai đoạn từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2022 cao hơn 75% so với cùng kỳ năm trước. Thứ hai, giá cả hàng hóa tăng cao tác động đến người tiêu dùng, dẫn đến lạm phát trong nước cao hơn. Ví dụ, vào tháng 6 năm 2022, giá ngành giao thông vận tải cao hơn 26% so với một năm trước đó.

Đồng Rupee của Nepal đã được cố định với đồng Rupee của Ấn Độ với tỷ giá không đổi kể từ năm 1993. Mặc dù tỷ giá này mang lại sự ổn định và hy vọng cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư phụ thuộc vào nhập khẩu trong nước, nhưng nó cũng loại bỏ một cơ chế định giá quan trọng. Nghĩa là, việc giảm tỷ giá sẽ bất khả thi trong thời gian bùng nổ nhập khẩu hậu Covid, từ đó làm trì hoãn việc tái cân bằng cung cầu ngoại tệ. Trong trường hợp không có cơ chế giá, phản ứng chính sách của Nepal là lệnh cấm nhập khẩu đối với nhiều loại sản phẩm vào tháng 4 năm 2022, dự kiến hết hạn vào

tháng 10 năm 2022. Ngoài lệnh cấm, nhà chức trách đã ban hành quy định yêu cầu các nhà nhập khẩu của 47 nhóm sản phẩm phải ký quỹ 50% đến 100% giá trị hàng nhập khẩu trong tài khoản ngân hàng để có được thư tín dụng trước khi nhập khẩu. Các nhà chức trách cũng thúc giục các ngân hàng hạn chế phát hành thư tín dụng cho hàng nhập khẩu và công khai ủng hộ các chính sách thay thế nhập khẩu mạnh hơn. Ngoài ra, NRB đã nâng lãi suất chính sách ba lần - vào tháng 8 năm 2021, tháng 2 năm 2022 và tháng 7 năm 2022 - để giảm nhu cầu tín dụng và nhập khẩu.

Tỷ lệ thực hiện ngân sách thấp và chuyển giao liên chính phủ giảm đã giữ mức thâm hụt trong tầm kiểm soát, nhưng vấn đề cơ cấu vẫn còn đó. Thâm hụt tài chính liên bang của Nepal ở mức 3,5% GDP vào cuối năm tài chính 2022, tức là giảm liên tục trong ba năm sau khi đạt đỉnh 5,4% GDP trong năm tài chính 2020. Mức giảm chi tiêu 0,8% GDP làm cho thâm hụt tài khóa giảm xuống, do Nepal chi tiêu ít hơn cho các khoản chuyển giao giữa các chính phủ và chỉ thực hiện 57% ngân sách vốn của mình. Trong khi tổng chi tiêu của chính phủ giảm, chi tiêu ròng của các khoản chuyển giao liên chính phủ tăng lên, cho thấy chính phủ liên bang Nepal đã không sử dụng hợp lý các khoản chi trong quyền hạn sau khi chuyển sang chủ nghĩa liên bang. Doanh thu tăng 0,2% so với GDP trong năm tài chính 2022 do mở rộng doanh thu tiêu thụ đặc biệt. Ngược lại, các khoản thu từ các nguồn thu ít bị bóp méo, bao gồm thuế thu nhập và VAT, thì bị trì trệ hoặc giảm sút. Cơ cấu doanh thu do đó tiếp tục nghiêng về các nguồn sản xuất kém hiệu quả. Nguồn thu từ thuế nhập khẩu cũng giảm, một phần do tác động của lệnh cấm nhập khẩu kể từ tháng 4 năm 2022. Nợ công ở mức 41,5% GDP vào cuối năm tài chính 2022 được phân bổ gần như đồng đều cho hai bên: một là khoản vay ưu đãi nước ngoài và hai là trong nước.

Cũng theo World Bank, dự báo tăng trưởng của Nepal sẽ giảm xuống 5,1% trong năm 2023 và 4,9% trong năm 2024, phản ánh sự bình thường hóa chính sách tiền tệ, sự kết thúc các biện pháp hỗ trợ giá thời đại dịch và giá hàng hóa vẫn tương đối cao. Sự phục hồi của du lịch được dự báo sẽ hỗ trợ ngành dịch vụ, mặc dù lãi suất cao hơn có thể ảnh hưởng đến nhu cầu trong các phân ngành khác. Tăng trưởng công nghiệp dự kiến sẽ mạnh mẽ do sản lượng thủy điện tăng và nguồn cung điện tăng cho các ngành công nghiệp khác. Tình trạng thiếu phân bón tiếp tục sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng nông nghiệp. Lạm phát dự kiến sẽ ở mức vừa phải 5,3% trong năm tài chính 2024 khi giá cả hàng hóa ổn định và chính sách điều hòa được thực hiện nghiêm túc.

Thâm hụt tài khóa dự kiến sẽ giảm từ 3,4% GDP trong năm tài chính 2023 xuống còn 2,4% trong năm tài chính 2024 khi các biện pháp hỗ trợ Covid-19 và chi tiêu bầu cử trong năm tài chính 2023 kết thúc, và khi chính phủ thực hiện các cải cách nâng cao thu nhập. Tổng nợ công được dự báo sẽ giảm xuống 40,7% GDP vào năm tài chính 2024.

Thâm hụt tài khoản vãng lai dự kiến sẽ thu hẹp xuống còn 8,8% GDP trong năm tài chính 2023 và 5,7% trong năm tài chính 2024 do chính sách tiền tệ thắt chặt làm tăng chi phí tài trợ nhập khẩu và giá hàng hóa trở nên ổn định. Kiều hối dự kiến sẽ tăng 0,7% GDP từ năm 2022 đến năm 2024 phản ánh sự gia tăng về di cư lần xuất khẩu (dù quy mô nhỏ). Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI được dự báo vẫn ở mức thấp; các khoản vay nước ngoài và giải ngân dự trữ vẫn phải tiếp tục bù đắp cho thâm hụt tài khoản vãng lai.

Lạm phát cao hơn dự kiến sẽ làm giảm sức mua hộ gia đình, làm chậm đà tăng trưởng và làm tăng các hạn chế nhập khẩu. Sự phục hồi chế độ phúc lợi vẫn chưa chắc chắn do lạm phát gia tăng và rủi ro đối với sản xuất nông nghiệp. Trong khi giá hàng hóa giảm mạnh sẽ làm giảm hóa đơn nhập khẩu và giảm bớt áp lực từ bên ngoài, sự điều chỉnh mạnh giá dầu tại Nepal có thể làm giảm nhu cầu đối với người di cư ở các nước vùng Vịnh và đè nặng lên dòng kiều hối.

GDP thực (sức mua tương đương): 110,72 tỷ USD (ước năm 2020); 113,08 tỷ USD (ước năm 2019); 106,03 tỷ USD (ước năm 2018); lưu ý: dữ liệu tính bằng đồng USD năm 2017; xếp hạng so với thế giới: 83.

Tốc độ tăng trưởng GDP thực tế: 7,9% (ước năm 2017); 0,6% (ước năm 2016); 3,3% (ước năm 2015); xếp hạng so với thế giới: 8.

GDP thực bình quân đầu người: 3,800 USD (ước năm 2020); 4.000 USD (ước năm 2019); 3,800 USD (ước năm 2018); lưu ý: dữ liệu tính bằng USD năm 2017; xếp hạng so với thế giới: 186.

GDP (tỷ giá hối đoái chính thức): 24,88 tỷ USD (ước năm 2017).

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng): 4,5% (ước năm 2017); 9,9% (ước năm 2016); xếp hạng so với thế giới: 176.

Cơ cấu tỉ lệ GDP theo ngành (ước năm 2017):

- Nông nghiệp: 27%: gạo, rau, mía, khoai tây, ngô, lúa mì, sữa trâu, sữa, trái cây, xoài/ổi.

- Công nghiệp: 13,5%: du lịch, thảm, dệt may; xay xát gạo nhỏ, đay, đường và hạt có dầu; thuốc lá, xi măng và sản xuất gạch.
- Dịch vụ: 59,5%.

GDP theo mục đích sử dụng cuối cùng (ước năm 2017):

- Tiêu dùng hộ gia đình: 78%
- Tiêu dùng chính phủ: 11,7%
- Đầu tư vào vốn cố định: 33,8%
- Đầu tư vào hàng tồn kho: 8,7%
- Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ: 9,8%
- Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ: -42%.

Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 12,4% (năm 2017); xếp hạng so với thế giới: 7

Lực lượng lao động: 16,81 triệu người (ước năm 2017); lưu ý: số lượng lao động có tay nghề đang bị thiếu trầm trọng.

Tỷ lệ lao động theo ngành (ước năm 2015):

- Nông nghiệp: 69%
- Công nghiệp: 12%
- Dịch vụ: 19%

Tỷ lệ thất nghiệp 3% (ước năm 2017); 3,2% (năm 2016); xếp hạng so với thế giới: 38.

Hệ số Gini Index - phân phối thu nhập gia đình: 32,8 (ước năm 2010); 47,2 (ước năm 2008); xếp hạng so với thế giới: 133.

Thu nhập hộ gia đình hoặc tiêu dùng theo tỷ lệ phần trăm: 10% thấp nhất: 3,2%; 10% cao nhất: 29,5% (2011).

Ngân sách:

- Doanh thu: 5,925 tỷ USD (ước năm 2017)
- Chi tiêu: 5,945 tỷ USD (ước năm 2017).

Thặng dư ngân sách (+) hoặc thâm hụt (-): -0,1% (GDP) (ước năm 2017); xếp hạng so

với thế giới: 48.

Nợ công: 26,4% GDP (ước năm 2017); 27,9% GDP (ước năm 2016); xếp hạng so với thế giới: 171.

Thuế và các khoản thu khác: 23,8% (GDP) (năm 2017); xếp hạng so với thế giới: 122.

Năm tài chính: 16 tháng 7 - 15 tháng 7.

Số dư tài khoản hiện tại: -93 triệu USD (ước năm 2017); 1,339 tỷ đô la (ước năm 2016); xếp hạng so với thế giới: 85.

Xuất khẩu: 1,79 tỷ USD (ước năm 2020); 2,73 tỷ USD (ước năm 2019); 2,68 tỷ USD (năm 2018); lưu ý: dữ liệu tính theo đồng USD hiện tại; xếp hạng so với thế giới: 157.

Đối tác xuất khẩu: Ấn Độ 68%, Hoa Kỳ 10% (2019); với các mặt hàng dầu cọ, quần áo và vải vóc, thảo, dầu đậu nành, nước có hương liệu.

Nhập khẩu: 10,68 tỷ USD (ước năm 2020); 13,83 tỷ USD (ước năm 2019); 14,65 tỷ USD (năm 2018); lưu ý: dữ liệu tính theo USD hiện tại; xếp hạng so với thế giới: 103.

Đối tác nhập khẩu: Ấn Độ 70%, Trung Quốc 15% (2019); với dầu mỏ tinh luyện, sắt, thiết bị phát thanh truyền hình, khí đốt tự nhiên, gạo.

Dự trữ ngoại hối và vàng: 9,091 tỷ USD (ước ngày 31 tháng 12 năm 2017); 8,506 tỷ USD (ước ngày 31 tháng 12 năm 2016); xếp hạng so với thế giới: 76.

Nợ - bên ngoài: 5,849 tỷ USD (ước ngày 31 tháng 12 năm 2017); 4,321 tỷ đô la (ước ngày 31 tháng 12 năm 2016); xếp hạng so với thế giới: 129.

Tỷ giá hối đoái (Rupee Nepal (NPR) trên 1 Dollar Mỹ (USD)):

- 104 (ước năm 2017)
- 107,38 (ước năm 2016)
- 107,38 (ước năm 2015)
- 102,41 (ước năm 2014)
- 99,53 (ước năm 2013).

Thông tin liên lạc

Điện thoại - đường dây cố định:

- Tổng số đăng ký: 726.000 (ước năm 2020)
- Số đăng ký trên 100 dân: 2 (ước năm 2020)
- Xếp hạng so với thế giới: 80.

Điện thoại - di động di động

- Tổng số đăng ký: 38.213 triệu (ước năm 2020)
- Số đăng ký trên 100 dân: 131 (ước năm 2020)
- Xếp hạng so với thế giới: 41.

Hệ thống viễn thông:

- Đánh giá chung:
 - + Nói về lĩnh vực viễn thông, Nepal có một số hạn chế về địa hình và kinh tế làm cản trở khả năng mở rộng cơ sở hạ tầng mạng và nâng cao chất lượng dịch vụ cho người dùng cuối. Thị trường đường dây cố định vẫn chưa phát triển và do đó hầu hết lưu lượng được chuyển qua mạng di động.
 - + Tỷ lệ thâm nhập băng thông rộng cố định vẫn rất thấp; để giải quyết vấn đề này, chính phủ đã khởi xướng một số chương trình trong “Khung kỹ thuật số Nepal và Dự án mở rộng mạng đường trục cáp quang” bắt đầu từ năm 2012. Với sự hỗ trợ từ Quỹ Phát triển Viễn thông Nông thôn, các chương trình vừa nêu bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng đường trục cáp quang và sử dụng cơ sở hạ tầng này để cung cấp băng thông rộng cho các trường học và trung tâm cộng đồng trên toàn quốc.
 - + Các công ty viễn thông cũng đã đầu tư vào mạng cáp quang, và sự cạnh tranh trên thị trường này ngày càng gay gắt. Các dịch vụ dựa trên cáp quang giá rẻ do CG Net đưa ra vào giữa năm 2021 đã gây sức ép cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng khác cung cấp ưu đãi nhanh hơn và có giá cạnh tranh hơn.
 - + Thị trường di động của Nepal tương đối phát triển, tập trung vào mạng LTE. Vào năm 2021, cơ quan quản lý Nepal đã xem xét một loạt các dải phổ có thể sử dụng cho 5G, trong khi Nepal Telecom chịu trách nhiệm thử nghiệm dịch vụ ở 5 thành phố (2021).
- Đường dây trong nước:
 - + Độ phủ sóng 3G: có mặt tại 20 thành phố lớn (2019).

- + Sự chênh lệch giữa mức độ bao phủ ở thành phố với mức độ bao phủ ở vùng nông thôn kém phát triển: có.
- + Tỷ lệ sử dụng: điện thoại cố định là dưới 3/100 người; điện thoại di động gần 131/100 người.
- + Dịch vụ liên lạc điện thoại vô tuyến: khá tốt.
- + Tỷ lệ thị phần: 20% là băng rộng cố định (có dây), 2% là băng rộng cố định (không dây); 78% là băng rộng di động (2019).
- Đường dây quốc tế: mã quốc gia - 977; Nepal.
- Lưu ý:
 - + Kể từ năm 2020, một số lĩnh vực của ngành viễn thông Nepal đã bị suy thoái, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất thiết bị di động.
 - + Tiến độ triển khai 5G cũng như nâng cấp cơ sở hạ tầng đã được nối lại.
 - + Chi tiêu của người tiêu dùng cho các dịch vụ viễn thông tăng lên do nhu cầu tăng mạnh về dung lượng và băng thông.
 - + Vai trò của dịch vụ viễn thông như một công cụ cho công việc và học tập tại nhà rất quan trọng, và sự gia tăng đột biến trong lĩnh vực này đã thúc đẩy cơ hội cho sự phát triển của các công cụ mới và dịch vụ gia tăng.

Phương tiện truyền thông: nhà nước Nepal điều hành 3 đài truyền hình và sở hữu các đài phát thanh quốc gia lẫn khu vực; 117 kênh truyền hình được cấp phép, trong đó 71 kênh là truyền hình cáp, 3 kênh được phát qua hệ thống kết nối trực tiếp tới nhà (DTH) và 4 kênh kỹ thuật số mặt đất; 736 đài phát thanh FM được cấp phép và ít nhất 314 đài trong số đó là đài phát thanh cộng đồng (2019).

Mã quốc gia Internet: .np

Người sử dụng mạng:

- Tổng: 11.071.987 người (ước năm 2020)
- Phần trăm dân số: 38% (ước năm 2020)
- Xếp hạng so với thế giới: 53.

Giao thông vận tải

Phương tiện giao thông ở Nepal rất hạn chế; rất ít quốc gia với quy mô tương đương có số dặm đường và phương tiện cơ giới ít như Nepal. Việc xây dựng những con đường mới đã bắt đầu từ những năm 1970 với viện trợ từ Ấn Độ, Trung Quốc, Anh và Hoa Kỳ. Phương tiện giao thông chủ yếu gồm mạng lưới đường bộ đan xen giữa đồi núi và thung lũng. Các con đường mòn hiện đã phát triển thành tuyến đường thương mại chính, có xu hướng men theo các hệ thống sông.

Ngoài phương tiện giao thông đường bộ ít ỏi ở Nepal, còn có một số tuyến đường sắt và đường hàng không. Các phương tiện cơ giới đang có xu hướng gia tăng sử dụng vận tải đường bộ, vô tình làm giảm tầm quan trọng của hai tuyến đường sắt khổ hẹp của Nepal chạy từ Amlekhganj đến Raxaul (Ấn Độ) và từ Janakpur đến Jaynagar (Ấn Độ). Nepal Airline Corporation, một cơ quan chính phủ tự vận hành, là hãng vận chuyển hàng đầu của Nepal. Sân bay quốc tế Tribhuvan (Kathmandu) đóng vai trò trung tâm cho các chuyến bay trong và ngoài nước. Năm 2022, Sân bay quốc tế Gautam Buddha đã được khai trương ở Siddharthanagar (Bhairahawa). Chính phủ Nepal, với sự hỗ trợ từ phía Hoa Kỳ, đã cho xây dựng tuyến cáp treo trên không Kathmandu – Hitaura vào những năm 1950 để vận chuyển hàng hóa vào thủ đô.

Hệ thống vận tải hàng không quốc gia:

- Số lượng hãng hàng không đăng ký: 6 (2020)
- Số lượng máy bay đăng ký do các hãng hàng không khai thác: 39
- Lưu lượng hành khách hàng năm trên các hãng hàng không đã đăng ký: 3.296.953 người (2018)
- Lưu lượng hàng hóa hàng năm trên các hãng hàng không đã đăng ký: 4,66 triệu (2018) tấn-km.

Tiền tố mã quốc gia đăng ký máy bay dân dụng: 9N.

Sân bay:

- Tổng: 47 đơn vị (2021)
- Xếp hạng so với thế giới: 92.

Sân bay có trải nhựa đường băng:

- Tổng: 11

- Trên 3.047 m: 1
- Từ 1.524 m đến 2.437 m: 3
- Từ 914 m đến 1.523 m: 6
- Dưới 914 m: 1 (năm 2021).

Sân bay không trải nhựa đường băng:

- Tổng: 36
- Từ 1.524 đến 2.437 m: 1
- Từ 914 đến 1.523 m: 6
- Dưới 914 m: 29 (năm 2021).

Đường sắt

- Tổng: 59 km (2018)
- Khổ hẹp: 59 km (2018) khổ 0,762 m
- Xếp hạng so với thế giới: 131.

Đường bộ

- Tổng: 27.990 km (2016)
- Trải nhựa: 11.890 km (2016)
- Không trải nhựa: 16.100 km (2016)
- Xếp hạng so với thế giới: 99.

Chương 3: Quy định thương mại, hải quan và các tiêu chuẩn

Rào cản thương mại

Ở Nepal, rào cản thương mại phi thuế quan đối với hàng nhập khẩu là không đáng kể. Hàng rào tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng cho một số ít sản phẩm, chẳng hạn như xe cộ và tủ lạnh. Các phương tiện nhập khẩu vào Nepal phải đủ điều kiện theo tiêu chuẩn Euro I và tủ lạnh phải không có khí chlorofluorocarbon (CFC). Nepal không cho phép nhập khẩu các mặt hàng đã qua sử dụng, trong đó có bao gồm sản phẩm tân trang (ngoại trừ máy bay tân trang).

Theo các nhà chức trách Nepal, nước này không có bất kỳ luật chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ nào và đã thông báo việc này cho WTO. Theo thông tin từ Bộ Công Thương Nepal cung cấp, Nepal hiện đang soạn thảo một dự luật về chống bán phá giá và các biện pháp bảo vệ thương mại. Dự thảo Đạo luật Tự vệ, Chống bán phá giá và Chống trợ cấp của Nepal vẫn đang được chuẩn bị và dựa trên các quy định của WTO và luật pháp của các quốc gia khác.

Theo Quy định Hải quan Nepal năm 2007, hàng hóa không thông quan và lưu lại tại cơ quan hải quan trong vòng bảy ngày sẽ bị tính phí lưu container tại bãi. Hiện tại, phí lưu bãi được tính như sau:

Thời hạn	Phí mỗi ngày/kg	
	Sân bay Quốc tế Tribhuwan	Các cơ quan hải quan khác
Dưới 30 ngày	NR 0,60	NR 0,40
Từ 30 đến 60 ngày	NR 1,00	NR 0,60
Trên 60 days	NR 1,40	NR 0,80

Nguồn: Tổng cục Hải quan Nepal

Quy tắc xuất xứ

Nepal thông báo với WTO rằng nước này áp dụng các quy tắc xuất xứ có ưu đãi theo Hiệp định Thương mại Tự do Nam Á (SAFTA) và hiệp ước thương mại song phương Nepal-Ấn Độ.

Quy tắc Xuất xứ SAFTA được nêu trong Phụ lục IV của Hiệp định. Theo Điều 5 của Phụ lục, các sản phẩm hoàn toàn được sản xuất hoặc thu được tại nước xuất khẩu được

coi là có xuất xứ từ nước đó. Bên cạnh các tiêu chí sản xuất toàn bộ, Quy tắc SAFTA còn có các tiêu chí về ‘Hàm lượng của một quốc gia ký kết’, bao gồm: sản phẩm cuối cùng được phân loại trong nhóm HS ở cấp bốn chữ số khác với sản phẩm mà trong đó tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ dùng để tạo thành phẩm đều được phân loại; hàm lượng nước ngoài của sản phẩm không vượt quá 60% (50% đối với một nước ký kết kém phát triển nhất và 55% đối với Sri Lanka) giá trị FOB của sản phẩm cuối cùng; và quá trình sản xuất cuối cùng được thực hiện trong lãnh thổ của nước ký kết xuất khẩu.

Cộng gộp khu vực sẽ phải tuân theo các yêu cầu sau:

- Hàm lượng tổng hợp (giá trị của nguyên liệu đầu vào cộng với giá trị gia tăng trong nước khi sản xuất thêm) không ít hơn 50% giá trị FOB;
- Hàm lượng giá trị nội địa (giá trị của nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc tại nước ký kết xuất khẩu cộng với giá trị gia tăng trong nước do sản xuất thêm tại nước ký kết xuất khẩu) không thấp hơn 20% giá trị FOB; và
- Sản phẩm cuối cùng dẫn đến sự thay đổi trong phân loại HS ở cấp độ bốn hoặc sáu chữ số, tùy thuộc vào các quy tắc cụ thể của sản phẩm.

Hiệp định của Sáng kiến Vịnh Bengal về Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật Đa ngành (BIMSTEC) không có điều khoản nào liên quan đến các quy tắc xuất xứ ưu đãi. Tuy nhiên, dự thảo đề xuất về Quy tắc xuất xứ BIMSTEC đã được đệ trình trong Vòng đàm phán Miền Điện vào tháng 4 năm 2006. Nepal và các bên khác đang đàm phán các quy tắc xuất xứ ưu đãi theo Hiệp định này. Cuộc họp lần thứ 20 của Ủy ban Đàm phán Thương mại (TNC) của BIMSTEC vào ngày 7 tháng 9 năm 2015 tiếp tục thảo luận vấn đề này đồng thời với một nhóm công tác TNC khác.

Thuế nhập khẩu

Thuế nhập khẩu thường được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị (ad valorem). Nepal sử dụng Hệ thống thuế quan hài hòa (HTS) cho mục đích phân loại. Thuế suất nhập khẩu dao động từ 0 đến 80%.

Nepal có một hệ thống thuế suất hai cấp đối với hầu hết các mặt hàng nhập khẩu, trong đó có một cấp là đối với hàng nhập khẩu từ các quốc gia thuộc Hiệp hội Hợp tác khu

vực Nam Á (SAARC), thường thấp hơn so với hàng nhập khẩu từ các nước không thuộc SAARC.

Máy móc hoặc hàng hóa liên quan đến nhu cầu cơ bản hoặc sản xuất nông nghiệp được tính phí 5% hoặc thấp hơn trong một số trường hợp. Các sản phẩm được coi là nguy hiểm cho sức khỏe con người, như thuốc lá, bị đánh thuế ở mức 4.500 Rupee Nepal (khoảng 37 USD) trên một nghìn chiếc. Rượu bị đánh thuế ở mức 1.200 Rupee Nepal (tương đương 10 USD) mỗi lít.

Thuế hải quan thường được dựa trên giá trị chi phí, bảo hiểm và cước phí (CIF). Hàng hóa nhập khẩu cũng phải chịu thuế giá trị gia tăng (VAT) là 13% tính trên CIF cộng với giá trị thuế hải quan. Những thay đổi về thuế nhập khẩu và các loại thuế khác thường được thông báo qua ngân sách hàng năm và sau đó được Nghị viện Nepal phê chuẩn trước khi thực thi.

Ngân sách hàng năm cho năm tài chính 2021/22 được công bố vào ngày 29 tháng 5 năm 2021. Ngân sách năm nay yêu cầu giảm thuế và thuế VAT đối với thiết bị y tế thiết yếu để chống lại Covid. Các doanh nghiệp quan tâm nên tham khảo ý kiến của trang web Tổng cục Hải quan Nepal (www.customs.gov.np) để biết biểu thuế cập nhật. Các khoản giảm thuế đặc biệt 5% hoặc 10% sẽ được áp dụng cho hàng nhập khẩu từ Khu tự trị Tây Tạng (Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa), các nước thành viên SAARC và các quốc gia có ưu đãi tối huệ quốc.

Một số nhà máy của Khu chế xuất (EPZ) đầu tiên của Nepal ở Simara, gần thị trấn biên giới Birgunj giữa Nepal-Ấn Độ, đã mở cửa cho các nhà xuất khẩu. KCX này chủ yếu là để cung cấp cơ sở cho sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc. Trong KCX này, bất kỳ ngành công nghiệp nào xuất khẩu 90% sản phẩm trở lên sẽ được hưởng các đặc quyền - ví dụ: không đánh thuế hoặc tính phí đối với máy móc, công cụ và nguyên liệu thô để sản xuất ra thành phẩm xuất khẩu. Các ngành công nghiệp xuất khẩu này được hưởng lợi từ các kho ngoại quan. Nguyên liệu thô được nhập khẩu thông qua sổ tiết kiệm mà không phải trả thuế hải quan hoặc thuế GTGT. Thuế hải quan cũng được khấu trừ vào sổ tiết kiệm khi xuất thành phẩm. Doanh nghiệp xuất khẩu cũng nên đăng ký bảo lãnh ngân hàng để chi trả các loại thuế áp dụng. Tuy nhiên, KCX này bị giới công nghiệp phản ứng gay gắt do yêu cầu xuất khẩu (90%) và giá thuê quá cao.

Khi gia nhập WTO, Nepal đã áp trần thuế suất cho tất cả mặt hàng trừ 54 dòng thuế ở mức HS tám chữ số. 54 dòng thuế không bị áp trần chủ yếu là các sản phẩm dầu mỏ, quần áo cũ, vũ khí - đạn dược, xi măng, một số bộ phận và linh kiện của ô tô (bao gồm cả ô tô chơi gôn). Tất cả các thuế suất ràng buộc, hay còn gọi thuế suất trần, đều dựa theo giá trị (ad valorem) khoảng từ 0 đến 200%. Mức thuế ràng buộc trung bình tổng là 26,6%. Mức thuế ràng buộc trung bình đối với các sản phẩm nông nghiệp (theo định nghĩa của WTO) là 42,9%, trong khi mức thuế đối với các sản phẩm phi nông nghiệp là 23,9%.

Nhìn chung, mức thuế áp dụng thấp hơn đáng kể so với mức thuế ràng buộc, với chênh lệch 14,6 điểm phần trăm giữa mức thuế MFN áp dụng trung bình và mức thuế ràng buộc trung bình. Mặc dù mức thuế áp dụng thấp hơn mức thuế ràng buộc đối với tất cả các ngành, nhưng sự khác biệt giữa các ngành này cũng rất khác nhau: đối với sản phẩm rau quả, mức thuế MFN áp dụng trung bình thấp hơn 29,6 điểm phần trăm; trong khi đối với các sản phẩm từ khoáng sản, con số chỉ thấp hơn 7,1 điểm phần trăm.

Theo SAFTA quy định, Nepal áp dụng thuế suất ưu đãi cho các bên SAARC đối với 2.837 dòng thuế, cộng với 37 dòng thuế bổ sung cho các nước kém phát triển (khôi LDC). Trong giai đoạn 2018-19, mức thuế suất áp dụng bình quân đối với các thành viên SAARC là 9,5%. Đối với các sản phẩm nông nghiệp (theo định nghĩa của WTO), biên độ ưu đãi trung bình là 2,2 điểm phần trăm so với mức thuế MFN áp dụng, trong khi đối với các sản phẩm phi nông nghiệp thì biên độ là 2,9 điểm phần trăm (3 điểm phần trăm đối với các nước kém phát triển LDC).

Sau đây là một số sản phẩm được Nepal miễn thuế:

Sản phẩm	
1	Hạt nhựa PET nhập khẩu thuộc phân nhóm 3907.61.00 và 3907.69.00 được sử dụng trong ngành sản xuất sợi POY, theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Công nghiệp Nepal về tỷ lệ sử dụng nguyên liệu, tỷ lệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu thành phẩm.
2	Đay thô thuộc các phân nhóm 5303.10.00 và 5303.90.00 do ngành sản xuất đay nhập khẩu.
3	Tem bưu chính, tem hàng không, hộ chiếu và tem tiêu thụ đặc biệt thuộc phân nhóm 4907.00.00 và các loại bưu thiếp thuộc phân nhóm 4909.00.00 được Chính phủ Nepal nhập khẩu.
4	Chuyển quyền sở hữu xe dưới danh nghĩa vợ/chồng hợp pháp của người đã hết hạn sử dụng. Người này trước đó đã nhập khẩu xe theo diện ưu đãi thuế quan một phần để sử dụng cho mục đích cá nhân.
5	Dầu thô của phân nhóm 2709.00.00 và dầu thô thu từ khoáng bitum được sản xuất và nhập khẩu từ Ấn Độ.

6	Hàng hóa thuộc các phân nhóm sau được sản xuất và nhập khẩu từ Ấn Độ: 25020000, 25041000, 25049000, 25101000, 25111000, 25112000, 25131000, 25132000, 25199000, 25210000, 25251000, 25280000, 26011100, 26011200, 26012000, 26020000, 26030000, 26040000, 26050000, 26060000, 26070000, 26080000, 26090000, 26100000, 26110000, 26121000, 26122000, 26131000, 26139000, 26140000, 26151000, 26159000, 26161000, 26169000, 26171000, 26179000, 44011100, 44011900, 44012100, 44012200, 44013100, 44013900, 44021000, 44029000, 44031100, 44031200, 44032100, 44032200, 44032300, 44032400, 44032500, 44032600, 44034100, 44034900.
7	Sợi định hướng một phần (POY) thuộc phân nhóm 5402.46.00 và xơ staple nhân tạo thuộc các phân nhóm 55031100, 55031900, 55032000, 55033000, 55034000, 55039000, 55041000, 55049000, 55061000, 55062000, 55063000, 55064000, 55069000 và 55070000, nhập khẩu do ngành sản xuất sợi đã đăng ký thuế GTGT.
8	Khung của các phân nhóm 87060040 và 87060050, động cơ của các phân nhóm 85011000, 85012000, 85013100, 85013200, 85013300, 85013400, 85014000, 85015100, 85015200, 85015300, 8506100, 8506200, 8506300, 8506400 và bộ sạc pin thuộc phân nhóm 85044000, được nhập khẩu do ngành công nghiệp chỉ sản xuất xe ba hoặc bốn bánh chạy bằng điện, năng lượng mặt trời hoặc chạy bằng pin hoặc phương tiện vận tải để sử dụng cho các sản phẩm của họ.
9	Túi bảo quản máu bằng chất dẻo và bộ truyền máu thuộc phân nhóm 90179000, bộ dụng cụ xét nghiệm thuộc phân nhóm 30029010 và thuốc thử thuộc phân nhóm 38220000 do Hiệp hội Chữ thập đỏ Nepal nhập khẩu cho dịch vụ hiến máu.
10	Bút in chữ nổi của phân nhóm 84719000, thiết bị điện tử chữ nổi của phân nhóm 84713000 và 84719000, máy in chữ nổi của phân nhóm 84433200 và 84433900, máy đo mực nước, máy đo ánh sáng và máy đo màu của phân nhóm 85318000, nhiệt kế cho người mù của phân nhóm 90251900, máy đánh chữ nổi của phân nhóm 84729000, đồng hồ chữ nổi của phân nhóm 91029900, bàn tính của phân nhóm 90172000, kính lúp của phân nhóm 90138000, la bàn chữ nổi của phân nhóm 90141000, sách chữ nổi của phân nhóm 49019100 và 49019900, máy dập chữ nổi của phân nhóm 8443390021, máy dập chữ nổi của phân nhóm 8443390021 cho người mù.
11	Ghế bô cho người già thuộc phân nhóm 94018000, xe tập đi của phân nhóm 94037000, xe đạp ba bánh của phân nhóm 87120000 và nạng của phân nhóm 90219000 cho người khuyết tật.
12	Tiền kim loại, vàng, bạc; giấy, kim loại và hóa chất cho mục đích đúc; sổ séc và hàng linh tinh cần thiết cho ngân hàng, do ngân hàng NRB nhập khẩu.

Nguồn: Tổng cục Hải quan Nepal

Nepal đã cam kết xóa bỏ hoàn toàn các loại thuế và phí khác (ODC) trước khi gia nhập WTO, với thời gian chuyển tiếp 10 năm, kết thúc vào năm 2013. Nước này cũng đồng ý không đưa ra bất kỳ ODC mới nào trong tương lai. Theo các nhà chức trách, không có ODC nào được áp dụng, ngoại trừ:

- Phí cải cách nông nghiệp 5% (hoặc 8% đối với một số ít sản phẩm) được áp dụng vào một số sản phẩm nông nghiệp được nhập từ Ấn Độ và Khu tự trị Tây Tạng của Trung Quốc, nơi không áp dụng thuế hải quan; và
- Phí bảo trì và cải tạo đường bộ, được tính là 4 NR/lít đối với xăng nhập khẩu và 2 NR/lít đối với dầu diesel.

Các nhà chức trách cũng cho biết phí dịch vụ hải quan 565 NR cho mỗi tờ khai sẽ áp dụng cho các lô hàng nhập khẩu có giá trị trên 5.000 NR.

Ngoài thuế hải quan, Bộ Hải quan Nepal cũng thu thuế VAT và thuế tiêu thụ đặc biệt tại biên giới hải quan, chiếm một phần lớn trong thu ngân sách của Nepal.

Các yêu cầu và chứng từ nhập khẩu

Vì lý do không giáp biên, hầu hết thương mại quốc tế của Nepal diễn ra sau khi quá cảnh ở Ấn Độ. Hàng hóa của Nepal chủ yếu được chuyển qua các cảng của Ấn Độ như Haldia và Kolkata ở Tây Bengal. Nhưng kể từ năm 2016, giới thương nhân cũng bắt đầu sử dụng Cảng Vishakhapatnam ở Andhra Pradesh để đưa hàng hóa vào Nepal. Từ các cảng nói trên, hàng hóa được trung chuyển qua đường sắt hoặc đường bộ đến hải quan biên giới của Nepal. Các nhà nhập khẩu cũng có thể sử dụng đường hàng không để chuyển hàng hóa đến Nepal qua Sân bay Quốc tế Tribhuvan ở Kathmandu.

Theo quy định của pháp luật Nepal, mọi cá nhân hoặc pháp nhân đưa hàng vào Nepal phải nộp tờ khai nhập khẩu cho cơ quan Hải quan cùng với các tài liệu như sau:

Nhập khẩu	Các chứng từ cần thiết để nhập khẩu
Nhập khẩu qua sân bay:	<ul style="list-style-type: none"> • Vận đơn hàng không • Mẫu BBN 4 của Ngân hàng Rastra Nepal (Ngân hàng Trung ương) • Giấy chứng nhận bảo hiểm • Bản sao công chứng L/C hoặc khoản thanh toán trả trước • COO (yêu cầu không quá chặt trừ trường hợp hàng nhập được áp dụng ưu đãi thuế quan đặc biệt do xuất xứ) • Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp • Hóa đơn • Giấy ủy quyền của Đại lý hải quan • Tờ khai hải quan Nepal • Bảng kê hàng hóa • Giấy chứng nhận đăng ký VAT/PAN
Quá cảnh qua Ấn Độ	<ul style="list-style-type: none"> • Mẫu BBN 4 của Ngân hàng Rastra Nepal (Ngân hàng Trung ương) • Vận đơn/lệnh giao hàng • Giấy chứng nhận bảo hiểm

	<ul style="list-style-type: none"> • Bản sao công chứng L/C hoặc khoản thanh toán trả trước • COO (yêu cầu không quá chặt trừ trường hợp hàng nhập được áp dụng ưu đãi thuế quan đặc biệt do xuất xứ) • Chứng từ quá cảnh hải quan (Bản gốc) • Lệnh giao hàng của Công ty Quản lý Bến cảng trong trường hợp Kho container nội địa (ICD) tại Biratnagar, Birgunj và Bhairahawa • Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp • Hóa đơn • Giấy ủy quyền của Đại lý hải quan • Tờ khai hải quan của Nepal (màu trắng) • Bảng kê hàng hóa • Giấy chứng nhận đăng ký VAT/PAN • Báo cáo kiểm tra đặc điểm kỹ thuật sợi len nếu có • Các tài liệu bổ sung cho hàng hóa cụ thể như giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cho các sản phẩm thực vật, báo cáo trong phòng thí nghiệm cho các sản phẩm thực phẩm, báo cáo phân tích hóa chất, giấy chứng nhận chất lượng cho len thô, giấy chứng nhận thú y cho động vật, v.v. nếu có
Quá cảnh qua Bangladesh	Tất cả các thủ tục cho hàng xuất khẩu của nước thứ ba phải được thực hiện tại biên giới tại cả Hải quan Ấn Độ và Nepal.

Nguồn: Luật Hải quan Nepal 2007

Một nhà nhập khẩu/xuất khẩu có thể chỉ định một đại lý hải quan, người sẽ nộp tờ khai hải quan thay mặt cho nhà nhập khẩu/xuất khẩu đó. Luật Hải quan quy định các đại lý hải quan phải đạt một số chứng chỉ năng lực nhất định. Đại lý hải quan phải là công dân Nepal và phải có giấy phép từ Tổng cục Hải quan Nepal. Giấy phép này có giá trị trong vòng một năm và được phép gia hạn.

Doanh nghiệp cần xuất trình các giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu và giấy xác nhận của người nộp thuế để nhập hàng. Nếu người dùng cuối - ví dụ: văn phòng dự án, công ty hoặc tổ chức – là người nhập hàng trực tiếp, họ sẽ phải xuất trình bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giấy chứng nhận của người nộp thuế để được Ngân hàng Rastra Nepal chấp thuận sử dụng ngoại tệ và cả thủ tục thông quan lô hàng.

Những yêu cầu về dán nhãn và đóng dấu

Luật pháp Nepal không yêu cầu ghi nhãn hoặc đánh dấu đặc biệt. Khi thông quan hải quan, bao bì và nhãn của lô hàng vào Nepal phải xác định rõ quốc gia xuất xứ - điểm đến và liệt kê cả hóa đơn thương mại với danh sách các mặt hàng trong lô hàng, tờ khai hải quan (CDF) và giấy chứng nhận xuất xứ. Vui lòng truy cứu thông tin của Tổng cục Hải quan Nepal qua trang web <https://www.customs.gov.np/>.

Tạm nhập

Một số hàng hóa, bao gồm xe cộ, máy móc và thiết bị, được phép tạm nhập cho mục đích đặc biệt, chẳng hạn như triển lãm trong nước hoặc hội chợ thương mại. Để tiến hành, doanh nghiệp phải đặt cọc một khoản thuế áp dụng (sẽ được trả lại sau đó). Những hàng hóa này phải được đem ra khỏi Nepal trong vòng ba tháng kể từ khi hoàn thành mục đích. Hàng hóa có thể ở lại nếu doanh nghiệp trả hết khoản thuế áp dụng và bán/giữ lại hàng hóa đó cho mục đích cá nhân.

Việc gia hạn thời hạn ba tháng cho mặt hàng sẽ dựa trên cơ sở thanh toán thêm mười phần trăm số thuế áp dụng. Nếu không nộp thuế hoặc hàng hóa không được tái xuất trong vòng sáu tháng sau khi nhập, Nepal sẽ truy tố doanh nghiệp tội buôn lậu. Nepal không có hạn chế pháp lý về yêu cầu bảo hành đối với các sản phẩm được tạm nhập cho mục đích cụ thể.

Cấm và hạn chế xuất nhập khẩu.

Theo Đạo luật Kiểm soát Xuất nhập khẩu 1957, Nepal có thể cấm hoặc hạn chế nhập khẩu một số hàng hóa với lý do: bảo vệ an ninh quốc gia; bảo vệ sự tôn nghiêm, trật tự hoặc đạo đức nơi công cộng; bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật; bảo vệ các bảo vật quốc gia có giá trị nghệ thuật, lịch sử, khảo cổ học; bảo tồn tài nguyên thiên nhiên; tuân thủ các quy định pháp luật của chính phủ; đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu thiết yếu cho các ngành công nghiệp chế biến trong nước có tiềm năng cạnh tranh; và việc thực hiện các nghĩa vụ theo Hiến chương Liên hợp quốc và bất kỳ công ước đa phương hoặc thỏa thuận song phương nào mà Nepal là thành viên. Theo đó, các sản phẩm nêu trong sau sẽ bị cấm nhập ở Nepal. Nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng cũng bị cấm, trừ trường hợp được nhập bởi các nhà ngoại giao.

Sản phẩm bị cấm nhập khẩu

Mô tả sản phẩm	
1	Hàng hóa gây nghiện có hại cho sức khỏe như hashish, heroin, thuốc phiện, v.v.
2	Thịt bò
3	Thuốc nhuộm ouzo độc hại theo quy định của chính phủ, thông qua bài đăng trên tờ Công báo Nepal
4	Phế liệu hoặc túi nhựa và miếng nhựa có độ dày dưới 20 micron

5	Bóng đèn sợi đốt có tỷ lệ thải carbon cao
6	Hàng hóa bị cấm theo các luật hiện hành khác
7	Máy gặt đập kết hợp với máy đóng kiện

Nguồn: Bộ Công nghiệp, Thương mại và Vật tư Nepal

Nepal yêu cầu giấy phép nhập khẩu đối với một số mặt hàng: vũ khí và đạn dược; thuốc lá; thiết bị thông tin liên lạc cụ thể; các chất làm suy giảm tầng ôzôn (ODS); hạt anh túc; dầu đốt lò và các sản phẩm dầu mỏ bao gồm cả LPG. Yêu cầu này được áp dụng như nhau đối với hàng hóa từ tất cả các quốc gia. Đối với nhập khẩu vũ khí - đạn dược và các thiết bị viễn thông cụ thể, Cục Thương mại, Cung ứng và Bảo vệ Người tiêu dùng thuộc Bộ Công nghiệp, Thương mại và Vật tư Nepal sẽ tự động cấp phép theo đề nghị của Bộ Nội vụ và Bộ Truyền thông và Công nghệ Thông tin Nepal. Việc cấp giấy phép nhập khẩu thuốc lá là không cần đề nghị. Giấy phép nhập khẩu cũng bắt buộc đối với hàng nhập không qua kênh ngân hàng hoặc hàng nhập theo đường biển, tặng miễn phí. Thông báo gần đây nhất về cấp phép nhập khẩu của Nepal (Điều 7.3 của Hiệp định về thủ tục cấp phép nhập khẩu) là vào năm 2015.

Chế độ cấp phép nhập khẩu được quy định bởi Đạo luật Kiểm soát Xuất nhập khẩu 1957 và Quy chế Nhập khẩu 1978, do Cục Thương mại, Vật tư và Bảo vệ Người tiêu dùng Nepal quản lý. Theo Đạo luật, chính phủ có quyền đình chỉ hoặc áp đặt các yêu cầu cấp phép, miễn là các hành động đó được công bố trên Công báo Nepal.

Giấy phép nhập khẩu không tự động là bắt buộc đối với các sản phẩm trong bảng sau:

Nhập khẩu yêu cầu giấy phép

Mặt hàng	
1.	Thuốc gây nghiện, thuốc hương thân và nguyên liệu làm thuốc theo đề nghị của Bộ Nội vụ Nepal.
2.	Vũ khí, đạn dược và chất nổ, vật liệu cần thiết để sản xuất súng và đạn, mũ cối không phải bằng giấy, và các chất gây nổ, vũ khí và đạn dược khác, theo đề nghị của Bộ Nội vụ Nepal.
3.	Thiết bị vô tuyến, chẳng hạn như bộ liên lạc không dây, máy bộ đàm, máy thu phát sóng, thiết bị vô tuyến, v.v., và các loại thiết bị tương tự dùng để giao tiếp, đối thoại hay thông báo số liệu, theo đề nghị của Bộ Truyền thông và Công nghệ thông tin Nepal.

Nguồn: Bộ Công nghiệp, Thương mại và Vật tư Nepal

Các cá nhân nhập khẩu cho mục đích cá nhân, các công ty đã đăng ký và các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước là đủ điều kiện để xin giấy phép nhập khẩu. Chính phủ Nepal sẽ xử lý đơn xin giấy phép trong cùng ngày hoặc ngày hôm sau, và thường cấp giấy phép trong thời hạn sáu tháng, với khả năng gia hạn thêm sáu tháng. Tùy thuộc vào giá trị hàng nhập khẩu, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu nằm trong khoảng từ 5.000 NR đến 10.000 NR.

Các nhà chức trách Nepal tuyên bố không có hạn ngạch thuế quan, mặc dù có một hạn chế về số lượng đối với việc nhập khẩu hạt anh túc vì lý do sức khỏe.

Đối với nhập khẩu muối i-ốt và các sản phẩm dầu mỏ (xăng, dầu diesel, dầu hỏa, nhiên liệu hàng không và LPG), chỉ có Công ty TNHH Thương mại Muối và Công ty TNHH Dầu Nepal mới được phép nhập các sản phẩm này (Mục 3.3.4.2).

Nepal có hệ thống “không cấp phép”, tức là không cần giấy phép để nhập khẩu, ngoại trừ hàng hóa bị hạn chế (cấp phép nhập khẩu không tự động). Điều kiện duy nhất để nhập khẩu là các công ty kinh doanh phải đăng ký với Cục Thương mại, Cung ứng và Bảo vệ Người tiêu dùng Nepal hoặc với Văn phòng đăng ký công ty. Vì không cần giấy phép, nhà nhập khẩu đã đăng ký phải mở L/C (Mục 3.2.1) từ các ngân hàng thương mại để nhập khẩu. L/C này và các giấy tờ hỗ trợ phải được xuất trình tại cơ quan Hải quan.

Hàng hóa quá cảnh qua Ấn Độ đến Nepal cần có giấy cam kết của Tổng Lãnh sự quán tại Kolkata, để đảm bảo rằng việc vận chuyển hàng hóa không vi phạm Điều 8 và 9 của Hiệp ước Quá cảnh.

Qui định Hải quan

Đạo luật Hải quan năm 2007 và Quy chế Hải quan năm 2007 là nền tảng pháp lý điều chỉnh hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu và được quản lý bởi Tổng cục Hải quan (DOC) trực thuộc Bộ Tài chính Nepal. Tất cả các công ty, bao gồm công ty nước ngoài, đã đăng ký với Văn phòng đăng ký công ty có thể xuất nhập khẩu hàng hóa đến và đi từ Nepal. Các cá nhân có thể nhập khẩu, miễn là họ đăng ký với tư cách là chủ sở hữu duy nhất. Các nhà nhập khẩu trên ngưỡng 50.000 NR và các nhà xuất khẩu trên 500.000 NR phải lấy mã Exim từ DOC. Các công ty nhập khẩu đã đăng ký ở Nepal với số thuế cá nhân có cung cấp thông tin về bảo lãnh ngân hàng 300.000 NR (không yêu cầu bảo lãnh đối với nhà

xuất khẩu) có thể nhận mã Exim dựa trên các thủ tục quy định trong Quy trình Mã Exim năm 2017 được phát triển dựa trên Đạo luật Hải quan Nepal.

Kể từ năm 2016, Nepal đã sử dụng tài liệu hành chính duy nhất (SAD) để làm thủ tục hải quan thông qua Hệ thống Tự động hóa Hải quan Nepal (NECAS). Hệ thống bao gồm các mô-đun dựa trên rủi ro để lựa chọn các lô hàng để kiểm tra. Người môi giới/người khai hải quan nhập thông tin từ SAD trực tiếp vào NECAS, sau đó NECAS sẽ xác minh và đăng ký cho SAD. Đăng ký xong, bản SAD này cần được ký tên và nộp lại cho nhân viên hải quan cùng với tất cả các tài liệu cần thiết. Sau khi xác minh SAD và các tài liệu kèm theo, công chức hải quan Nepal sẽ đánh giá lại bằng Hệ thống NECAS và các tiêu chí rủi ro liên quan, từ đó phân lô hàng sang một làn xử lý (xanh lục, vàng và đỏ) để cho phép rời cảng (Luật Nepal có quy định làn xanh dương cho kiểm toán sau thông quan, nhưng lại không sử dụng trong thực tế):

- Làn màu đỏ chỉ ra bản SAD phải được đối chiếu lại với chứng từ và lô hàng phải được kiểm tra thực tế trước khi cán bộ Hải quan ký vào SAD;
- Làn màu vàng cho biết bản SAD phải được đối chiếu lại với chứng từ trước khi gửi đến làn màu xanh lục và được Hải quan đánh giá; và
- Làn màu xanh lục cho biết bản SAD sẽ tự động được đánh giá và cấp giấy thông hành.

Nhân viên hải quan chỉ có thể thông quan hàng hóa sau khi thu xong các loại thuế và phí áp dụng, trong khi đối với các lô hàng thuộc làn đỏ thì phải kiểm tra xong các chứng từ và xác minh thực tế. Khoảng 40% lô hàng đi qua làn xanh, chiếm khoảng 75% doanh thu từ hàng hóa được Tổng cục Hải quan Nepal thông quan.

Theo báo cáo năm 2012, hầu hết các lô hàng được thông quan trong vòng hai giờ, nhưng tùy thuộc vào bản chất hàng hóa (ví dụ: thực phẩm, thực vật, sản phẩm thực vật, động vật và sản phẩm động vật), thời gian thông quan có thể lâu hơn, vì những hàng hóa này yêu cầu nhiều thông tin khai báo và/hoặc kiểm tra.

Theo Ngân hàng Thế giới về ‘Mức độ dễ dàng kinh doanh’, Nepal hiệu quả hơn về thời gian và chi phí cho các thủ tục nhập khẩu so với mức trung bình của khu vực Nam Á (xem bảng sau):

Thời gian và chi phí cho thủ tục nhập khẩu tại Nepal , 2018

		Nepal	Nam Á
Thời gian nhập khẩu (tiếng)	Thông quan tại cửa khẩu	61	113.8
	Kiểm tra tài liệu	48	104.7
Chi phí nhập khẩu (USD)	Thông quan tại cửa khẩu	190	638.0
	Kiểm tra tài liệu	80	341.6

Nguồn: World Bank Group

Tiêu chuẩn trong thương mại

Nepal thường tuân theo các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận; và nước này không tuân theo tiêu chuẩn ISO 9000. Các cơ quan chịu trách nhiệm thiết lập các tiêu chuẩn bao gồm Cục Tiêu chuẩn và Đo lường và Cục Quản lý Dược phẩm. Tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm thường được dựa trên Đạo luật Thực phẩm và Đạo luật Tiêu chuẩn Nepal (Dấu chứng nhận). Luật liên quan đến việc nhập khẩu các sản phẩm không phải là thực phẩm, ô tô và tủ lạnh không yêu cầu bất kỳ tiêu chuẩn nào. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường Nepal đã ban hành Đạo luật Tiêu chuẩn Phát thải Hàng loạt Phương tiện vào tháng 12 năm 1999 để kiểm soát ô nhiễm, tương tự như tiêu chuẩn EURO 1.

Tiêu chuẩn:

Cục Tiêu chuẩn và Đo lường Nepal (NBSM) là cơ quan duy nhất được ủy quyền phát triển các tiêu chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm khác nhau. NBSM hiện đang nghiên cứu phát triển các tiêu chuẩn và chương trình ghi nhãn cho các thiết bị điện. Cục Quản lý Dược Nepal có chức năng quy định việc tiêu thụ và định lượng các loại thuốc hiện dùng cho người ở Nepal.

Thử nghiệm, kiểm tra và chứng nhận:

Các tiêu chuẩn để kiểm tra chất lượng thực phẩm và quy trình kiểm tra các sản phẩm thực phẩm được căn chỉnh theo Đạo luật Thực phẩm và Tiêu chuẩn Nepal (Dấu chứng nhận), trong đó yêu cầu nhà nhập khẩu phải có mẫu thử nghiệm của Cục Quản lý Chất lượng và Công nghệ Thực phẩm. Cục quản lý dược phê duyệt việc tiêu thụ và định lượng thuốc dùng cho người và cấp giấy phép nhập khẩu thuốc vào Nepal. Đạo luật Mỹ phẩm, Thiết bị và Thuốc năm 1980 điều chỉnh việc định lượng thuốc cho con người.

Ngoại trừ thuốc/dược phẩm, Nepal không cấp chứng nhận sản phẩm đối với các sản phẩm có nhãn hiệu. Đối với thuốc, cơ sở nhập khẩu phải được sự chấp thuận trước của

Cục Quản lý Dược Nepal. Nepal không cấp chứng nhận các loại thuốc đã được cấp bằng sáng chế mà trước đó Cục Quản lý Dược đã phê duyệt thành phần hóa học của thuốc. Nepal không có cơ quan chứng nhận. Cũng không có việc chứng nhận cho các phòng thí nghiệm.

Công bố quy chuẩn kỹ thuật:

Các điều khoản và quy chuẩn kỹ thuật do chính phủ Nepal ban hành sẽ được công bố trên tờ Công báo Nepal thông qua Cục In ấn. Các tổ chức nước ngoài có thể bình luận hoặc phản đối các quy định này thông qua email hoặc thông báo cho bộ phận thích hợp của Nepal.

Theo Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (Hiệp định TBT), các thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) phải thông báo cho WTO về các đề xuất về quy định kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp có thể gây ảnh hưởng đến thương mại.

Thông tin liên lạc:

- Cục Tiêu chuẩn và Đo lường Nepal (NBSM)

P.O. Box 985

Balaju, Kathmandu, Nepal

ĐT: + 977-1-4350818, 4350447, 4361141 Fax: 977 1 4350689

E-mail: nbsm@nbsm.gov.np; info@nbsm.gov.np

Trang web: <http://www.nbsm.gov.np/>

- Cục quản lý dược

Đường Madan Bhandari số 4, Bijulibazar

New Baneshwor, Kathmandu, Nepal

ĐT: + 977-1-4780432, 4780227

Đường dây nóng: 977-1-2042383

Fax: + 977-1-4780572

Email: Director@dda.gov.np; dda@healthnet.org.np; import@dda.gov.np

Trang web: www.dda.gov.np

- Cục in ấn

Bộ Thông tin và Truyền thông

Singha Durbar, Kathmandu, Nepal

ĐT: 977-1-4211622, 4211820, 4211695, 4211749, 4200211

Fax: 977-1-4211764

Email: info@dop.gov.np

Trang web: www.dop.gov.np

- Bộ Giáo dục, Khoa học và Công nghệ

Singha Durbar, Kathmandu, Nepal

ĐT: 977-1-4200353/54/56/58/59 Fax: 977-1-4200375

Email: info@moest.gov.np

Trang web: <https://moe.gov.np/>

- Cục Quản lý Chất lượng và Công nghệ Thực phẩm (DFTQC)

Bộ Nông nghiệp và Phát triển chăn nuôi

P.O. Box 21265, Babarmahal, Kathmandu, Nepal

ĐT: 977-1-4262369, 4262430 Fax: 977-1-4262337

Email: info@dftqc.gov.np;

Trang web: <http://www.dftqc.gov.np>

Hiệp định Thương mại

Nepal đã phê chuẩn Hiệp định Khu vực Thương mại Tự do Nam Á (SAFTA) do Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á (SAARC) đề ra. Theo SAFTA, tám quốc gia SAARC (Nepal, Bhutan, Ấn Độ, Bangladesh, Pakistan, Sri Lanka, Maldives và Afghanistan) đã cam kết cắt giảm thuế suất trên từng sản phẩm và cho phép hưởng ưu đãi thuế đối với hơn 5.000 mặt hàng. Tuy nhiên trên thực tế, một danh sách dài các hàng hóa không được hưởng ưu đãi thuế đã làm giảm tác động của Hiệp định SAFTA đối với thương mại trong khu vực này.

Nepal trở thành thành viên thứ 147 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 4 năm 2004. Nepal được cho phép thực hiện các nghĩa vụ đối với WTO cho đến tháng 12 năm 2006, nhưng cho đến nay nước này mới chỉ hoàn thành một phần các nghĩa vụ này.

Vào tháng 2 năm 2004, Nepal trở thành thành viên của Sáng kiến Vịnh Bengal về Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật Đa ngành (BIMSTEC). Các thành viên khác bao gồm Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ, Myanmar, Sri Lanka và Thái Lan. BIMSTEC tìm cách thiết lập một khu vực thương mại tự do toàn diện thông qua việc mở rộng lĩnh vực dịch vụ sâu hơn và đáng kể hơn cũng như thiết lập một cơ chế đầu tư cởi mở và cạnh tranh. Khu vực này là cầu nối giữa Nam Á và Đông Nam Á, thể hiện sự tăng cường quan hệ giữa các quốc gia này. BIMSTEC cũng đã thiết lập nền tảng hợp tác nội khối giữa SAARC và các thành viên ASEAN.

Nepal đã ký kết các hiệp định và hiệp ước thương mại song phương với mười bảy quốc gia, bao gồm Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Nam Tư, Ấn Độ, Nga, Hàn Quốc, Triều Tiên, Ai Cập, Bangladesh, Sri Lanka, Bulgaria, Trung Quốc, Cộng hòa Séc, Pakistan, Romania, Mông Cổ và Ba Lan.

Hiệp ước mà Nepal ký với Ấn Độ năm 1996 và được sửa đổi vào năm 2009 là hiệp ước quan trọng nhất về khối lượng thương mại. Ngoại trừ một số mặt hàng bị hạn chế về số lượng, hiệp ước này đưa Nepal vào cơ chế thương mại đơn phương miễn thuế với Ấn Độ, chiếm hơn 60% tổng kim ngạch thương mại của Nepal trong năm tài chính 2019/20.

Chương 4: Môi trường đầu tư

Sự cởi mở và hạn chế đối với đầu tư nước ngoài

Các chính sách đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài

Chính phủ Nepal (GoN) công nhận rằng đầu tư nước ngoài là cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhằm đáp ứng mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập trung bình của GoN vào năm 2030. Mặc dù quan điểm của GoN đối với FDI là tích cực, nhưng điều này vẫn chưa chuyển thành thông lệ có ý nghĩa.

Các luật đầu tư nước ngoài quan trọng nhất là Đạo luật Đầu tư Nước ngoài và Chuyển giao Công nghệ (FITTA) sửa đổi năm 2019, Đạo luật Đối tác Công-Tư và Đầu tư (PPIA) năm 2019, Đạo luật Quy chế Ngoại hối năm 1962, Các Quy tắc Nhập cư năm 1994, Đạo luật Hải quan năm 2007 (đạo luật sửa đổi đang được Nghị viện xem xét), Đạo luật Doanh nghiệp Công nghiệp năm 2016 (và bản sửa đổi năm 2020), Đạo luật Đặc khu Kinh tế (SEZ) năm 2016 (và bản sửa đổi năm 2019), Đạo luật Công ty (2006), Đạo luật Điện lực năm 1992, Đạo luật Tư nhân hóa năm 1994, và Đạo luật Thuế Thu nhập (2002). Một điều quan trọng nữa là ngân sách hàng năm, trong đó nêu rõ thuế hải quan, thuế quan, phí dịch vụ xuất khẩu, thuế bán hàng, thuế vận chuyển hàng không và thuế thu nhập, và các loại thuế tiêu thụ đặc biệt khác có ảnh hưởng đến đầu tư nước ngoài.

FITTA đã cố gắng tạo ra một môi trường thân thiện hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài, sắp xếp hợp lý quy trình đầu tư vào nước ngoài bằng cách yêu cầu phê duyệt FDI trong vòng bảy ngày kể từ ngày nộp đơn. Tương tự, FITTA đã sắp xếp hợp lý quy trình phê duyệt chuyển lợi nhuận về nước, ủy quyền các quyết định trong vòng 15 ngày. FITTA sửa đổi đã thiết lập Trung tâm Dịch vụ Cơ chế Một cửa, qua đó các nhà đầu tư nước ngoài có thể tận dụng hết các dịch vụ được cung cấp bởi các cơ quan chính phủ khác nhau liên quan đến việc phê duyệt đầu tư, bao gồm Bộ Công nghiệp, Thương mại và Cung cấp (MOICS), Sở Lao động và Nhập cư, và Ngân hàng Trung ương. FITTA bao gồm một điều khoản yêu cầu chính phủ đặt ra ngưỡng đầu tư nước ngoài tối thiểu và công bố nó trên Nepal Gazette. Vào ngày 23 tháng 5 năm 2019, viện dẫn điều khoản đó, chính phủ đã nâng ngưỡng đầu tư nước ngoài tối thiểu lên gấp 10 lần lên 50 triệu NPR (154.000 USD) từ mức 5 triệu NPR hiện có (41.500 USD). FITTA mới cam kết cung cấp “đối xử quốc gia” cho tất cả các nhà đầu tư nước ngoài

và các công ty nước ngoài sẽ không bị quốc hữu hóa. Theo FITTA, các khoản đầu tư lên đến 6 tỷ NPR (52 triệu USD) thuộc thẩm quyền xem xét, bao gồm cả cơ quan phê duyệt, của Bộ Công nghiệp MOICS (DOI) và bất kỳ khoản nào trên số tiền đó đều thuộc thẩm quyền của Ban đầu tư Nepal (IBN).

Các luật liên quan khác bao gồm Đạo luật Doanh nghiệp Công nghiệp, Đạo luật SEZ, Đạo luật Lao động cập nhật (2017) và Đạo luật Quyền Sở hữu Trí tuệ đang chờ xử lý. Đạo luật Doanh nghiệp Công nghiệp nhằm thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp trong khu vực tư nhân, bao gồm điều khoản “không làm việc, không trả lương” và cho phép các công ty thực hiện các bước nhất định - chẳng hạn như mua đất và thiết lập hạn mức tín dụng – đồng thời các đánh giá môi trường và các yêu cầu quy định đang được thực hiện. Trên thực tế, các công ty nước ngoài khác nhận xét rằng tham nhũng, quan liêu, việc thực hiện không hiệu quả các thủ tục và yêu cầu hiện có, và môi trường quản lý yếu kém khiến việc đầu tư vào Nepal trở thành một vấn đề khó khăn.

Một phần luật quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư ở Nepal là Đạo luật Hải quan (2007), quy định việc định giá hải quan dựa trên hóa đơn và thay thế nhiều ưu đãi thuế đầu tư bằng một tỷ lệ đồng nhất, thấp hơn. Năm 2017, Cục Hải quan bắt đầu sử dụng nền tảng phần mềm thế giới Hệ thống tự động dữ liệu hải quan (ASYCUDA). Ngoài ra, Đạo luật Điện lực bao gồm các điều khoản và điều kiện đặc biệt để đầu tư phát triển thủy điện và Đạo luật Tư nhân hóa năm 1994 cho phép và xác định các thủ tục tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước.

Không có bằng chứng công khai nào về sự can thiệp trực tiếp của hành pháp vào hệ thống tòa án có thể ảnh hưởng đến các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, công chúng và báo chí đã chỉ trích việc chính trị hóa ngành tư pháp, bao gồm việc bổ nhiệm thẩm phán cho các Tòa phúc thẩm và Tòa án tối cao được cho là dựa trên đảng phái chính trị của họ.

IBN, một cơ quan chính phủ cấp cao do Thủ tướng Chính phủ chủ trì, được thành lập vào năm 2011 để thúc đẩy phát triển kinh tế ở Nepal. Ngoài việc phê duyệt các dự án đầu tư quy mô lớn, IBN còn là cơ quan của GoN chịu trách nhiệm đánh giá và quản lý các dự án đối tác công tư (PPP). Nó có nhiệm vụ thu hút các nhà đầu tư lớn nước ngoài đến Nepal và là đơn vị tổ chức chính của hai Hội nghị Thượng đỉnh Đầu tư năm

2017 và 2019. Đây là điểm tiếp xúc chính của các nhà đầu tư lớn (trên 50 triệu USD), đặc biệt là những nhà đầu tư tham gia vào các dự án cơ sở hạ tầng công cộng.

Diễn đàn Doanh nghiệp Nepal (<http://www.nepalbusinessforum.org/>) được thành lập vào năm 2010 với “mục đích cải thiện môi trường kinh doanh ở Nepal thông qua sự tương tác tốt hơn giữa cộng đồng doanh nghiệp và các quan chức chính phủ.” NBF không hợp theo một lịch trình quy định và Đại sứ quán không biết về bất kỳ cơ chế hoặc nền tảng chính thức nào để cho phép đối thoại đang diễn ra, ngoài IBN, DOI và NBF.

Các giới hạn đối với kiểm soát nước ngoài và quyền sở hữu tư nhân và thành lập

Các tổ chức tư nhân nước ngoài và trong nước có quyền thành lập và sở hữu các doanh nghiệp kinh doanh ở Nepal và tham gia vào các hình thức hoạt động có thù lao khác nhau. FITTA 2019 tăng nhẹ số lĩnh vực mở cửa cho đầu tư nước ngoài. Ngoài các lĩnh vực bị hạn chế được liệt kê dưới đây, đầu tư nước ngoài lên đến 100% sở hữu được cho phép trong hầu hết các lĩnh vực. GoN đã công bố mở cửa FDI vào lĩnh vực nông nghiệp cơ bản để xuất khẩu vào tháng 1 năm 2021. Tuy nhiên, vấn đề này đang đương cứu tại Tòa án Tối cao (kể từ tháng 3 năm 2022) và vì vậy vẫn chưa được thực hiện.

Trong suốt năm 2018 và 2019, Đơn vị Giám sát Thị trường thuộc Cục Quản lý Cung ứng của Bộ MOICS đã truy quét các cơ sở kinh doanh, thu giữ hồ sơ, đóng cửa các cửa hàng kinh doanh và buộc tội các doanh nghiệp tư nhân trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm bán lẻ, chăm sóc sức khỏe và giáo dục, cáo buộc rằng các công ty đang tính giá quá cao. Các cuộc truy quét này diễn ra lẻ tẻ hơn là vấn đề của chính sách duy trì nhưng lại góp phần tạo ra một môi trường kinh doanh không chắc chắn.

Các lĩnh vực bị loại khỏi đầu tư nước ngoài được liệt kê trong phụ lục của FITTA 2019 và bao gồm:

1. Các ngành nông nghiệp chính bao gồm chăn nuôi, thủy sản, nuôi ong, chế biến dầu (từ hạt hoặc cây họ đậu), chế biến sản phẩm từ sữa; (Lưu ý: GoN đang cố gắng mở cửa lĩnh vực này cho FDI nếu 75% sản phẩm được xuất khẩu. Tuy nhiên, vấn đề đang được xem xét tại Tòa án tối cao.)
2. Doanh nghiệp nhỏ và tiểu thủ công nghiệp;
3. Dịch vụ kinh doanh cá nhân (cắt tóc, cắt may, lái xe, v.v.);

4. Vũ khí và đạn dược, đạn, thuốc súng và chất nổ, vũ khí hạt nhân, hóa học và sinh học, các ngành liên quan đến năng lượng nguyên tử và vật liệu phóng xạ;
5. Bất động sản (trừ ngành xây dựng), kinh doanh bán lẻ, dịch vụ chuyên phát nhanh trong nước, dịch vụ ăn uống, dịch vụ trao đổi tiền tệ và chuyển tiền;
6. Các dịch vụ liên quan đến du lịch - đi bộ, leo núi và đại lý du lịch, hướng dẫn viên du lịch, du lịch nông thôn bao gồm cả bố trí homestay;
7. Phương tiện thông tin đại chúng (báo in, phát thanh, truyền hình và tin tức trực tuyến), phim truyện bằng tiếng dân tộc;
8. Dịch vụ quản lý, kế toán, kỹ thuật, tư vấn pháp luật, đào tạo ngôn ngữ, âm nhạc, tin học; và
9. Bất kỳ dịch vụ tư vấn nào trong đó vốn đầu tư nước ngoài trên 51%.

Các đề xuất đầu tư được DOI hoặc IBN sàng lọc để đảm bảo tuân thủ FITTA và các luật liên quan khác. Về mặt lịch sử, việc thiếu các tiêu chí và khung thời gian rõ ràng, khách quan cho các quyết định đã dẫn đến các khiếu nại từ các nhà đầu tư tiềm năng. Mặc dù GoN dự định FITTA giải quyết những vấn đề này, các quy định cho phép thực thi Đạo luật chỉ được hoàn thành vào tháng 1 năm 2021 và bằng chứng ngẫu nhiên cho thấy các dịch vụ cho các nhà đầu tư tiềm năng thông qua Trung tâm Dịch vụ Một cửa tại DOI đang dần được cải thiện.

Trang web IBN cung cấp các nguồn lực cho các nhà đầu tư tiềm năng bao gồm Hướng dẫn Đầu tư Nepal (<http://www.ibn.gov.np/>). Tương tự, DOI duy trì một trang web hữu ích cho các nhà đầu tư (<http://www.investnepal.gov.np/>).

Đánh giá chính sách đầu tư khác

Nepal không đánh giá chính sách đầu tư nào gần đây. Lần cuối cùng do Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) tiến hành vào năm 2003. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã tiến hành đánh giá chính sách thương mại vào năm 2019, có sẵn trực tuyến

tại: [https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE_Search/FE_S_S006.aspx?Query=\(\(%20@Title=%20nepal\)%20or%20\(@CountryConcerned=%20nepal\)\)%20and%20\(%20\(%20@Symbol=%20wt/tpr/g/*%20\)\)&Language=ENGLISH&Context=FomerScriptedSearch&languageUIChanged=true#](https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE_Search/FE_S_S006.aspx?Query=((%20@Title=%20nepal)%20or%20(@CountryConcerned=%20nepal))%20and%20(%20(%20@Symbol=%20wt/tpr/g/*%20))&Language=ENGLISH&Context=FomerScriptedSearch&languageUIChanged=true#) và https://www.wto.org/english/tratop_e/tpr_e/tp_rep_e.htm#bycountry. Tổ chức Tài

chính Quốc tế (IFC) đã tiến hành Chẩn đoán Khu vực Tư nhân Quốc gia, có sẵn tại: https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/publications_ext_content/ifc_external_publication_site/publications_listing_page/creating+markets+in+nepal+country+private+sector+diagnostic.

Tạo thuận lợi kinh doanh

Trong những năm gần đây, các quan chức của GoN đã tuyên bố Nepal “mở cửa kinh doanh” và hoan nghênh đầu tư nước ngoài một cách rõ ràng. Mặc dù GoN tỏ ra hào hứng trong nỗ lực thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, nhưng thực tế vẫn chưa phù hợp với lời hùng biện. Ba luật ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư nước ngoài (FITTA, PPP và SEZ) đã được Nghị viện gấp rút sửa đổi và thông qua nhưng lại dành rất ít thời gian cho việc tham vấn các bên liên quan hoặc tính minh bạch trong quá trình này. Cả đại diện lĩnh vực tư nhân trong nước và nước ngoài thường cho rằng GoN đã không tiến hành đủ để cải thiện môi trường kinh doanh. Mặc dù các điều khoản hoan nghênh đã được đưa vào FITTA — ví dụ, quy trình phê duyệt được tổ chức hợp lý và trung tâm dịch vụ một cửa — đánh giá về tác động thực sự của các cải cách đang chờ được thực hiện đầy đủ.

Sau khi nhận được thư chấp thuận từ DOI hoặc IBN, Văn phòng đăng ký công ty (OCR) của Nepal duy trì một trang web (<http://ocr.gov.np/index.php>) để các công ty nước ngoài có thể đăng ký. Trang web của OCR cũng liên kết đến một cổng thông tin (<http://www.theguides.org/public-docs/guides/nepal>), do UNCTAD và Phòng Thương mại Quốc tế duy trì, cung cấp các tài nguyên và thông tin cho các nhà đầu tư tiềm năng quan tâm đến Nepal. Theo cổng thông tin, việc đăng ký công ty mất "từ ba ngày đến một tuần với luật cho phép tối đa 15 ngày." Tuy nhiên, các tổ chức tư vấn độc lập đã lưu ý rằng hệ thống trực tuyến không loại bỏ được tham nhũng và các quan chức thường xuyên yêu cầu các tài liệu bổ sung phải được nộp trực tiếp, thay vì trực tuyến. Người dùng đã xếp hạng phần Nepal của trang web đăng ký kinh doanh OCR là bốn trên mười, theo trang web Đăng ký doanh nghiệp toàn cầu được UNCTAD hỗ trợ www.GER.co.

Đầu tư ra nước ngoài

Đạo luật Hạn chế Đầu tư Ra nước ngoài (ARIA) năm 1964 cấm đầu tư ra nước ngoài từ Nepal. Một số người Nepal dám nghĩ dám làm đã tìm mọi cách để giải quyết vấn đề này, nhưng đối với hầu hết các nhà đầu tư Nepal, đầu tư ra nước ngoài là bất khả thi trên thực tế. GoN hiện đang trong quá trình sửa đổi Đạo luật điều tiết ngoại hối, dự kiến sẽ bãi bỏ ARIA, mở đường cho khả năng chuyển đổi tài khoản vốn bị hạn chế.

Hiệp định đầu tư song phương và Hiệp ước thuế

Nepal có Hiệp định đầu tư song phương có hiệu lực với 4 nước: Pháp (1985), Đức (1988), Vương quốc Anh (1993) và Phần Lan (2011). Ngoài ra, Nepal đã ký Hiệp định đầu tư song phương (nhưng không có hiệu lực) với Mauritius (ký năm 1999). Một hợp đồng khác đã được ký với Ấn Độ vào năm 2011 nhưng đã chấm dứt vào năm 2017.

Nepal có một hiệp định thương mại tự do với Ấn Độ, Hiệp ước Thương mại Ấn-Nepal, được ký kết vào năm 2002. Nepal là thành viên của Khu vực Thương mại Tự do Nam Á (SAFTA) cùng với Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka, và Maldives.

Nepal cũng là thành viên của Sáng kiến Vịnh Bengal về Khu vực Mậu dịch Tự do Kinh tế và Kỹ thuật Đa ngành (BIMSTEC), cùng với Bhutan, Myanmar, Sri Lanka, Bangladesh, Ấn Độ và Thái Lan.

Nepal có hiệp ước “Tránh đánh thuế hai lần” với Trung Quốc, Ấn Độ, Mauritius, Sri Lanka, Pakistan, Hàn Quốc, Thái Lan, Áo, Na Uy và Qatar. Hiện, không rõ là chế độ thuế của Nepal có bất kỳ sự thay đổi nào trong thời gian gần đây hoặc sắp tới hay không. Tuy nhiên, sự chuyển đổi của Nepal sang cấu trúc liên bang đồng nghĩa với sẽ có các chính sách thuế mới ở cấp địa phương và cấp tỉnh.

Chế độ thuế của Nepal nhất quán như thế nào với các tiêu chuẩn quốc tế là một vấn đề đáng nghi ngờ. Vào năm 2019, một công ty Malaysia, Axiata (chủ sở hữu của NCell, công ty viễn thông tư nhân lớn nhất ở Nepal), đã bị buộc phải trả 450 triệu đô la vì cáo buộc trốn thuế đối với việc chuyển nhượng quyền sở hữu của NCell vào năm 2016 từ chủ sở hữu trước đây của nó, một công ty Thụy Điển Telia Sonera. Phán quyết của Tòa án Tối cao về vụ việc này đã tạo tiền lệ cho việc đặt người mua vào tình trạng mắc phải khoản nợ thuế của người bán. Axiata đã đưa vấn đề lên Trung tâm Quốc tế về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư (ICSID), nơi vẫn đang xem xét vụ việc. Gần đây hơn, Bottlers Nepal Ltd (BNL), một công ty con của Công ty Coca-Cola, cũng đang vướng vào tranh chấp trốn thuế tương tự với GoN liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu ra nước ngoài vào năm 2014. Cục Điều tra Doanh thu của Nepal (DRI) đã đưa BNL ra tòa theo Đạo luật Thuế Thu nhập 2002 và Đạo luật Rò rỉ Doanh thu (Điều tra và Kiểm soát) 1996. Trong khi đang chờ phán quyết cuối cùng từ ICSID (trên Ncell) và vụ việc của BNL mới chỉ đưa ra tòa án địa phương, hàm ý hiện tại của cả hai trường hợp này là chế độ thuế của Nepal -

đặc biệt là hai Đạo luật trên - cần được các nhà đầu tư nước ngoài xem xét cẩn thận khi mua / bán các công ty ở Nepal để hiểu các nghĩa vụ thuế tại địa phương của họ.

Chế độ pháp lý

Tính minh bạch của hệ thống quy định

GoN có nhiều luật, chính sách và quy định có vẻ tốt trên giấy tờ, nhưng thường không được thực thi đầy đủ và nhất quán. Những thay đổi thường xuyên của chính phủ và sự luân chuyển cán bộ trong bộ máy công vụ dẫn đến việc các quan chức thường không hiểu rõ về luật và chính sách hiện hành hoặc giải thích chúng khác với những người tiền nhiệm của họ. Nhiều nhà đầu tư nước ngoài lưu ý rằng hệ thống quản lý của Nepal chủ yếu dựa trên các mối quan hệ cá nhân với các quan chức chính phủ, thay vì các quy trình có hệ thống và theo thông lệ. Hệ thống pháp lý, quản lý và kế toán không minh bạch và không nhất quán với các chuẩn mực quốc tế. Ngân hàng Thế giới cho Nepal điểm 1,75 (trên thang điểm từ một đến năm) trong chỉ số “Các chỉ số toàn cầu về quản trị theo luật định” <https://rulemaking.worldbank.org/en/data/explorecountries/nepal> và lưu ý rằng các bộ ban ngành ở Nepal không thường xuyên lập danh sách “các đề xuất hoặc thay đổi quy định dự kiến” và không có “nghĩa vụ pháp lý trong việc xuất bản văn bản của các quy định được đề xuất trước khi ban hành”.

Trong lịch sử, cơ quan lập quy và quản lý hầu như chỉ tập trung vào chính quyền trung ương ở Kathmandu. Hiến pháp năm 2015 của Nepal phác thảo mô hình liên bang ba cấp. Sau cuộc bầu cử năm 2017, bảy chính quyền cấp tỉnh và 753 đơn vị chính quyền địa phương đã được thành lập. Các doanh nghiệp nước ngoài có thể mong đợi tiếp tục tương tác với các quan chức ở cấp chính quyền trung ương trong thời gian tới, vì các quy định quốc gia vẫn phù hợp nhất đối với các doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, điều này có thể thay đổi theo thời gian khi các chính quyền cấp tỉnh được thành lập nhiều hơn.

Theo truyền thống, một khi các đạo luật được soạn thảo và thông qua bởi Nghị viện, các cơ quan chính phủ và các bộ liên quan sẽ có trách nhiệm soạn thảo các quy định để thực thi các đạo luật đó. Các quy định được nội các thông qua và không cần quốc hội phê chuẩn. Nepal vẫn thiếu một cơ chế hoặc hệ thống được thiết lập để xem xét các quy định dựa trên các đánh giá khoa học hoặc đánh giá dựa trên dữ liệu, hoặc để thực hiện các phân tích định lượng cho các mục đích như vậy. Ngân hàng Thế giới lưu ý rằng theo luật, luật không bắt buộc GoN phải trưng cầu ý kiến về các quy định được đề

xuất, cũng như các bộ hoặc cơ quan quản lý không báo cáo về kết quả tham vấn về các quy định được đề xuất. Thông tin về quy trình quản lý không chính thức nào được quản lý bởi các tổ chức phi chính phủ hoặc hiệp hội khu vực tư nhân, là không rõ.

Hệ thống luật pháp, quy định và kế toán không hoàn toàn minh bạch và cũng không phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Mặc dù việc kiểm toán là bắt buộc, nhưng các tiêu chuẩn kế toán chuyên nghiệp còn thấp và những người hành nghề có thể được đào tạo kém. Do đó, các báo cáo tài chính được công bố có thể không đáng tin cậy và các nhà đầu tư, thay vào đó, thường dựa vào danh tiếng của doanh nghiệp trừ khi các công ty tự nguyện sử dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế.

Các công ty niêm yết đại chúng ở Nepal tuân theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Nepal 2013 (NFRS), được lập trên cơ sở Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) 2012, được phát triển bởi IFRS Foundation và cơ quan thiết lập tiêu chuẩn của họ, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế. Các báo cáo đã được kiểm toán của các công ty niêm yết công khai thường được cung cấp.

Các dự thảo luật hoặc quy định đôi khi được cung cấp để lấy ý kiến công chúng, mặc dù không có nghĩa vụ pháp lý phải làm như vậy. Cơ quan chính phủ soạn thảo dự luật có trách nhiệm thực hiện quá trình tham vấn cộng đồng với các bên liên quan chính bằng cách đưa ra các thông báo liên bang về các nhận xét và khuyến nghị, mặc dù không rõ trên thực tế có bao nhiêu cơ quan chính phủ thực sự làm như vậy. Ngoài ra, tất cả các nghị sĩ đều được cung cấp các bản sao của dự thảo luật để chia sẻ với các cử tri của họ. Điều này áp dụng cho tất cả các dự thảo luật, quy định và chính sách. Tuy nhiên, các quy tắc của Nghị viện yêu cầu rằng dự thảo sửa đổi đối với các dự luật chỉ được đề xuất trong vòng 72 giờ kể từ khi dự luật được đưa ra, tạo thời gian tối thiểu cho các nhà lập pháp, các cử tri hoặc các bên liên quan gửi phản hồi được cân nhắc. Trên thực tế, Nepal không có khung thời gian rõ ràng cho quá trình tạo lập và thông qua các dự luật, bao gồm cả khoảng thời gian quy định cho việc tham vấn cộng đồng hoặc các bên liên quan.

Nói chung, cơ quan chính phủ đã soạn thảo dự luật, luật, chính sách hoặc quy định sẽ đăng tải dự thảo thực tế (bằng tiếng Nepal) trực tuyến. Sau khi được chấp thuận, Cục In ấn, một văn phòng trực thuộc Bộ Truyền thông và Công nghệ Thông tin, sẽ đăng tải trực tuyến mọi đạo luật. Các hành động quản lý và tóm tắt các hoạt động này có tại Văn phòng

Tổng Kiểm toán và Bộ Tài chính. Cả hai cơ quan chính phủ này đều đăng tải các báo cáo định kỳ về các hành động quản lý được thực hiện chống lại các cơ quan vi phạm luật, quy tắc và quy định. Các bản tóm tắt và báo cáo này có sẵn trực tuyến bằng tiếng Nepal.

Các bộ chịu trách nhiệm thực thi các quy định thuộc thẩm quyền của họ. Quá trình thực thi có thể xem xét về mặt pháp lý, khiến các cơ quan phải chịu trách nhiệm giải trình công khai. Có một số tổ chức chính phủ, bao gồm Ủy ban Tài khoản Nghị viện, Văn phòng Tổng Kiểm toán và Ủy ban Điều tra Lạm dụng Quyền hạn (CIAA) giám sát các quy trình quản lý và quy định của chính phủ. Thông tin về bất kỳ nỗ lực cải cách quy định nào tại Nepal, tới nay vẫn chưa rõ.

Ngân sách của Nepal và thông tin về các nghĩa vụ nợ được công chúng tiếp cận rộng rãi và dễ dàng. Ngân sách hàng năm về cơ bản là đầy đủ và được coi là đáng tin cậy. Tổ chức kiểm toán tối cao của Nepal xem xét các tài khoản của chính phủ, và các báo cáo được công bố công khai.

Cân nhắc Quy định Quốc tế

Nepal là một trong tám thành viên của Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á (SAARC), một tổ chức liên chính phủ và liên minh địa chính trị của các quốc gia ở Nam Á bao gồm: Afghanistan, Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ, Maldives, Nepal, Pakistan và Sri Lanka. Theo SAARC, Nepal cũng là thành viên của Khu vực Thương mại Tự do Nam Á (SAFTA) có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 với mục tiêu tạo ra một cơ chế thương mại miễn thuế giữa các nước thành viên SAARC. Theo các quy định của SAFTA, các nước thành viên được cho là sẽ giảm thuế suất chính thức xuống bằng 0 vào năm 2016. Tuy nhiên, hàng rào thuế quan vẫn khiến hàng trăm hàng hóa “nhảy cẫ” do các nước thành viên SAARC khác nhau sản xuất không đủ điều kiện để được miễn thuế.

Nepal cũng là thành viên của Sáng kiến Vịnh Bengal về Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật Đa ngành (BIMSTEC), một tổ chức quốc tế của bảy quốc gia Nam Á và Đông Nam Á: Bangladesh, Ấn Độ, Myanmar, Sri Lanka, Thái Lan, Bhutan và Nepal.

Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ và Nepal - được gọi chung là BBIN - đang cùng nhau làm việc để phát triển một nền tảng hợp tác tiểu vùng trong các lĩnh vực như quản lý tài nguyên nước, kết nối điện, giao thông vận tải và phát triển cơ sở hạ tầng. Bốn quốc gia BBIN đã nhất trí về một thỏa thuận phương tiện cơ giới (MVA - cả hàng hóa và hành khách) vào năm 2015. Đầu năm 2018, Bangladesh, Ấn Độ và Nepal cũng đã thống

nhất về quy trình vận hành cho việc di chuyển của phương tiện chở khách, và hồi đầu năm 2020, ba nước này đã họp mặt để soạn thảo một biên bản ghi nhớ nhằm thực hiện MVA, mà không có nghĩa vụ đối với Bhutan.

Hệ thống quản lý của Nepal thường dựa trên các quy tắc và tiêu chuẩn quốc tế được phát triển bởi Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và các tổ chức và cơ quan quản lý quốc tế khác.

Nepal gia nhập WTO vào tháng 3 năm 2004. Theo cam kết gia nhập WTO, GoN đồng ý cung cấp thông báo về tất cả các dự thảo quy định kỹ thuật cho Ủy ban WTO về Hàng rào Kỹ thuật đối với Thương mại (TBT). Tuy nhiên, các quan chức của GoN không thể xác nhận liệu quy trình này có được tuân thủ một cách nhất quán hay không.

Nepal đã phê chuẩn Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại (TFA) của WTO vào tháng 1 năm 2017. Là một quốc gia kém phát triển nhất (LDC), Nepal có thể được hưởng lợi từ hỗ trợ kỹ thuật bổ sung của các thành viên WTO thông qua TFA. Một báo cáo năm 2017 của Ngân hàng Phát triển Châu Á ghi nhận, “Nepal đã đạt được tiến bộ trong việc thực hiện các cải cách tạo thuận lợi thương mại trong những năm qua, đặc biệt là những cải cách liên quan đến hải quan”. Đánh giá chính sách tháng 12 năm 2018 của WTO (https://www.wto.org/english/tratop_e/tpr_e/tp481_crc_e.htm) ghi nhận những nỗ lực của Nepal trong việc đa dạng hóa cơ sở sản xuất và xuất khẩu hạn hẹp của mình và khuyến khích Nepal theo đuổi cải cách kinh tế hơn nữa, bao gồm cả thông qua Chiến lược Hội nhập Thương mại Quốc gia (<https://www.oecd.org/aidfortrade/countryprofiles/dtis/Nepal-DTIS-2016.pdf>) cũng như giải quyết các hạn chế về phía nguồn cung, đáng chú ý nhất là chi phí vận chuyển và vận tải cao. Theo trang web của Tổ chức TFA (<http://www.tfafacility.org>), Nepal đã đệ trình các điều khoản cho cả ba loại, là bước quan trọng để thực hiện các điều kiện cần thiết của TFA Loại A, B và C.

Hệ thống pháp lý và sự độc lập về tư pháp

Hệ thống tòa án của Nepal dựa trên thông luật và hệ thống pháp luật của nước này thường được phân loại theo các tội và luật dân sự và hình sự. Luật hợp đồng được hệ thống hóa. Về lý thuyết, hợp đồng tự động có hiệu lực và việc vi phạm hợp đồng có thể bị đưa ra tòa án pháp luật. Trên thực tế, việc thực thi hợp đồng còn yếu. Các hợp đồng của Nepal được hướng dẫn theo Đạo luật Hợp đồng năm 2000. Nepal không có mã thương mại. Tất cả các tòa án dân sự được ủy quyền xét xử các khiếu nại thương mại.

Một 'tòa án thương mại' đã được thành lập tại Tòa án Cấp cao, nhưng các thẩm phán chủ tọa trong tòa này cũng là các thẩm phán giải quyết các vụ án dân sự và hình sự.

Hệ thống tư pháp độc lập với cơ quan hành pháp. Các quy định hoặc hành động thực thi là có thể kháng cáo được và chúng được xét xử trong hệ thống tòa án quốc gia. Nhìn chung, quy trình xét xử có thẩm quyền về mặt thủ tục, công bằng và đáng tin cậy. Tuy nhiên, trong một số trường hợp cá biệt hoặc nổi tiếng, các phán quyết của tòa án đã bị chỉ trích vì cáo buộc can thiệp chính trị có lợi cho các cá nhân và nhóm cụ thể. Vẫn có các nhận thức rộng rãi trong công chúng rằng hối lộ và xung đột lợi ích tư pháp ảnh hưởng đến một số kết quả tư pháp.

Luật và Quy định về Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài

Vào tháng 3 năm 2019, ba luật ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư nước ngoài (FITTA, PPP và SEZ) đã được Nghị viện gấp rút sửa đổi và thông qua trước Hội nghị thượng đỉnh đầu tư năm 2019. Điều này khiến còn lại rất ít thời gian để tham vấn các bên liên quan một cách hiệu quả và minh bạch. Trong khi các điều khoản hoan nghênh đã được đưa vào FITTA (ví dụ như một trung tâm dịch vụ một cửa được hứa hẹn và quy trình phê duyệt được tổ chức hợp lý), các quy định để thực hiện các cải cách chỉ được hoàn thành vào tháng 1 năm 2021 và các nhà quan sát vẫn hoài nghi vì thành tích của GoN về việc đưa ra các thông báo quan trọng mà không phân phối chúng trong thực tế. Như được dự thảo, ngay cả những phần của luật cải cách này vẫn giữ lại những trở ngại khác nhau về thể chế và thủ tục đối với các hoạt động kinh doanh suôn sẻ, điều này sẽ ngăn cản tất cả trừ những nhà đầu tư dám chấp nhận rủi ro nhất.

Luật Cạnh tranh và Chống độc quyền

Ban Xúc tiến Cạnh tranh và Bảo vệ Thị trường, bao gồm các quan chức của GoN từ các bộ khác nhau và do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Thương mại và Cung ứng làm chủ tịch, chịu trách nhiệm xem xét các mối quan tâm liên quan đến cạnh tranh. Không rõ là bất kỳ trường hợp cạnh tranh nào có sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài hay không. Cục Quản lý Nguồn cung ứng của MOICS có nhiệm vụ xử lý nghiêm các ten và bảo vệ người tiêu dùng. Trong hai năm trước, nó đã đóng một vai trò tích cực hơn trong việc xử lý các doanh nghiệp — từ các nhà bán lẻ đến các cơ sở chăm sóc sức khỏe cho đến các trường học tư nhân — vì bị cáo buộc là nâng giá cơ hội. Tuy nhiên, đại diện khu vực tư nhân cho rằng cục này đang can thiệp vào thị trường tự do và đang

được các doanh nghiệp có quan hệ chính trị lợi dụng để nhắm vào các đối thủ cạnh tranh, thay vì như một cơ chế để bảo vệ người tiêu dùng.

Khu vực tư nhân của Nepal bị chi phối bởi các tập đoàn và hiệp hội - thường ủng hộ các hiệp hội kinh doanh - những hiệp hội này thường thành công trong việc hạn chế sự cạnh tranh từ các công ty mới tham gia thị trường trong nhiều lĩnh vực. Vào năm 2018, GoN đã cấp giấy phép mới cho các công ty vận tải và Bộ trưởng Bộ Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải gọi các các-ten là “lời nguyện đối với quốc gia”. Tuy nhiên, sau đó, GoN đã thực hiện một số bước bổ sung để xử lý nghiêm các các-ten.

Trung dụng và bồi thường

Đạo luật Doanh nghiệp Công nghiệp năm 2016 tuyên bố rằng “không có ngành nào sẽ được quốc hữu hóa”. Cho đến nay, không có trường hợp quốc hữu hóa nào ở Nepal, cũng như không có bất kỳ chính sách chính thức nào cho thấy việc trung thu sẽ là mối quan ngại của các nhà đầu tư tương lai. Tuy nhiên, các công ty có thể bị niêm phong hoặc tịch thu nếu họ không nộp thuế theo quy định của luật pháp Nepal, và tài khoản ngân hàng có thể bị đóng băng nếu các nhà chức trách có nghi ngờ rửa tiền hoặc các tội phạm tài chính khác. Nepal không có tiền sử bị trung thu. Không có hành động hoặc thay đổi nào của chính phủ trong chính sách của chính phủ cho thấy việc trung thu sẽ có nhiều khả năng xảy ra hơn trong tương lai gần.

Giải quyết tranh chấp

Công ước ICSID và Công ước New York

Nepal là thành viên của cả Công ước về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư giữa các Quốc gia và Công dân các Quốc gia khác (ICSID) và Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thực thi Phán quyết Trọng tài Nước ngoài. Đạo luật Trọng tài năm 1999 của Nepal cho phép thực thi các phán quyết của trọng tài nước ngoài và giới hạn các điều kiện mà các phán quyết đó có thể bị phản đối. GoN đã cập nhật luật về giải quyết tranh chấp để khiến các điều luật của mình phù hợp với các yêu cầu của Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thực thi Phán quyết Trọng tài Nước ngoài.

Giải quyết Tranh chấp giữa Nhà đầu tư-Nhà nước

Là một bên ký kết Công ước New York và Đạo luật Trọng tài của Nepal năm 1999, GoN công nhận các phán quyết của trọng tài nước ngoài là có tính ràng buộc. Thỏa

thuận giữa Chính phủ Ấn Độ và Chính phủ Nepal về Khuyến khích và Bảo vệ Đầu tư cũng thảo luận về trọng tài như một phương tiện để giải quyết các tranh chấp đầu tư và lưu ý rằng các phán quyết có giá trị ràng buộc.

Theo Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành các Phán quyết của Trọng tài nước ngoài, các tòa án địa phương có nghĩa vụ công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài được ban hành chống lại chính phủ, nhưng hiện tại không có thông tin về bất kỳ trường hợp nào có liên quan đến phán quyết của trọng tài nước ngoài. Không có trường hợp nào về hành động tư pháp chống lại các nhà đầu tư nước ngoài.

Trọng tài thương mại quốc tế và Tòa án nước ngoài

Ngoài trọng tài, không một cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế nào là có sẵn ở Nepal. Trong các tranh chấp liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài, các bên liên quan được khuyến khích giải quyết thông qua hòa giải với sự có mặt của DOI. Nếu tranh chấp không thể được giải quyết thông qua hòa giải, tùy thuộc vào số tiền đầu tư ban đầu và các thủ tục được quy định trong thỏa thuận hợp đồng, các vụ việc có thể được giải quyết tại tòa án Nepal hoặc tại một cơ quan tài phán pháp lý khác. Các tranh chấp thương mại thuộc thẩm quyền của tòa án và luật pháp Nepal thường kéo dài trong nhiều năm.

Theo Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài, các tòa án địa phương có nghĩa vụ công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, nhưng trên thực tế không có bất kỳ trường hợp nào là liên quan đến phán quyết của trọng tài nước ngoài.

Các tòa án trong nước có thời gian đứng về phía các doanh nghiệp nhà nước (SOE) và các cơ quan chính phủ khác trong các vụ việc liên quan đến tranh chấp đầu tư. Đã có trường hợp các tòa án địa phương từ chối xác định liệu các tài liệu do một Doanh nghiệp nhà nước phát hành có phải là tài liệu chính hãng hay không.

Quy định phá sản

Không có một đạo luật cụ thể nào ở Nepal áp dụng riêng cho việc phá sản. Đạo luật về phá sản năm 2006 đưa ra các hướng dẫn về thủ tục phá sản ở Nepal và chỉ rõ các điều kiện mà thủ tục đó có thể xảy ra. Ngoài ra, Bộ luật chung năm 1963 bao gồm các vấn

đề liên quan đến phá sản. Các chủ nợ, cổ đông hoặc chủ trái phiếu có thể bắt đầu các thủ tục phá sản đối với một công ty bằng cách nộp đơn khởi kiện tại tòa án.

Nếu một công ty có khả năng thanh toán, việc thanh lý công ty được điều chỉnh theo Đạo luật Công ty năm 2006. Nếu công ty mất khả năng thanh toán và không có khả năng thanh toán các khoản nợ của mình, hoặc nếu các khoản nợ của họ vượt quá tài sản của họ, thì việc thanh lý sẽ được điều chỉnh theo Đạo luật Mất khả năng thanh toán năm 2006. Theo quy định Đạo luật Công ty, thứ tự ưu tiên của người yêu cầu bồi thường như sau: 1) nguồn thu chính phủ; 2) chủ nợ; và 3) cổ đông. Theo Đạo luật Phá sản, chính phủ ngang bằng tất cả các chủ nợ không có bảo đảm khác. Các phán quyết về tiền tệ được thực hiện bằng nội tệ. Các công ty và doanh nhân đã tuyên bố phá sản bị đưa vào danh sách đen không được nhận các khoản vay trong 10 năm.

Chính sách công nghiệp

Ưu đãi đầu tư

Đạo luật sửa đổi luật của Nepal năm 2000 đã loại bỏ hầu hết các ưu đãi thuế, tuy nhiên, xuất khẩu vẫn được ưu tiên, cũng như đầu tư vào một số lĩnh vực “ưu tiên” nhất định, chẳng hạn như nông nghiệp, du lịch và thủy điện. Ưu đãi cho các lĩnh vực này thường là giảm hoặc hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng. Không có sự phân biệt đối xử đối với các nhà đầu tư nước ngoài về các chính sách xuất khẩu / nhập khẩu hoặc các hàng rào phi thuế quan. GoN cũng đưa ra các ưu đãi về thuế để khuyến khích các ngành công nghiệp đặt trụ sở bên ngoài Thung lũng Kathmandu. Các chính quyền cấp tỉnh mới thành lập có khả năng sẽ xem xét đưa ra các ưu đãi đầu tư riêng của mình trong tương lai. Thông tin về việc GoN cấp bảo lãnh cho các dự án FDI hay không thì không rõ, nhưng nước này đã sẵn sàng cho các thỏa thuận tài trợ chung.

Khu vực ngoại thương / Cảng tự do / Tạo thuận lợi thương mại

Vào tháng 8 năm 2016, Quốc hội Nepal đã thông qua Đạo luật Đặc khu Kinh tế (SEZ), đạo luật này cung cấp nhiều ưu đãi cho các nhà đầu tư vào các SEZ, bao gồm miễn thuế hải quan đối với nguyên vật liệu, quy trình đăng ký hợp lý, tiếp cận điện năng được đảm bảo và cấm đình công. Bản sửa đổi đối với Đạo luật SEZ vào năm 2019 đã cung cấp nhiều ưu đãi hơn, bao gồm giảm đến 60% yêu cầu các ngành trong SEZ xuất khẩu 75% sản lượng của họ. GoN duy trì kế hoạch có một mạng lưới lên tới 15 SEZ trên cả nước và hiện đang phát triển hai đặc khu kinh tế đầu tiên của đất nước ở

Bhairahawa và Simara, phần nào đã đi vào hoạt động. Cả hai đều nằm ở miền nam Nepal gần biên giới với Ấn Độ.

Yêu cầu về hiệu suất và bản địa hóa dữ liệu

Không có chỉ thị nào đối với việc làm tại địa phương. Tuy nhiên, nhiều nhà đầu tư nước ngoài và người lao động nước ngoài đã khiếu nại rằng xin thị thực làm việc là một quá trình cực kỳ phức tạp, đòi hỏi sự phê duyệt của nhiều cơ quan GoN và các trường hợp đòi hỏi lộ khi xin và gia hạn thị thực. (Để biết thông tin về thị thực lao động, vui lòng truy cập <http://www.nepalimmigration.gov.np>. Thư giới thiệu từ bộ liên quan giám sát đầu tư đã trở thành yêu cầu trên thực tế. GoN giới hạn số lượng nhân viên nước ngoài được phép làm việc tại một công ty, bày tỏ lo ngại rằng người lao động nước ngoài đang “cướp việc” từ các công dân Nepal. Đại diện của các công ty nước ngoài đã khẳng định rằng chính thái độ và luật nhập cư cực kỳ thiếu linh hoạt này khiến việc xin thị thực hợp pháp cho nhân viên hoặc tư vấn ngắn hạn trở nên khó khăn. Không có chỉ thị cho các nhân viên địa phương trong ban quản lý cấp cao và trong ban giám đốc.

Không có điều kiện nào do chính phủ đặt ra đối với việc cho phép đầu tư, ngoài những điều kiện đã được thảo luận ở trên, chẳng hạn như danh sách các lĩnh vực bị hạn chế đầu tư nước ngoài. GoN không sử dụng các chính sách “nội địa hóa bắt buộc” được thiết kế để buộc các công ty phải di dời toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh toàn cầu của họ trong biên giới của nó.

Nepal cũng không có bất kỳ yêu cầu nào đối với các nhà cung cấp CNTT để chuyển mã nguồn hoặc cung cấp quyền truy cập vào mã hóa. Vào cuối năm 2018, quốc hội đã thông qua Đạo luật về quyền riêng tư và các quy định thực hiện đang được soạn thảo. Mặc dù các quy định mới có thể làm rõ các hạn chế và trách nhiệm của các công ty đối với việc quản lý dữ liệu cá nhân, nhưng Nepal trước đây không có bất kỳ quy định nào cản trở các công ty tự do truyền tải dữ liệu khách hàng hoặc dữ liệu liên quan đến kinh doanh khác ra bên ngoài lãnh thổ Nepal. Tương tự, không có luật nào liên quan đến việc lưu trữ dữ liệu cho các mục đích thực thi pháp luật hoặc quyền riêng tư.

Hiện tại không có bất kỳ luật nào của Nepal liên quan đến yêu cầu hoạt động, được Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển định nghĩa là “các quy định, áp

dụng đối với các nhà đầu tư, yêu cầu họ phải đáp ứng một số mục tiêu cụ thể liên quan đến hoạt động của mình ở nước sở tại.”

Bảo vệ quyền sở hữu

Bất động sản

Đạo luật Giao dịch Bảo đảm (2006) áp dụng cho tất cả các giao dịch liên quan đến thế chấp hoặc quyền cầm giữ có hiệu lực là để đảm bảo nghĩa vụ bằng tài sản thế chấp, bao gồm cả việc cầm cố (khi người cho vay thực sự sở hữu hàng hóa), cầm cố tài sản để vay tiền (khi quyền sở hữu vẫn thuộc về người vay), thuê- mua, bán tài khoản và hợp đồng mua bán có bảo đảm, và cho thuê hàng hoá. GoN đã thành lập Văn phòng đăng ký giao dịch bảo đảm để đăng ký thông báo theo Đạo luật này. Theo Đạo luật này, GoN cũng có thể chỉ định bất kỳ văn phòng nào thực hiện chức năng đăng ký thông báo. Không có thị trường nợ nào sử dụng chứng khoán hóa (sử dụng một tài sản thực tế để dự phòng cho một công cụ tài chính). Tuy nhiên, tài sản vật chất, đặc biệt là tài sản và đất đai, thường được sử dụng để đảm bảo các khoản vay cá nhân và kinh doanh nhỏ.

Nepal được xếp hạng thứ 97 trong Báo cáo Kinh doanh năm 2020 của Ngân hàng Thế giới về đăng ký tài sản. Báo cáo lưu ý rằng việc đăng ký tài sản đòi hỏi bốn thủ tục thường mất sáu ngày để hoàn thành. Không có quy định dành riêng cho việc thuê hoặc mua lại đất của các nhà đầu tư nước ngoài và / hoặc nhà đầu tư không cư trú. FITTA và các luật liên quan quản lý đầu tư nước ngoài quy định rõ rằng nhà đầu tư có thể sở hữu tài sản, nhưng quyền sở hữu thuộc về doanh nghiệp / công ty chứ không phải nhà đầu tư nước ngoài với tư cách cá nhân.

GoN không duy trì số liệu thống kê chính thức về đất đai chưa có quyền sở hữu. Bộ Nông nghiệp, Quản lý đất đai và Hợp tác xã (trước đây được gọi là Bộ Cải cách và Quản lý ruộng đất) đã làm việc trong nhiều thập kỷ để xác định quyền sở hữu và đăng ký tài sản. Tuy nhiên, bất ổn chính trị, lưu trữ hồ sơ kém và sự phản kháng từ các bên liên quan đã khiến việc này trở thành một nhiệm vụ khó khăn. Hầu hết đất canh tác đều có quyền sở hữu, mặc dù đôi khi quyền sở hữu đó đã có được theo cách thức gian lận.

Đối với tài sản được mua hợp pháp, quyền sở hữu không chuyển lại cho các chủ sở hữu khác. Nhưng, nếu tài sản đó vẫn không có người nắm giữ hoặc không được sử dụng trong một thời gian dài, có khả năng những người chiếm đất có thể chiếm và đòi đất. Mặc dù việc chiếm đóng như vậy không có hiệu lực pháp luật, nhưng có hàng

trăm trường hợp chiếm giữ tài sản bất hợp pháp hoặc chưa được giải quyết đang bị lãng quên trong hệ thống tòa án của Nepal, hầu hết có từ cuộc nổi dậy của chủ nghĩa Mao Trạch Đông năm 1996-2006..

Năm 2007, Nepal đã phê chuẩn Công ước về Người bản địa và Bộ lạc của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) (1989), bảo đảm các quyền của người bản địa. Trên thực tế, không có bất kỳ trường hợp pháp lý nào ở Nepal trích dẫn công ước này.

Quyền sở hữu trí tuệ

Nepal có đạo luật hợp nhất về SHTT (Đạo luật Bằng sáng chế, Thiết kế và Nhãn hiệu năm 1965) nhằm bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm bằng sáng chế, thiết kế và nhãn hiệu và một đạo luật riêng về Bản quyền (Đạo luật Bản quyền năm 2002). Bảo hộ bằng sáng chế dành cho các phát minh, nguyên tắc, công thức và bảo hộ thiết kế, bao gồm cả hình dạng và diện mạo thực tế. Các biện pháp bảo vệ nhãn hiệu bao gồm từ ngữ, dấu hiệu, hình ảnh hoặc kết hợp các hình thức này để phân biệt sản phẩm với những sản phẩm khác trên thị trường. Đạo luật Bản quyền năm 2002 bao gồm hầu hết các hình thức quyền tác giả hiện đại nhất và quy định các thời hạn bảo vệ thích hợp. Không giống như các khu vực pháp lý khác, Nhãn hiệu phải được đăng ký ở Nepal để nhận được sự bảo hộ. Sau khi đăng ký, nhãn hiệu được bảo hộ trong thời hạn bảy năm. Để đăng ký và cấp bằng sáng chế và kiểu dáng công nghiệp, người nộp đơn phải nộp đơn chính thức cho văn phòng Sở hữu trí tuệ của Nepal.

Vụ Công nghiệp thuộc Bộ Công nghiệp, Thương mại & Vật tư sẽ xem xét các vấn đề liên quan đến bằng sáng chế và nhãn hiệu, trong khi Bộ Văn hóa, Du lịch và Hàng không Dân dụng giám sát các vấn đề bản quyền. Vụ Công nghiệp cũng đóng vai trò là đơn vị bán tư pháp trong các trường hợp bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, giải quyết tranh chấp và các thủ tục hành chính khác. Nepal là một bên ký kết Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), thành viên của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và Công ước Paris về sở hữu công nghiệp. Vào năm 2017, Chính phủ Nepal (GoN) đã hoàn thiện Chính sách quyền sở hữu trí tuệ để sử dụng làm nền tảng cho luật mới về quyền sở hữu trí tuệ. Vào năm 2018, GoN đã đưa ra một dự thảo luật toàn diện về Sở hữu trí tuệ (SHTT). Tuy nhiên, dự thảo vẫn đang được chính phủ xem xét. Dự thảo luật cải thiện đáng kể các luật và quy định hiện hành về SHTT và nỗ lực hệ thống hóa

tất cả các luật sở hữu công nghiệp ngay tại chỗ. Sau khi được ban hành, luật về quyền SHTT nhằm mục đích đưa luật quốc gia Nepal phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về SHTT. Việc thực thi các hành vi vi phạm quyền SHTT hiện tại ở Nepal chỉ mang tính lẻ tẻ. Các quan chức thực thi pháp luật không được đào tạo đầy đủ về các vấn đề quyền SHTT và người phạm tội thường có thể trả một khoản hối lộ nhỏ để tránh bị truy tố. Luật SHTT của Nepal đã có từ vài thập kỷ và hình phạt quá thấp để có tác dụng răn đe. Nhận thức về các vấn đề SHTT còn thấp trong khu vực tư nhân và trong hệ thống pháp luật. Kết quả là, Nepal phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng trong việc ngăn chặn việc buôn bán hàng giả. Các thị trường chính ở Nepal tràn ngập các sản phẩm giả, bao gồm thiết bị điện tử, quần áo, phương tiện kỹ thuật số và các sản phẩm dược phẩm. Nepal không theo dõi các vụ bắt giữ hàng giả, cũng không có hồ sơ theo dõi truy tố vi phạm quyền SHTT.

Khu vực tài chính

Thị trường vốn và Danh mục đầu tư

Sở giao dịch chứng khoán Nepal (NEPSE) là sàn giao dịch chứng khoán duy nhất ở Nepal. Phần lớn trong số 255 công ty niêm yết của NEPSE là các công ty thủy điện và ngân hàng, với việc niêm yết NEPSE dành cho các ngân hàng chủ yếu do yêu cầu pháp lý thay vì các cân nhắc thương mại. Có rất ít cơ hội để đầu tư danh mục đầu tư nước ngoài vào Nepal. Các nhà đầu tư nước ngoài không được phép đầu tư vào Sở giao dịch chứng khoán Nepal cũng như không được phép giao dịch cổ phiếu của các công ty Nepal được niêm yết công khai; chỉ công dân Nepal và người Nepal không thường trú (NRN) mới được phép đầu tư vào NEPSE và giao dịch cổ phiếu. Tuy nhiên, FITTA cho phép thành lập một “quỹ đầu tư mạo hiểm” để cho phép các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài nhận cổ phần trong các công ty Nepal.

Ủy ban Chứng khoán Nepal (SEBON) điều chỉnh NEPSE, nhưng Hội đồng không khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư vào các danh mục đầu tư. Trong khi cả NEPSE và SEBON đều đang tăng cường khả năng của mình trong những năm gần đây, khả năng là NEPSE còn lâu mới trở thành một sàn giao dịch chứng khoán trưởng thành và có khả năng không có đủ thanh khoản để cho phép gia nhập và rời khỏi các vị thế lớn. Một số chuyên gia đã đưa ra lo ngại về mức độ ảnh hưởng của Bộ Tài chính đối với cả SEBON và NEPSE và cho rằng việc thiếu tính độc lập khỏi

ảnh hưởng của chính phủ là một trở ngại đối với sự phát triển của thị trường vốn Nepal. (Xem: <https://milkeninsodas.org/reports/framing-issues-moderizing-public-equity-market-nepal>.)

Nepal đã chuyển sang chế độ chuyển đổi hoàn toàn (không có hạn chế ngoại hối đối với các giao dịch trong tài khoản vãng lai) khi chấp nhận các nghĩa vụ của Điều VIII trong Điều khoản Thỏa thuận của IMF vào tháng 5 năm 1994. Theo đó, GoN và NRB không áp đặt các hạn chế đối với các khoản thanh toán và chuyển khoản cho giao dịch quốc tế hiện tại.

Tín dụng thường được phân bổ theo điều kiện thị trường, mặc dù có các thỏa thuận tín dụng đặc biệt dành cho nông dân và nhà sản xuất nông thôn thông qua Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Nepal. Các công ty có vốn đầu tư nước ngoài có thể vay vốn trên thị trường nội địa. Khu vực tư nhân được tiếp cận với nhiều loại công cụ tín dụng và đầu tư. Chúng bao gồm cổ phiếu đại chúng và các khoản vay trực tiếp từ các công ty tài chính và các ngân hàng thương mại liên doanh. Các nhà đầu tư nước ngoài có thể tiếp cận nguồn vốn cổ phần tại địa phương, nhưng để làm như vậy, nhà đầu tư phải được thành lập tại Nepal theo Đạo luật Công ty năm 2006 và được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Ngành ngân hàng đã phải vật lộn với tình trạng thiếu vốn có thể cho vay trong vài năm qua dẫn đến lãi suất cho vay cao. Một trong những lý do chính của việc này là chi tiêu của chính phủ chậm và kém hiệu quả dẫn đến thiếu thanh khoản trong hệ thống. Với sự ổn định chính trị tương đối trở lại vào năm 2018, người ta đã hy vọng vấn đề này sẽ được giảm bớt nhưng nó vẫn tiếp diễn.

Hệ thống ngân hàng và tiền tệ

NRB đã xúc tiến việc sáp nhập trong lĩnh vực tài chính và công bố các quy định về sáp nhập vào năm 2011 để giúp củng cố và điều tiết tốt hơn ngành ngân hàng. Tính đến tháng 1 năm 2021, đã có 27 ngân hàng thương mại, 19 ngân hàng phát triển và 21 công ty tài chính đăng ký với NRB. Tổng số này không bao gồm các tổ chức tài chính vi mô, các hợp tác xã tiết kiệm và tín dụng, các tổ chức phi chính phủ (NGO) và các tổ chức khác, những tổ chức cung cấp nhiều chức năng của các ngân hàng và tổ chức tài chính. Không có quy định pháp luật nào để chống lại các vụ thu tóm thù địch, nhưng không có báo cáo nào về các vụ thu tóm thù địch trong hệ thống ngân hàng.

Cơ sở hạ tầng yếu kém và địa hình khó khăn của Nepal có nghĩa là nhiều vùng trong nước không được tiếp cận với các dịch vụ tài chính. Một nghiên cứu năm 2015 của Quỹ Phát triển Vốn Liên hợp quốc (UNCDF) báo cáo rằng 61% người Nepal được tiếp cận với các dịch vụ tài chính chính thức (40% sử dụng dịch vụ ngân hàng chính thức). Sau cuộc bầu cử địa phương năm 2017, GoN đã thành lập 753 đơn vị chính quyền địa phương và hứa hẹn rằng mỗi đơn vị sẽ được phục vụ bởi ít nhất một ngân hàng. Tính đến tháng 1 năm 2020, 8 đơn vị địa phương vẫn chưa có ngân hàng. Hầu hết các đơn vị địa phương không có ngân hàng đều ở các địa điểm xa xôi, ít tòa nhà phù hợp và thiếu kết nối internet và an ninh phù hợp.

Ngành ngân hàng của Nepal tương đối lành mạnh, mặc dù bị phân tán và giám sát ngân hàng của NRB, mặc dù được cải thiện, nhưng vẫn còn yếu, được cho là do ảnh hưởng chính trị theo một số đại diện khu vực tư nhân. GoN hy vọng sẽ củng cố hệ thống ngân hàng bằng cách giảm số lượng các ngân hàng nhỏ hơn và đã tích cực khuyến khích hợp nhất các ngân hàng thương mại; hiện có 27 ngân hàng thương mại, giảm so với 78 ngân hàng năm 2012. Hầu hết các ngân hàng đặt chi nhánh của họ ở trong và xung quanh Kathmandu và ở các thành phố lớn của miền nam Nepal. Một số ngân hàng thuộc sở hữu của các công ty kinh doanh nổi tiếng, điều này có thể tạo ra xung đột lợi ích. Ngoài ra còn có một số lượng lớn các ngân hàng hợp tác xã không được quản lý bởi NRB mà bởi Bộ Nông nghiệp, Quản lý đất đai và Hợp tác xã. Các hợp tác xã này cạnh tranh khách hàng với các ngân hàng.

Vào tháng 1 năm 2017, Nghị viện đã thông qua Đạo luật Ngân hàng và Định chế Tài chính (BAFI). Được giới thiệu lần đầu vào năm 2013, BAFI được thiết kế để tăng cường quản trị công ty bằng cách đặt ra các giới hạn nhiệm kỳ cho các Giám đốc điều hành và thành viên hội đồng quản trị tại các ngân hàng và tổ chức tài chính. Luật cũng nhằm mục đích giảm xung đột lợi ích tiềm ẩn bằng cách cấm các chủ doanh nghiệp phục vụ trong hội đồng quản trị của bất kỳ ngân hàng nào mà doanh nghiệp của họ đã vay vốn.

Vào năm 2018, NRB đã bị chỉ trích vì không thực hiện hành động để giảm bớt tình trạng khó khăn về thanh khoản và Hiệp hội các chủ ngân hàng Nepal đã đi đến một thỏa thuận để giới hạn lãi suất tiền gửi. NRB đã không phản đối hành động này, dẫn đến một số lời chỉ trích rằng nó đã không hoàn thành vai trò của mình với tư cách là cơ quan quản lý chống lại những thứ mà nhiều người coi là hành vi cartel.

NRB điều chỉnh hệ thống ngân hàng quốc gia và cũng có chức năng như ngân hàng trung ương của chính phủ. Với tư cách là cơ quan quản lý, NRB kiểm soát ngoại hối; giám sát, theo dõi và điều hành hoạt động của các tổ chức tài chính ngân hàng và phi ngân hàng; xác định lãi suất cho các khoản cho vay thương mại và tiền gửi; và xác định tỷ giá hối đoái đối với ngoại tệ. Với tư cách là ngân hàng của chính phủ, NRB quản lý tất cả các tài khoản thu và chi của chính phủ, phát hành tín phiếu và tín phiếu kho bạc của Nepal, cho chính phủ vay và xác định chính sách tiền tệ.

Luật ngân hàng hiện hành không cho phép các ngân hàng nước ngoài vận hành chi nhánh bán lẻ, điều này buộc các ngân hàng nước ngoài phải thành lập một ngân hàng địa phương nếu muốn hoạt động tại Nepal. Ví dụ, Standard Chartered thành lập Standard Chartered Nepal. Tất cả các ngân hàng thương mại đều có các thỏa thuận ngân hàng đại lý với các ngân hàng thương mại nước ngoài, mà họ sử dụng để chuyển khoản và thanh toán. Standard Chartered là ngân hàng đại lý duy nhất có mặt tại Nepal và xử lý các giao dịch nước ngoài cho NRB. Nepal sẽ được Lực lượng Đặc nhiệm Hành động Tài chính (FATF) đánh giá vào năm 2021 để đánh giá chế độ chống rửa tiền của nước này. Mặc dù khó xảy ra, nhưng Nepal có nguy cơ mất các mối quan hệ ngân hàng đại lý hoặc tăng cường giám sát FATF nếu không thực hiện được đánh giá này. Người nước ngoài là cư dân hợp pháp của Nepal có giấy phép lao động và thị thực kinh doanh phù hợp được phép mở tài khoản ngân hàng.

Ngoại hối và Kiềm hối

Ngoại hối

FITTA cho phép các nhà đầu tư nước ngoài chuyển tất cả lợi nhuận và cổ tức về nước, tất cả số tiền thu được thông qua việc bán cổ phần, tất cả các khoản thanh toán gốc và lãi cho bất kỳ khoản vay nước ngoài nào và bất kỳ số tiền nào đầu tư vào việc chuyển giao công nghệ nước ngoài. Tuy nhiên, làm như vậy đòi hỏi nhiều phê duyệt và các thủ tục gia hạn mà trước đây đã dẫn đến các giao dịch mất nhiều tháng để hoàn thành này. Công dân nước ngoài làm việc trong các ngành công nghiệp địa phương cũng được phép chuyển 75 phần trăm thu nhập của họ về nước. Việc mở tài khoản ngân hàng và xin cấp phép chuyển ngoại hối được thực hiện dựa trên khuyến nghị của DOI, vốn thường cung cấp sự chấp thuận cho khoản đầu tư ban đầu.

Trên thực tế, việc chuyển lợi nhuận về nước là rất khó khăn, mất thời gian và không được đảm bảo. Phòng ban liên quan của GoN và NRB, cơ quan quản lý ngoại hối, đều phải chấp thuận việc chuyển tiền về nước. Trong hầu hết các trường hợp, cũng phải được DOI phê duyệt. Trong trường hợp ngành viễn thông, Cơ quan Viễn thông Nepal cũng phải chấp thuận việc chuyển tiền về nước. Trong trường hợp liên doanh, NRB và Bộ Tài chính phải chấp thuận. Việc chuyển tiền về nước dự kiến sẽ trở nên dễ dàng hơn sau khi trung tâm dịch vụ một cửa, theo quy định của FITTA, hoàn toàn đi vào hoạt động.

Trước đây, một số công ty nước ngoài đã báo cáo rằng GoN đòi hỏi các hợp đồng bằng đồng tiền Nepal, đồng rupee Nepal (NPR), chứ không phải các loại tiền tệ chính trên thế giới, chẳng hạn như đô la Mỹ. Điều này dường như đang thay đổi, ít nhất là trong lĩnh vực năng lượng, nơi GoN đã áp dụng chính sách cho phép Cơ quan Điện lực Nepal ký các Hợp đồng mua bán điện (PPA) bằng đồng đô la Mỹ (hoặc ngoại tệ mạnh khác). Có một số giới hạn đối với cái gọi là “forex” hoặc các hợp đồng mua bán điện bằng ngoại tệ mạnh, bao gồm, ví dụ, các quy định rằng chỉ chi phí hoặc khoản vay bằng ngoại tệ mới được bảo hiểm và rằng các khoản thanh toán chỉ có thể được thực hiện trong 10 năm hoặc trong thời hạn của khoản vay, tùy theo thời hạn nào ngắn hơn. Các quy định về việc chuyển tiền về nước được điều chỉnh bởi các thủ tục của NRB, cũng như việc chuyển đổi tiền của các nhà đầu tư nước ngoài sang các loại tiền tệ khác. Đồng tiền của Nepal đã giảm so với đồng rupee Ấn Độ (INR) từ năm 1994 với mức 1,6 NPR xuống 1 INR. Do đó, NPR dao động so với tiền tệ thế giới phù hợp với INR. Theo Tham vấn tại Điều IV của IMF vào tháng 4 năm 2020 — Thông cáo Báo chí; Báo cáo của nhân viên; và Tuyên bố của Giám đốc điều hành Nepal (<https://www.imf.org/en/Countries/NPL>), việc hạn chế tỷ giá vào INR làm giảm sự không chắc chắn về tỷ giá hối đoái đối với thương mại và đầu tư với Ấn Độ, đối tác thương mại lớn của nước này, nhưng việc đồng rupee Nepal tăng so với đồng rupee Ấn Độ cũng đã dẫn đến việc đồng rupee Nepal bị định giá quá cao và có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của Nepal.

Chính sách chuyển tiền

Luật FITTA hứa hẹn sẽ giúp chuyển thu nhập đầu tư dễ dàng hơn, nhưng nó sẽ phụ thuộc vào mức độ hiệu quả của cơ chế một cửa, cũng như các chức năng và thủ tục phê duyệt liên quan trong thực tế. Trước mắt, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ tiếp tục sử dụng quy trình cũ áp dụng cho NRB để thu hồi vốn từ việc bán cổ phần. Đối với việc

chuyển về nước các khoản tiền liên quan đến cổ tức, gốc và lãi của các khoản vay nước ngoài, phí chuyển giao công nghệ hoặc tiền lương cho người nước ngoài, trước tiên nhà đầu tư nước ngoài nộp đơn cho DOI và sau đó nộp cho NRB. Ở giai đoạn DOI xin chấp thuận chuyển tiền, nhà đầu tư nước ngoài phải gửi yêu cầu chuyển tiền đến ngân hàng thương mại. Phê duyệt chuyển tiền cuối cùng được cấp bởi Bộ Ngoại hối NRB, một quy trình được các nhà đầu tư nước ngoài cho là không rõ ràng và mất thời gian. Sau các phê duyệt hành chính, quá trình thanh toán kéo dài giữa NRB và ngân hàng thương mại càng làm chậm việc chuyển ngoại hối. Kinh nghiệm của các nhà đầu tư nước ngoài khác cho đến nay cho thấy sự khác biệt nghiêm trọng giữa các chính sách đã nêu của chính phủ trong FITTA và việc thực hiện trong thực tế.

Quỹ đầu tư quốc gia

Nepal không có quỹ đầu tư quốc gia.

Doanh nghiệp nhà nước

Có 36 doanh nghiệp nhà nước (SOEs) ở Nepal, bao gồm Tổng công ty Hàng không Nepal, Tổng công ty Dầu khí Nepal và Cơ quan Điện lực Nepal. Kể từ năm 1993, Nepal đã khởi xướng nhiều cải cách chính sách thị trường và quy định nhằm nỗ lực mở cửa các lĩnh vực đủ điều kiện do chính phủ kiểm soát cho đầu tư tư nhân trong và ngoài nước. Những nỗ lực này đã có kết quả khác nhau. Phần lớn đầu tư tư nhân được thực hiện trong lĩnh vực sản xuất và du lịch - những lĩnh vực có rất ít sự tham gia của chính phủ và các doanh nghiệp nhà nước hiện có không có tính cạnh tranh. Nhiều khu vực quốc doanh không mở cửa cho đầu tư nước ngoài. Thông tin về kết quả hoạt động hàng năm của các DNNN của Nepal có thể được tìm thấy trên trang web này. https://mof.gov.np/uploads/document/file/Annual%20Status%20Review%20of%20Public%20Enterprant%202019_20200213054242.pdf.

Quản trị công ty của các DNNN vẫn là một thách thức và các vị trí điều hành được cho là đã được đảm nhiệm bởi những người có liên quan đến các bộ trưởng chính phủ được bổ nhiệm về mặt chính trị. Các vị trí hội đồng quản trị thường được phân bổ cho các quan chức cấp cao của chính phủ và các DNNN thường được yêu cầu tham vấn các quan chức chính phủ trước khi đưa ra bất kỳ quyết định kinh doanh lớn nào. Sắc lệnh hành pháp năm 2011 yêu cầu quá trình lựa chọn cạnh tranh và dựa trên thành tích nhưng đã gặp phải sự phản đối trong một số bộ. Các nhà phân tích thị trường của bên

thứ ba coi hầu hết các DNNN ở Nepal được quản lý kém và có đặc điểm là bị chính phủ kiểm soát và can thiệp chính trị quá mức. Theo các nhà phân tích kinh tế trong nước, các DNNN đôi khi được ưu tiên cho các đấu thầu của chính phủ, mặc dù chính sách chính thức quy định rằng các DNNN và các công ty tư nhân phải cạnh tranh theo các điều khoản và điều kiện như nhau.

Doanh nghiệp tư nhân không có khả năng tiếp cận tài chính như DNNN. Các doanh nghiệp tư nhân chủ yếu dựa vào các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính để kinh doanh và cấp vốn cho dự án. Tuy nhiên, các DNNN cũng có thể tiếp cận nguồn vốn từ các ngân hàng quốc doanh, ngân hàng phát triển và các phương tiện đầu tư khác của nhà nước. Các nhượng bộ hoặc cơ sở tương tự không được cấp cho các doanh nghiệp tư nhân. Các DNNN nhận được các lợi thế phi thị trường, do họ gần gũi với các quan chức chính phủ, mặc dù những lợi thế này có thể khó định lượng. Một số DNNN, chẳng hạn như Cơ quan Điện lực Nepal hoặc Tổng công ty Dầu khí Nepal có độc quyền ngăn cản các đối thủ cạnh tranh nước ngoài tham gia vào các lĩnh vực thị trường đó.

Ngân hàng Thế giới tại Nepal đánh giá các tiêu chuẩn quản trị công ty (cả luật pháp và thực tiễn) dựa trên các Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD, tập trung vào các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nhận thức về tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp ngày càng cao. NRB đã đưa ra các tiêu chuẩn quản trị công ty cao hơn cho các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác. Theo Nguyên tắc Quản trị Doanh nghiệp của OECD, Ngân hàng Thế giới đã khuyến nghị vào năm 2011 rằng GoN củng cố các thể chế thị trường vốn và đại tu OCR. Mặc dù một số cải cách đã được khởi xướng, nhiều cải cách chưa từng được hoàn thiện và không có cải cách nào được thực hiện tại OCR.

Chương trình tư nhân hóa

Đạo luật Tư nhân hóa năm 1994 cho phép và xác định các thủ tục tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước để mở rộng sự tham gia của khu vực tư nhân vào hoạt động của các doanh nghiệp đó. Đạo luật Tư nhân hóa năm 1994 nói chung không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tuy nhiên, trong trường hợp các đề xuất từ hai hoặc nhiều nhà đầu tư giống hệt nhau, chính phủ sẽ ưu tiên cho các nhà đầu tư Nepal.

Cải cách kinh tế, bãi bỏ quy định, tư nhân hóa các doanh nghiệp và ngành công nghiệp dưới sự kiểm soát của chính phủ, và các chính sách tự do hóa đối với FDI đã được khởi xướng vào đầu những năm 1990. Trong thời gian này, các lĩnh vực như viễn

thông, hàng không dân dụng, nhập khẩu than, báo in và điện tử, bảo hiểm, và sản xuất thủy điện đã được mở cửa cho đầu tư tư nhân, cả trong và ngoài nước. Việc tư nhân hóa đầu tiên của một công ty quốc doanh được tiến hành vào tháng 10 năm 1992 thông qua quyết định của Nội các (lệnh hành pháp). Kể từ đó, có tổng cộng 23 công ty quốc doanh đã được cổ phần hóa, thanh lý hoặc giải thể, mặc dù quá trình này vẫn chưa thay đổi kể từ năm 2008.

Công ty cuối cùng được tư nhân hóa (một phần) là Nepal Telecom vào năm 2008 (mặc dù GoN vẫn là cổ đông lớn). Kể từ đó, không có DNNN nào được tư nhân hóa. Trước đây, quá trình tư nhân hóa được khởi xướng bằng quy trình đấu thầu công khai minh bạch và không phân biệt đối xử. Tuy nhiên, sự chậm trễ về thủ tục, sự phản đối từ các tổ chức công đoàn và sự thiếu ý chí trong Chính quyền Nepal, đã tạo ra những trở ngại cho quá trình tư nhân hóa. Ban Điều phối Doanh nghiệp và Tư nhân hóa của Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý chương trình tư nhân hóa. Các nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia vào các chương trình tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước.

Hành vi kinh doanh có trách nhiệm

Nhận thức về các kỳ vọng quốc tế chung về hành vi kinh doanh có trách nhiệm (RBC) vẫn còn rất thấp ở Nepal. Các quy tắc, chính sách và tiêu chuẩn của chính phủ liên quan đến RBC hầu như chỉ giới hạn ở các vấn đề môi trường. Các vấn đề xã hội và quản trị không được chính phủ thúc đẩy và thực thi.

Các luật, chính sách và quy tắc của chính phủ liên quan đến RBC, bao gồm các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội, được đưa ra. Tuy nhiên, các cơ quan chính phủ và các quan chức chịu trách nhiệm thực thi chúng đã bị chỉ trích vì không hoàn thành trách nhiệm của mình. GoN đã không soạn thảo kế hoạch hành động quốc gia cho RBC và không đưa các chính sách của RBC vào các quyết định mua sắm. Các tổ chức và công đoàn của người lao động là những tổ chức có tiếng nói nhất trong việc thúc đẩy hoặc giám sát RBC. Ngoài Sở Lao động, cơ quan làm việc với các tổ chức và công đoàn của người lao động, các cơ quan chính phủ không tích cực khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài và trong nước tuân theo các nguyên tắc RBC thường được chấp nhận. ILO đang nỗ lực thúc đẩy RBC trong lĩnh vực nông nghiệp, tập trung vào các ngành công nghiệp chè, gừng, bạch đậu khấu và sữa.

Các nỗ lực của GoN nhằm phát triển và thực thi luật bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng, quyền lao động và nhân quyền còn rời rạc và thiếu hiệu quả. Các bộ và các ban ngành liên quan có lúc khởi xướng các chiến dịch đặc biệt để thực thi luật và quy định bảo vệ các quyền này, nhưng đây không phải là thông lệ tiêu chuẩn. Các cơ quan chính phủ thường không thực thi các luật này, và các hình phạt nhỏ được đưa ra chỉ mang lại hiệu quả răn đe tối thiểu. Hiện tại, chưa có bất kỳ trường hợp nào về tác động của các dự án khu vực tư nhân đối với nhân quyền.

Nhiều cơ quan chính phủ khác nhau giám sát sự tuân thủ của các pháp nhân kinh doanh với các tiêu chuẩn và quy tắc khác nhau. Ví dụ: OCR xem xét các vấn đề về quản trị, Sở thuế vụ giám sát kế toán và Sở Lao động giám sát các tiêu chuẩn bồi thường điều hành. Không có tổ chức phi chính phủ hoặc quỹ đầu tư độc lập nào tập trung vào việc thúc đẩy hoặc giám sát RBC, mặc dù các tổ chức như Goodweave giúp quảng bá các sản phẩm không sử dụng lao động trẻ em.

GoN không khuyến khích tuân thủ Hướng dẫn về thẩm tra chuyên sâu do OECD cung cấp đối với các chuỗi cung ứng khoáng sản có trách nhiệm từ các khu vực có xung đột và rủi ro cao. Hầu như không có ngành công nghiệp khai thác nào ở Nepal, ngoài khai thác cát dưới lòng sông và quốc gia này không tham gia Sáng kiến minh bạch các ngành công nghiệp khai thác.

Tham nhũng

Một số báo cáo cho rằng tham nhũng tràn lan ở Nepal. Theo lời của một quan chức Ngân hàng Thế giới, tham nhũng ở Nepal là “đặc hữu, được thể chế hóa và thúc đẩy từ cấp trên”. Tham nhũng có nhiều hình thức nhưng phổ biến là trong việc cấp giấy phép, đấu thầu của chính phủ và quản lý doanh thu. Luật chính được sử dụng để chống tham nhũng ở Nepal là Đạo luật Phòng chống Tham nhũng 2002. Luật này nghiêm cấm tham nhũng, hối lộ, rửa tiền, lạm dụng chức vụ và các khoản thanh toán để tạo điều kiện cho các dịch vụ, cả trong khu vực công và tư. Theo một báo cáo của GAN Integrity, một công ty hợp tác với các doanh nghiệp để giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp, “việc thực hiện và thực thi [Đạo luật Phòng chống Tham nhũng] còn thiếu sót, khiến mức độ tham nhũng trong nước là không thể kiểm soát được”. Báo cáo tiếp tục lưu ý rằng hệ thống tư pháp của Nepal “chịu ảnh hưởng của tham nhũng và hành pháp tràn lan”, rằng “tham nhũng hoành hành trong các sĩ quan [cảnh sát] cấp thấp,” và

“Các viên chức thuế Nepal có xu hướng tham nhũng, và một số tìm cách các vị trí trong lĩnh vực đặc biệt để làm giàu cá nhân. ” Báo cáo đầy đủ có tại: <https://www.ganintegrity.com/portal/country-profiles/nepal>.

CIAA là cơ quan hiến pháp của Nepal về kiểm soát tham nhũng. Hiến pháp năm 2015 trao quyền cho CIAA tiến hành “các cuộc điều tra về các hành vi lạm dụng quyền lực do bất kỳ người nào nắm giữ chức vụ công gây ra”. Trên thực tế, các vụ bắt giữ và điều tra của CIAA có xu hướng tập trung vào các quan chức chính phủ cấp thấp hơn. Theo Chỉ số Nhận thức Tham nhũng năm 2020 do Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI) công bố, Nepal xếp thứ 117 trong số 180 quốc gia, xếp vào nhóm các quốc gia “tham nhũng cao”. Vào tháng 1/2018, truyền thông địa phương đưa tin CIAA đang soạn thảo dự luật thay thế Đạo luật Phòng chống Tham nhũng, với mục tiêu khiến luật mới tương thích với Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng mà Nepal đã ký năm 2011. Nepal không phải là thành viên của Công ước chống hối lộ của OECD.

Mặc dù luật chống tham nhũng mở rộng cho các thành viên gia đình của quan chức và cho các đảng phái chính trị, nhưng không có luật hoặc quy định nào được thiết kế đặc biệt để chống xung đột lợi ích trong việc trao hợp đồng hoặc đấu thầu của chính phủ. Các quan chức của GoN nhận thức được rằng không nên có xung đột lợi ích khi trao các hợp đồng, nhưng việc này được thực hiện như thế nào là do cơ quan chính phủ có liên quan quyết định.

GoN không yêu cầu các công ty thiết lập các quy tắc ứng xử. Các công ty tư nhân sử dụng các chương trình kiểm soát nội bộ, đạo đức và tuân thủ để phát hiện và ngăn chặn hành vi hối lộ của các quan chức chính phủ hay không thì không rõ, tuy nhiên, điều này không có nghĩa là không có công ty nào sử dụng các chương trình đó. Các tổ chức phi chính phủ tham gia điều tra tham nhũng không nhận được sự bảo vệ đặc biệt.

Môi trường chính trị và an ninh

Năm 2017, Nepal đã tổ chức thành công các cuộc bầu cử cấp địa phương, cấp tỉnh và cấp quốc gia để thực hiện đầy đủ hiến pháp năm 2015 của mình. Người Madhesi ở vành đai phía nam Terai của Nepal, cùng với các nhóm dân tộc bị loại trừ về mặt truyền thống và các nhóm được đặc quyền khác, tin rằng hiến pháp không đủ bao hàm và những bất bình của họ không được giải quyết. Tuy nhiên, sau bầu cử, cảm giác bị tước quyền này có thể được xoa dịu phần nào do việc các đảng Madhesi đã đạt được

đa số trong cuộc bầu cử hội đồng cấp tỉnh của Tỉnh 2. Đảng Cộng sản Nepal (NCP) - được thành lập bằng cách sáp nhập Đảng Cộng sản Nepal (Chủ nghĩa Mác Lê Nin Thống nhất (UML)) và Đảng Cộng sản Nepal (Chủ nghĩa Mao Trung Dung - đã trải qua cuộc bầu cử năm 2017 để thành lập chính phủ đa số 2/3 trong năm 2018. Tuy nhiên, mâu thuẫn nội bộ trong NCP đã bùng phát và chiếm ưu thế trong phần lớn năm 2020, dẫn đến việc Thủ tướng KP Sharma Oli giải tán nghị viện hồi tháng 12 năm 2020. Mặc dù nghị viện đã được Tòa án tối cao khôi phục lại vào ngày 23 tháng 2 năm 2021, ngày 7 tháng 3, Phán quyết của Tòa án Tối cao đã chia NCP thành các thành phần ban đầu là Đảng Cộng sản Nepal (CPN) - Các đảng theo chủ nghĩa Mác Lê-nin (CPN-UML) và CPN-Chủ nghĩa Mao Trung Dung (CPN-MC). Cuối cùng, Thủ tướng Oli đã bị lật đổ và một chính phủ liên minh dưới sự điều hành của Thủ tướng Sher Bahadur Deuba của Quốc hội Nepal hiện tại vị với trách nhiệm tổ chức các cuộc bầu cử mới trong năm 2022.

Bạo lực hình sự, đôi khi được tiến hành dưới chiêu bài hoạt động chính trị, vẫn là một vấn đề. Các cuộc đình công (tổng đình công) do các đảng phái chính trị và các nhóm kích động khác kêu gọi đôi khi ngăn chặn việc vận chuyển và đóng cửa các doanh nghiệp, đôi khi trên toàn quốc. Tuy nhiên, trong vài năm gần đây, rất ít vụ đình công được thực hiện thành công ở Kathmandu.

Trong mười năm qua, thường xuyên có những lời kêu gọi đình công, đặc biệt là ở Terai. Đôi khi, những người biểu tình đã phá hoại hoặc làm hư hại các nhà máy và các cơ sở kinh doanh khác. Vào ngày 22 tháng 2 năm 2019, một thiết bị nổ tự chế nhỏ (IED) đã được đặt qua đêm bên ngoài lối vào của NCell, nhà cung cấp dịch vụ di động lớn thứ hai của Nepal. Một người chết và hai người khác bị thương. Nhà máy thủy điện Arun 3 do Ấn Độ điều hành đã ba lần bị tấn công bởi IED và vào đầu năm 2018, ở Nepal đã có thông báo an ninh về các mối đe dọa bạo lực đáng tin cậy nhắm vào điểm tham quan Cáp treo Chandragiri Hills tư nhân. Những sự cố như vậy vẫn không xảy ra thường xuyên, nhưng không thể đoán trước được. Đôi khi, các cuộc biểu tình thường trở nên bạo lực. Biplav, một nhóm nhỏ theo chủ nghĩa Mao Trạch Đông từng đe dọa hoặc cố gắng tổng tiền các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp và cơ sở giáo dục trên khắp Nepal trong những năm gần đây, đã đạt được thỏa thuận với chính phủ vào tháng 3 năm 2021 để từ bỏ bạo lực và tham gia vào chính trị hòa bình.

Chính sách và Thực hành Lao động

Lực lượng lao động của Nepal được đặc trưng bởi sự thiếu hụt trầm trọng công nhân lành nghề và sự thừa thãi của các công đoàn trực thuộc đảng chính trị. Chỉ một tỷ lệ nhỏ (14%) dân số trong độ tuổi lao động của Nepal có trình độ trung học cơ sở trở lên. Nhu cầu về lao động có tay nghề ở Nepal thấp, và trước đại dịch COVID, hàng nghìn người Nepal lành nghề và lao động phổ thông đã rời đi mỗi năm để làm việc ở nước ngoài, chủ yếu là Qatar, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Ả Rập Xê Út, Kuwait, Hàn Quốc, Nhật Bản và Malaysia. Hàng nghìn người khác cũng tìm kiếm việc làm ở Ấn Độ, quốc gia có đường biên giới mở với Nepal. Tỷ lệ thất nghiệp của Nepal là 11% và tỷ lệ thiếu việc làm cao đã tạo ra các yếu tố thúc đẩy, nhưng chênh lệch giữa tỷ lệ tiền lương của lao động nhập cư ở nước ngoài và trong nước đã khiến các ngành nông nghiệp và xây dựng của Nepal khó tìm đủ lao động, và nhiều công ty nhập khẩu các lao động từ Ấn Độ sẵn sàng làm việc với mức lương thấp hơn.

Theo Cục Thống kê Trung ương, tỷ lệ biết chữ của cả nước là 65,9%, với tỷ lệ biết chữ ở nam giới là 75,1% và nữ giới là 57,4%. Đào tạo nghề và kỹ thuật kém phát triển, và hệ thống giáo dục đại học quốc gia bị quá tải do tuyển sinh nhiều và không đủ nguồn lực. Nhiều học sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng không tìm được việc làm tương xứng với trình độ học vấn của mình. Ngoại trừ Ấn Độ, việc thuê lao động không phải là người Nepal không phải là một lựa chọn khả thi vì việc sử dụng lao động người nước ngoài bị hạn chế và cần có sự chấp thuận của Bộ Lao động. Đạo luật và Quy chế Lao động năm 2018 giới hạn số lượng nhân viên nước ngoài mà một công ty có thể sử dụng và thời gian nhân viên nước ngoài có thể ở lại Nepal là ba năm đối với những người có kỹ năng không chuyên và năm năm đối với những người có chuyên môn kỹ thuật. Thời hạn này có thể gia hạn, nhưng chỉ sau khi nhân viên đã rời Nepal ít nhất một năm, điều này càng làm suy yếu khả năng của công ty trong việc giữ chân nhân viên cần thiết dựa trên nhu cầu kinh doanh.

Theo luật pháp Nepal, trước đây rất khó để sa thải nhân viên. Luật lao động phân biệt giữa cắt giảm nhân sự và sa thải. Trong một số trường hợp, luật lao động của Nepal đã buộc các công ty phải giữ chân nhân viên, ngay cả khi doanh nghiệp đã đóng cửa. Người lao động tại các doanh nghiệp quốc doanh thường nhận được các gói thôi việc hào phóng nếu họ bị sa thải. Không có Bảo hiểm thất nghiệp. Nhiều doanh nghiệp tư nhân thuê lao động trên cơ sở hợp đồng cho những công việc không có tính chất tạm

thời như một cách để tránh luật lao động phiền phức. Tại một số ngân hàng thương mại và các doanh nghiệp khác, các công việc nhân viên bảo vệ, lái xe và nhân viên hành chính đều do nhân viên hợp đồng đảm nhận. Đạo luật Doanh nghiệp Công nghiệp năm 2016 và Đạo luật Lao động năm 2017 đều bao gồm điều khoản “không làm việc, không trả lương” và Đạo luật lao động làm rõ các quy trình tuyển dụng và sa thải nhân viên. Trên thực tế, rất khó để sa thải công nhân ở Nepal và Đạo luật Lao động khuyến khích việc thuê công dân Nepal bất cứ khi nào có thể. Một số đại diện liên đoàn lao động cho biết, Đạo luật Lao động mới 2017 nói chung là thân thiện với người lao động. Không rõ luật này đang được thực thi hiệu quả như thế nào. Đạo luật mới nêu chi tiết các yêu cầu về thời gian nghỉ, thanh toán và chấm dứt hợp đồng của nhân viên. Nó cũng có một số điều khoản để chấm dứt sự phân biệt đối xử tại nơi làm việc. Theo đạo luật này, người sử dụng lao động không được phân biệt đối xử với bất kỳ nhân viên nào dựa trên tôn giáo, màu da, giới tính, đẳng cấp và dân tộc, nguồn gốc, ngôn ngữ hoặc tín ngưỡng hoặc bất kỳ cơ sở liên quan nào khác. Đạo luật Lao động cũng xác nhận rằng người lao động có quyền thành lập công đoàn.

Theo luật, các liên đoàn lao động ở Nepal độc lập với chính phủ và người sử dụng lao động. Tuy nhiên, trên thực tế, tất cả các liên đoàn lao động đều liên kết với các đảng phái chính trị và có ảnh hưởng đáng kể trong chính phủ. Hiến pháp quy định quyền tự do thành lập và tham gia các công đoàn và hiệp hội. Nó chỉ cho phép hạn chế các công đoàn trong các trường hợp lật đổ, dụ dỗ, hoặc các trường hợp tương tự. Luật lao động cho phép đình công, ngoại trừ nhân viên trong các dịch vụ thiết yếu như cấp nước, điện và viễn thông. Sáu mươi phần trăm thành viên công đoàn phải bỏ phiếu ủng hộ cuộc đình công để cuộc đình công đó trở nên hợp pháp, mặc dù luật này thường bị bỏ qua. Luật pháp cũng trao quyền cho chính phủ tạm dừng đình công hoặc đình chỉ hoạt động của công đoàn nếu công đoàn gây rối loạn hòa bình hoặc ảnh hưởng xấu đến lợi ích kinh tế của quốc gia; trong thực tế, điều này hiếm khi được thực hiện. Các công đoàn thường xuyên tổ chức các cuộc đình công, thường không liên quan đến điều kiện làm việc, mặc dù chúng đã trở nên ít thường xuyên hơn và kém hiệu quả hơn trong những năm gần đây. Các đảng phái chính trị sẽ thường xuyên kêu gọi các cuộc đình công quốc gia chỉ diễn ra ở các khu vực cụ thể hoặc chỉ kéo dài trong vài giờ. Trong năm qua, Nepal không có bất kỳ cuộc đình công nào kéo dài đủ lâu để gây rủi ro đầu tư. Đạo luật SEZ được thông qua vào tháng 8 năm 2016 cấm công nhân đình công ở bất kỳ SEZ nào. Có

hai SEZ đang hoạt động một phần, nhưng GoN hy vọng con số cuối cùng sẽ là 15. Tuy nhiên, sự quan tâm của khu vực tư nhân đối với các SEZ đã trở nên thờ ơ.

Tổng số công đoàn tham gia ước tính vào khoảng một triệu, hay khoảng 10 phần trăm tổng lực lượng lao động. Ba tổ chức công đoàn lớn nhất được liên kết với các đảng phái chính trị. Liên đoàn Công đoàn Toàn Nepal (ANTUF) có liên hệ với chủ nghĩa Mao Trạch Đông là tích cực nhất và các chiến thuật tổ chức của nó đã dẫn đến các cuộc đụng độ bạo lực với các tổ chức công đoàn khác trong quá khứ. ANTUF và nhóm nhỏ của nó, ANTUF-R, rất hang hái trong việc bảo vệ các thành viên và thường xuyên tham gia vào các cuộc tranh chấp với ban lãnh đạo. Việc kích động công đoàn thường được tiến hành khi vi phạm các hợp đồng có hiệu lực và luật hiện hành, và các công đoàn hiếm khi phải chịu trách nhiệm về hành động của mình.

Thương lượng tập thể chỉ được áp dụng trong việc thiết lập tiền lương của người lao động. Công đoàn, chủ lao động và đại diện chính phủ tích cực tham gia vào hoạt động này. Đạo luật Lao động của Nepal, được cập nhật vào năm 2017, bao gồm hai loại cơ chế giải quyết tranh chấp lao động, một cho các tranh chấp cá nhân và một cho các tranh chấp tập thể dành cho các doanh nghiệp có từ 10 nhân viên trở lên. Nếu một tranh chấp không thể được giải quyết bởi nhân viên và ban lãnh đạo, vụ việc sẽ được chuyển sang hòa giải. Nếu hòa giải không thành, nó được giải quyết thông qua trọng tài. Đối với các tranh chấp cá nhân, người lao động được yêu cầu gửi đơn đến doanh nghiệp về khiếu nại của họ. Ban lãnh đạo công ty sau đó nên thảo luận về khiếu nại với nhân viên để giải quyết trong vòng 15 ngày. Nếu khiếu nại của nhân viên không thể được giải quyết giữa nhân viên và công ty, vấn đề có thể được chuyển đến Sở Lao động nơi các cuộc thảo luận sẽ được tổ chức với sự có mặt của các quan chức Sở Lao động. Nếu người lao động không hài lòng với quyết định của Sở Lao động, họ có thể khiếu nại lên Tòa án Lao động.

Đạo luật Lao động chỉ áp dụng cho các công ty, doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, hợp tác xã, hiệp hội hoặc các tổ chức khác đang hoạt động hoặc được thành lập, đăng ký hoặc thành lập theo luật hiện hành của Nepal bất kể mục tiêu của họ là kiếm lợi nhuận hay không. Đạo luật Lao động không áp dụng cho các tổ chức sau: Công vụ, Quân đội Nepal, Cảnh sát Nepal, Lực lượng Cảnh sát Vũ trang, các đơn vị được thành lập theo các luật hiện hành khác hoặc nằm trong các Khu kinh tế đặc biệt trong phạm

vi các quy định riêng được cung cấp và các nhà báo tác nghiệp, trừ khi được quy định cụ thể trong hợp đồng.

Việc thực thi các quy định của Nepal để giám sát lạm dụng lao động và các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn còn yếu. Các hoạt động ở các thị trấn nhỏ và khu vực nông thôn hiếm khi được giám sát. Quyền lao động quốc tế được công nhận trong phạm vi luật trong nước. Không có luật mới nào liên quan đến lao động được ban hành trong năm qua.

GoN không đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tối thiểu để loại bỏ nạn buôn bán người, mặc dù nó đang có những nỗ lực đáng kể để làm như vậy. Định nghĩa về buôn bán người theo Đạo luật kiểm soát và buôn bán người (HTTCA) của Nepal không khớp với định nghĩa về buôn bán người theo luật quốc tế. Vào tháng 6 năm 2020, Nepal chính thức gia nhập Nghị định thư Palermo. Trẻ em ở Nepal được thuê vào lao động trẻ em, bao gồm sản xuất gạch, thảm và hàng dệt may mặc dù GoN tuyên bố nghiêm túc về việc chấm dứt lao động trẻ em. Ngân sách của Thanh tra Lao động, số lượng thanh tra lao động, các nguồn lực và đào tạo liên quan đều không đủ để thực thi hiệu quả luật lao động của Nepal, bao gồm cả những luật liên quan đến lao động trẻ em. Báo cáo Nhân quyền gần đây nhất có thể được tìm thấy tại: <https://www.state.gov/reports/2020-country-reports-on-human-rights-practices/>. Các Phát hiện năm 2018 của Bộ Lao động về Các Hình thức Lao động Trẻ em Tệ nhất hiện có tại: <https://www.dol.gov/agencies/ilab/resources/reports/child-labor/nepal>

Cuối năm 2016, Chương trình Ưu đãi Thương mại Nepal - cho phép tiếp cận miễn thuế đối với một số sản phẩm sản xuất tại Nepal - đã có hiệu lực. Nepal đã xuất khẩu khoảng 2,4 triệu USD hàng hóa vào năm 2020 theo chương trình này (giảm so với 3,1 triệu USD năm trước). Để tiếp tục đủ điều kiện cho chương trình này, Nepal phải đáp ứng các tiêu chuẩn lao động nhất định.

Các chương trình bảo hiểm đầu tư khác

Trung Quốc đang cung cấp nguồn vốn đầu tư đáng kể, cả thông qua các công ty nhà nước và thông qua Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (ExIm). China ExIm đã cung cấp một khoản vay để xây dựng một sân bay quốc tế ở Pokhara và xây dựng một số dự án thủy điện. Ấn Độ cũng đã cam kết các nguồn lực đáng kể cho sự phát triển của Nepal, nhưng không rõ số tiền tài trợ đó đã được chuyển đến bao nhiêu.

Chương 5: Văn hóa trong kinh doanh và những điều lưu ý.

Tập quán kinh doanh

Nepal là nước đa dạng về sắc tộc, ngôn ngữ và văn hóa. Với bản chất gìn giữ truyền thống và bảo thủ, người Nepal là những người luôn tự hào về di sản quốc gia và dân tộc họ. Người nước ngoài thường phải chờ ai đó giới thiệu và phải dành thời gian xây dựng lòng tin với đối tác người Nepal trước khi bước vào đàm phán kinh doanh nghiêm túc. Du khách thường được chào đón bằng câu nói “Hello” (Xin chào) hoặc “Namaste”, sau đó là cái bắt tay. Kế đến là trao đổi danh thiếp. Người Nepal thích trò chuyện ngắn gọn trước khi tham gia vào các cuộc đàm phán kinh doanh. Về trang phục chỉ cần một bộ công sở thường ngày là hợp.

Một số điều cần cân nhắc khi kinh doanh với người Nepal:

- Cả cách chào và bắt tay truyền thống đều phổ biến trong môi trường kinh doanh Nepal. Nếu bắt tay với các đối tác làm ăn, hãy tránh nắm chặt tay. Hành vi này bị coi là hung hăng.
- Bạn hãy nói chuyện phiếm với đối tác trước khi bắt đầu bất kỳ cuộc thảo luận nào. Các mối quan hệ cá nhân phải được thiết lập trước khi bắt đầu kinh doanh. Làm quen với các đối tác kinh doanh thông qua thưởng trà (chiya) cũng là cách hay.
- Bạn hãy mong đợi được đối tác hỏi những câu hỏi không liên quan đến công việc của bạn. Mọi người thường hỏi thăm gia đình và kinh nghiệm sống của nhau để xây dựng mối quan hệ.
- Việc đàm phán hay đi kèm với hầu hết các thương vụ kinh doanh ở Nepal. Một khi cả hai bên đã đồng ý về một mức giá và điều khoản nhất định, đừng mặc cả thêm.
- Người Nepal có thể khá đơn giản trong cách họ đàm phán. Gian lận và lừa dối là hành vi không phổ biến.
- Hầu hết các quyết định sẽ được đưa ra bởi các nhà quản lý cấp cao mà không cần ý kiến đóng góp từ những người cấp dưới. Tuy nhiên, điều này có thể thay đổi tùy trường hợp.

- Mạng lưới kinh doanh của người Nepal thường bao gồm những người họ hàng và những người đồng vai vế.
- Bạn hãy làm quen với thư từ kinh doanh qua email để bắt đầu bằng một lời chào tinh thần trang trọng.
- Về chỉ số nhận thức tham nhũng (2017), Nepal đứng thứ 122 trong số 180 quốc gia, nhận được số điểm 31 (trên thang điểm từ 0 đến 100). Nhận thức này cho thấy khu vực công của nước này có phần tham nhũng.

Cảnh báo về đi lại

Lưu ý rằng đại dịch Covid đã buộc chính phủ Nepal không cho phép khách du lịch đến thăm mà không có thị thực và mua thị thực khi đến. Hiện nay, cần phải xin thị thực tại đại sứ quán Nepal ở nước ngoài trước khi du lịch đến Nepal. Tuy nhiên, dự kiến trong tương lai, du khách sẽ lại được phép mua thị thực khi đến Sân bay Quốc tế Tribhuvan ở Kathmandu.

Yêu cầu visa

Thủ tục nhập cảnh sẽ cần có một hộ chiếu còn hạn ít nhất sáu tháng tại thời điểm nhập cảnh và một bản thị thực. Trước Covid, khách du lịch có thể xin thị thực tại đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Nepal trước khi đi du lịch hoặc mua thị thực du lịch khi đến Sân bay Quốc tế Tribhuvan (Kathmandu) hoặc tại các điểm nhập cảnh chính thức trên đất liền.

Khách du lịch có thể yêu cầu:

Visa du lịch nhiều lần 15 ngày (30 USD)

Visa du lịch nhiều lần 1 tháng (50 USD)

Visa du lịch nhiều lần 3 tháng (125 USD)

Phí thị thực phải trả bằng đồng USD. Sân bay Nepal có các quầy dịch vụ đổi tiền và ATM, nhưng thanh toán bằng thẻ tín dụng không phải là lựa chọn tốt. Các điểm nhập cảnh chính thức chỉ chấp nhận đồng USD cho phí thị thực. Khách du lịch được lưu trú không quá 150 ngày trong bất kỳ năm dương lịch nào. Với thị thực du lịch 5 năm, một khách du lịch có thể lưu trú đến 180 ngày ở Nepal.

Bất kể mục đích là gì (du lịch, công tác, học hành...), điều mà doanh nghiệp cần lưu ý khi đến Nepal là doanh nghiệp phải nhập cảnh bằng thị thực du lịch, vì rằng không thể xin các loại thị thực khác từ nước ngoài. Loại thị thực của doanh nghiệp sẽ thay đổi trạng thái từ "khách du lịch" thành "không phải khách du lịch" sau khi tất cả các thủ tục giấy tờ cần thiết được nộp cho và chấp thuận bởi Bộ Di trú Nepal.

Kiểm tra thông tin của Bộ Di trú Nepal tại đây: immigration.gov.np để biết thêm chi tiết về các loại thị thực, bao gồm thị thực sinh viên và lao động. Mục đích đi du lịch của doanh nghiệp sẽ quyết định loại thị thực mà doanh nghiệp sẽ cần xin. Một số doanh nghiệp đã lưu ý rằng quá trình này có thể phức tạp và tốn thời gian. Tốt nhất là bạn nên lên kế hoạch trước và nhờ cậy luật sư ngay từ đầu.

Văn phòng chính của Bộ Di trú Nepal (DOI) tại khu phố Kalikasthan của Kathmandu và Văn phòng Nhập cư ở Pokhara là hai văn phòng duy nhất có thể gia hạn thị thực. Nói chung, không khó để gia hạn thị thực của bạn một vài ngày sau khi hết hạn, tuy nhiên trú lại quá lâu có thể dẫn đến hậu quả bạn bị nộp phạt nặng và khả năng bị bắt giam trong khi chờ thủ tục trục xuất chính thức, sau đó là lệnh cấm tái nhập cảnh từ bảy đến mười năm.

Bạn phải có thị thực hợp lệ trước khi được phép rời khỏi Nepal. Văn phòng Nhập cư tại Sân bay Quốc tế Tribhuvan không được phép gia hạn thị thực. Bạn sẽ không được phép rời Nepal cho đến khi thị thực được gia hạn hợp lệ.

Tiền tệ

Kể từ năm 1993, tiền tệ của Nepal đã được chốt với đồng rupee Ấn Độ với tỷ giá là 1,6 rupee Nepal (NPR) trên 1 rupee Ấn Độ (INR). Những năm gần đây, đồng USD đã mạnh lên so với INR, khiến NPR giảm giá. Kể từ tháng 7 năm 2021, tỷ giá hối đoái giữa NPR và USD là khoảng 119 NPR trên 1 USD.

Viễn thông/Điện tử

Các cơ sở viễn thông hoạt động khá tốt ở Kathmandu và các thị trấn lớn như Pokhara, Biratnagar, Birgunj, Bhairahawa và Nepalgunj. Chất lượng dịch vụ điện thoại bên ngoài các thành phố lớn vẫn còn kém, dù đã cải thiện. Các khách sạn lớn ở Kathmandu luôn có trung tâm cung cấp dịch vụ điện thoại, fax, email và internet 24/24. Dịch vụ cuộc gọi tính cước ngược (collect call) không có mặt ở Nepal. Các trung tâm viễn

thông tư nhân, với các dịch vụ điện thoại, email, fax và internet, có mặt trên khắp các thành phố lớn của Nepal và hoạt động từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Việc truy cập internet tại Nepal chủ yếu thông qua kết nối băng thông rộng, đôi khi bị chậm. Các dịch vụ điện thoại di động hoạt động bằng công nghệ GSM, cùng lúc với công nghệ CDMA đang được cài đặt. Việc mua các gói cước điện thoại di động tùy theo khả năng chi trả (pay as you go) tại Nepal là rất dễ với giá cả phải chăng. Ở nhiều khu vực nông thôn, dịch vụ viễn thông bên ngoài các thung lũng vẫn còn kém.

Vận chuyển

Nepal là một quốc gia không giáp biển. Giao thông vận tải (nội bộ và xuyên biên giới) của nước này gây cản trở không nhỏ cho hoạt động kinh doanh. Đối với du khách đến bằng tuyến đường Thái Bình Dương, Bangkok đóng vai trò là cảng trung chuyển chính. Hãng Thai Airways khai thác các chuyến bay khứ hồi hàng ngày đến Kathmandu. (Trong khi hãng Nepal Airlines khai thác một số chuyến bay thẳng đến nhiều thủ đô khác nhau ở châu Á nhưng bị cấm bay đến Liên minh châu Âu do lo ngại về an ninh.) Hãng Silk Air đưa khách đến Singapore hoạt động bốn ngày trong một tuần. Hãng Dragon Air khai thác sáu chuyến bay một tuần đến Hồng Kông. Đối với du khách đến bằng tuyến đường Đại Tây Dương, các tuyến kết nối thường là qua Abu Dhabi, Doha, Dubai hoặc New Delhi. Các hãng hàng không như Gulf Air, Air Arabia, Etihad Airways, Qatar Airways, Spice Jet và Indian Airlines có các chuyến bay kết nối đến Kathmandu. Qatar Airways có ba chuyến bay hàng ngày giữa Doha và Kathmandu, trong khi Gulf Air và Air Arabia mỗi hãng khai thác một chuyến bay hàng ngày. Tuyến New Delhi-Kathmandu là tuyến đường được kết nối tốt nhất, với ít nhất ba hãng hàng không khai thác một số chuyến bay mỗi ngày giữa hai thành phố. Ngoài ra, còn có một chuyến bay giữa Istanbul và Kathmandu do Turkish Airlines khai thác.

Nepal có một sân bay quốc tế ở Kathmandu, ba sân bay khu vực, chín sân bay phục vụ mọi thời tiết và 21 sân bay nội địa theo mùa trên khắp đất nước. Dịch vụ hàng không nội địa sẽ giúp khách du lịch đi đến các thành phố lớn và các trung tâm thương mại. Nepal không có cảng biển cũng như hệ thống đường sắt. Giao thông đường bộ bị hạn chế và còn kém, thường xuyên xảy ra sạt lở đất, cắt đứt đường đi lại. Ở khu vực phía nam của Nepal có một đường cao tốc đông tây đi qua.

Ngôn ngữ

Ngôn ngữ chính thức của Nepal là tiếng Nepal, giống như tiếng Hindi - được viết bằng hệ thống chữ Devanagari. Ngôn ngữ kinh doanh chính là tiếng Nepal, mặc dù nhiều doanh nhân nước này cũng nói được tiếng Anh và Hindi. Tất cả tài liệu nội bộ và thư từ trong các cơ sở chính phủ đều được viết bằng tiếng Nepal. Thư từ với các cơ quan chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp tư nhân thường được viết bằng tiếng Anh. Trong khu vực tư nhân, tiếng Anh được sử dụng cho hầu hết các tài liệu và thư từ.

Sức khỏe

Chăm sóc y tế tại Nepal còn hạn chế. Bệnh nghiêm trọng thường phải chuyển sang Singapore, Bangkok, hoặc New Delhi để điều trị. Doanh nghiệp nên nhanh chóng thanh toán bằng tiền mặt cho các bác sĩ và bệnh viện ở Nepal cho các dịch vụ y tế. Chương trình Medicare/Medicaid không cung cấp dịch vụ thanh toán ở nước ngoài. Bảo hiểm y tế bổ sung dành riêng cho việc điều trị ở nước ngoài và sơ tán bằng đường hàng không đến cơ sở y tế gần nhất được khuyến khích. Bệnh tật và chấn thương khi đi bộ ở vùng sâu vùng xa thường phải cứu hộ bằng máy bay trực thăng; với chi phí nằm trong khoảng từ 3.000 USD - 10.000 USD. Các du khách được khuyến nghị nên mua bảo hiểm du lịch để chi trả cho những trường hợp khẩn cấp như vậy.

Giờ địa phương, Giờ làm việc và Ngày lễ

Giờ chuẩn của Nepal đi trước GMT 5 tiếng 45 phút và trước Giờ chuẩn miền Đông 10 tiếng 45 phút. Nepal không có quy ước giờ mùa hè. Tất cả các văn phòng chính phủ và ngân hàng hoạt động sáu ngày trong tuần từ Chủ nhật đến thứ Sáu. Giờ làm việc bắt đầu từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Các văn phòng chính phủ hoạt động từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Hầu hết các doanh nghiệp (bao gồm cả các cửa hàng) đóng cửa vào thứ Bảy, nhưng thói quen này đang dần thay đổi. Đối với cộng đồng doanh nghiệp Nepal, Chủ nhật không phải là ngày nghỉ.

Lịch Nepal, được gọi là Bikram Sambat (B.S.), bắt đầu vào giữa tháng Tư. Sự đa dạng về văn hóa và tôn giáo khiến cho Nepal có nhiều ngày lễ trong năm. Lễ hội Dashain, được tổ chức từ giữa đến cuối tháng 10 năm 2020 là ngày lễ lớn nhất trong năm, tiếp theo là lễ hội Tihar vào giữa tháng 11. Khi nhiều người quay trở lại làng của họ trong

những lễ hội này, hầu hết các doanh nghiệp và văn phòng chính phủ sẽ đóng cửa. Do đó, bạn nên tránh đi công tác trong những ngày này.

Các ngày lễ Nepal năm 2021

Ngày 14 tháng 1 Maghe Sankranti

Ngày 30 tháng 1, ngày liệt sĩ (Sahid Diwas)

Ngày 12 tháng 2 Sonam Losar, Sonam Lhosar

Ngày 19 tháng 2 Prajatantra Diwas (Ngày Dân chủ)

Ngày 8 tháng 3 Nari diwas, ngày phụ nữ

Ngày 11 tháng 3 Maha Shiva Ratri, Ngày quân đội Nepal, Pashupatinath Mela

Ngày 14 tháng 3 Gyalpo Lhosar, Mithila Parikarma

Ngày 24 tháng 3 Ghoda Jatra (chỉ ở Thung lũng Kathmandu)

Ngày 14 tháng 4 năm mới của người Nepal

Ngày 21 tháng 4 Ram Navami

Ngày 1 tháng 5, ngày lao động

Ngày 12 tháng 5 Eid al-Fitr

Ngày 26 tháng 5 Buddha Jayanti

Ngày 29 tháng 5 Ganatantra Diwas (Ngày cộng hòa)

Ngày 22 tháng 8 Janai Purnima

Ngày 23 tháng 8 Gai Jatra (chỉ ở Thung lũng Kathmandu)

Ngày 30 tháng 8 lễ hội Shree Krishna Janmashtami / Gaura

Ngày 9 tháng 9 lễ hội Haritalika Teej (chỉ dành cho phụ nữ)

Ngày 19 tháng 9, ngày Hiến pháp và Indra Jatra

Ngày 29 tháng 9 Nijamati Diwas/Ngày công chức

Ngày 7 tháng 10 Ghatasthapana (ngày đầu tiên của lễ hội Dashain)

Ngày 12 tháng 10 Dashain Fulpati

Ngày 13 tháng 10 Dashain Mahastami

Ngày 14 tháng 10 Dashain Maha Nawami

Ngày 15 tháng 10 Dashain Bijaya Dashami

Ngày 4 tháng 11 Tihar Laxmi Puja

Ngày 5 tháng 11 Tihar Mha Puja / Govardhan Puja

Ngày 6 tháng 11 Tihar Bhai Tika

Ngày 10 tháng 11 Chhath Puja Parwa

Ngày 19 tháng 11 Guru Nanak Jayanti (chỉ dành cho người theo đạo Sikh)

Ngày 19 tháng 12 Udhauli Parva

Ngày 25 tháng 12 Giáng sinh (chỉ dành cho người theo đạo thiên chúa)

Ngày 30 tháng 12 Tamu Lhosar

Ngày cho các ngày lễ được chính phủ công bố vào đầu mỗi năm của Nepal (giữa tháng 4).

Chương 6: Một số liên hệ cần thiết

Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ (kiêm nhiệm Nepal, Bhutan)

Địa chỉ: EP-7A, Chandragupta Marg, Chanakyapuri, New Delhi-110021

Văn phòng, ĐT: +91.11.2687.9868; Fax:+91.11. 2687.9856

Phòng Lãnh sự, ĐT: +91.11.2687.9858, Fax: +91.11.2687.9869

Email: info@vietnamembassydelhi.in

Giờ mở cửa:

- Trao đổi Chính trị, Kinh tế, Văn hóa: thứ Hai đến thứ Sáu, 09:00 - 18:00
- Bộ phận Lãnh sự: thứ Ba và thứ Sáu 09:00 - 13:00

Website: <http://vietnamembassydelhi.in/>

Đại sứ quán Nepal tại Hàn Quốc (kiêm nhiệm Việt Nam)

Địa chỉ: Số 19, 2gil Seonjam-ro, Seongbuk-gu, Seoul

Điện thoại: 0082 (02) 37899770/1

Fax: 0082 (02) 7368848

Email:

1. eonseoul@mofa.gov.np;
2. nepembseoul2015@gmail.com;
3. nepembseoul@yahoo.com

Website: kr.nepalembassy.gov.np

Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ (kiêm nhiệm Nepal, Bhutan)

Địa chỉ: B-5/123, Safdarjung Enclave, New Delhi, India. Pin code 110029.

Điện thoại: +91 2617 5953

Fax: +91 2617 5954.

Email: in@moit.gov.vn

Bộ Quốc phòng

Địa chỉ: Singhdurbar, Kathmandu, Nepal (44107)

Số ĐT: + 977-1-4211289

Email: info@mod.gov.np

Website: <https://mod.gov.np/>

Bộ Nội vụ

Địa chỉ: Singhdurbar, Kathmandu

Số ĐT: + 977-1-4211208, + 977-1-4211214 1112, + 977-1-4211257, + 977-1-4211286

Email: control@moha.gov.np; gunaso@moha.gov.np

Website: <https://www.moha.gov.np>

Bộ Ngoại giao

Singha Durbar, Kathmandu, Nepal (44617)

Số ĐT: 977-1- 4200182/183/184/185; 1660-01-00186

Fax: 977-1- 4200061/056/160

E-mail: info@mofa.gov.np

Website: <https://mofa.gov.np>

Bộ Liên bang & Hành chính tổng hợp

Địa chỉ: Singhadarbar, Kathmandu (44600)

Điện thoại: (+977) - 01-4200318, 4200432, 4200291

E-mail: info@mofaga.gov.np

Website: <https://mofaga.gov.np>

Bộ Giáo dục, Khoa học và Công nghệ

Địa chỉ: Singhadurbar, Kathmandu, Nepal (44617)

Số ĐT: +977-01-4200382/+977-01-4200431

Email: info@moest.gov.np

Website: www.moest.gov.np

Bộ Năng lượng, Tài nguyên nước và Thủy lợi

Địa chỉ: Singhdurbar, Kathmandu

Số ĐT: + 977-01-4211516 / 4211426

Fax: + 977-01-4211510 / 4200026

Email: info@moewri.gov.np

Website: <https://www.moewri.gov.np>

Bộ Phát triển Nông nghiệp và Chăn nuôi

Địa chỉ: Singhdurbar, Kathmandu

Số ĐT: + 1618-070-777779

Email: info@moald.gov.np

Website: <https://moald.gov.np/>

Bộ Công nghiệp, Thương mại và Vật tư

Địa chỉ: Singha Darbar, Kathmandu

Số ĐT: 16600142114; 014211455

Email: info@moics.gov.np

Website: <https://moics.gov.np>

Bộ Lao động, Việc làm và An sinh xã hội

Địa chỉ: Singhadarbar, Kathmandu

Số ĐT: 01-4211678, 4211791, 4211733

Fax: 01-4211877

Email: info@moless.gov.np

Website: <https://moless.gov.np>

Bộ Tài chính

Địa chỉ: Singh Durbar, Kathmandu, Nepal

Số ĐT: + 977-1-4200537

Fax: + 977-1-4211720

Email: moev@mof.gov.np

Website: <https://mof.gov.np>

Bộ Công nghệ Thông tin và Truyền thông

Địa chỉ: Singha Durbar, Kathmandu

Số ĐT: +977-1-4211556

Fax: +977-1-4211729

Email: info@mocit.gov.np

Website: <http://www.mocit.gov.np>

Bộ Quản lý đất đai, Hợp tác xã và Xóa đói giảm nghèo

Địa chỉ: Singha Durbar, Kathmandu

Số ĐT: + 977-1-4211666

Email: info@molcpa.gov.np

Website: <https://molcpa.gov.np>

Bộ Cấp nước

Địa chỉ: Singha Durbar, Kathmandu

Số ĐT: + 977-1-4211693

Fax: + 977-1- 4211433

Email: info@mowss.gov.np

Website: <http://mowss.gov.np>

Bộ Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải

Địa chỉ: SinghaDurbar, Kathmandu

Điện thoại: + 977-1-4211732/4211931/4211655/4211603/4211880

Fax: + 977-1-4211720

Email: info@mopit.gov.np

Website: <http://www.mopit.gov.np/>

Bộ Phát triển Đô thị

Địa chỉ: Singha Durbar, Kathmandu, Nepal

Điện thoại: 977-1-4211673



Fax: 977-1-4211873

Email: info@moud.gov.np

Website: <http://moud.gov.np>

Phòng Thương mại Nepal

Địa chỉ: Chamber Bhawan, Kantipath

P.O. Box 198

Điện thoại: + 977-1-5330947 / 5330941

Fax: + 977-15329998

Email: info@ncc.org.np

Website: www.ncc.org.np

Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Xuất khẩu Nepal

Địa chỉ: Pulchowk, Lalitpur

ĐT: 977-1-5425898 / 5432642

Fax: 977-1-5525464

Email: info@tepc.gov.np

Website: <http://www.tepc.gov.np/>